L'INFORMATION FRANÇAISE

LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS

(Publication autorisée par arrêté du 20 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

CHỦ BÚT

Phần quốc-ngữ
PHẠM QUỲNH

Phần chữ nho
NGUYỄN-BÁ-TRÁC

Tome I

Nos 1-6

JUILLET-DÉCEMBRE

1917

IN TẠI
ĐÔNG-KINH ẤN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)
14-16, Rue du Coton, Hanoi
1917

NGUYỄN-TIẾN-LÃNG

NAM-PHONG TẠP-CHÍ

MỤC-LỤC

Quyển thứ I (*từ số 1 đến số 6*)

(*Nam-phong tạp-chí* mỗi năm chia làm hai quyển, mỗi quyển sáu số. Mục-lục này là thuộc về quyển thứ I, từ số 1 đến số 6, tức là từ tháng bảy đến tháng chạp tây năm 1917, phải đóng vào sau số báo thứ 6. Đóng thành quyển thì phải bóc bìa ra, xếp quốc-ngữ chữ nho ra hai phần, rồi đóng làm một, phần Tự-vựng để giữa. — Từ số 7 giở đi là sang quyển thứ II, bắt đầu số trang mới.) (1)

Số 1 — Juillet 1917

	Số trang
Mấy nhời nói đầu	1
Bàn về văn-minh học-thuật nước Pháp	9
Một bộ tiểu-thuyết mới « Nghĩa cái chết »	19
Cái vấn-đề về sự tiến-bộ	29
Tàu ngậm tàu lặn. I	43
Văn-uyển	51
Hội Hàn-lâm nước Pháp	55
Thời-đàm	61
Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết) I	71

Số 2 — Août 1917

Văn quốc-ngữ	77
Một bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền	80
Nước Mĩ trong cuộc chiến-tranh	85
Nghĩa gia-tộc	89
Sử luận	93
Triết-học là gì ?	97
Tổ triết-học nước Pháp : ông DESCARTES	100
Tàu ngậm tàu lặn. II	105
Cây cũng có cảm-giác như người	110
Thơ. — Văn tế ông Bách-đa-lộc. — Tự tình với sông Hương. — Hát mừng gió nồm	115
Truyện người lính băng tuyết. — Bình-phẩm sách mới : « Một tấm lòng ». — Nước Mĩ vào cuộc với Đồng-minh	121
Thời-đàm (Việc cách-mệnh Nga, nội-loạn Tàu)	129
Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết) II	141

Số 3 — Septembre 1917

Trường Đại-học	143
Trường Hậu bổ cũ với trường Pháp-chính mới	153

(1) Nhiều người tưởng phải nên chia ra từng mục mà đóng, mục nào riêng mục ấy. Chủ-ý bản-báo không phải như thế, chỉ định đóng liền 6 số với nhau thành một quyển nhớn, nên đánh số trang liền nhau từ số 1 đến số 6. Vậy xin các ngài có đóng cứ theo như thế.

Số trang

Bàn về bộ tiểu-thuyết « Vua bề » 159
Dịch sách « Phương-pháp luật » của ông DESCARTES. I. 169
Máy bay tầu bay. I. 175
Bài văn ông Hoàng-tử Cảnh tế ông Bách-đa-lộc. — Bàn về chữ « tài ». — Thơ . 179
Bàn thêm về trường Pháp-chính (Thư của quan tuần Phạm-văn-Thụ) . . . 187
Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết). III 193
Thời-đàm. — (Việc chiến-tranh). — Việc chính-trị ngoại-giao. — Việc Đông dương. 197

Số 4 — Octobre 1917

Sự giáo-dục đàn bà con gái. 207
Nghĩa-vụ là gì? 217
Sử-học chuyên-luận. I 223
Văn-học Hi-lạp. I 226
Dịch sách « Phương-pháp luận ». II 231
Triết-học của sự chiến-tranh 238
Máy bay tàu bay. II 241
Thơ cụ Yên-đồ. — Nghe đàn. — Đêm đêm tiếng đế kêu sầu. — Thơ văn đàn bà. 251
Về luật mới 261
Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết) IV. 269
Thời-đàm (từ ngày 20 tháng chín đến ngày 20 tháng 10) 271

Số 5 — Novembre 1917

Quan trường 277
Quan hạnh. — Thanh-liêm với tham-nhũng 283
Bàn về thơ nôm 293
Văn-học Hi-lạp. II 297
Dịch sách « Phương-pháp luận » của ông DESCARTES. III 301
Một nhà khoa-học đại-danh của nước Pháp : BERTHELOT tiên-sinh. I . . 307
Thơ cụ Yên-đồ. — Ông phỗng đá. — Sầm. — Thơ văn đàn bà. — Nhàn-Khanh thi-tập 311
Tự nguyện hóa chồng (Đoản-thiên tiểu-thuyết). 323
Giàu sang chưa chín một nồi kê (Truyện Tàu) 325
Nhời người Tây-ban-nha tặng nước Pháp 327
Cảm-tình của bạn đọc báo 329
Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết). V. 331
Thời-đàm. (từ ngày 20 tháng 10 đến ngày 20 tháng 11). — Một bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Xa-Lộ. 335

Số 6 — Décembre 1917

Thánh-dụ khuyên quan dân làm sách 349
Nghĩa-vụ nhà làm báo 352
Thế-lực Nhật-bản ở Tàu. I. 357
Văn-thuyết. 365
Pháp-văn thi-thoại : BAUDELAIRE tiên-sinh 367
Văn-học Hi-lạp. III 372
Đẹp là gì ? I 375
Một nhà khoa-học đại-danh của nước Pháp : BERTHELOT tiên-sinh. III . . 379
Thơ cụ Yên-đồ. — Thơ văn mới. — Ca-từ. — Nhàn-Khanh thi tập 384
Tổn-cổ lục. I. 393
Truyện cái dấu đỏ (tiểu-thuyết). VI 399
Thời-đàm (từ ngày 20 tháng 11 đến ngày 20 tháng 12). 402

東洋全權沙露公

（創立東洋大學者）

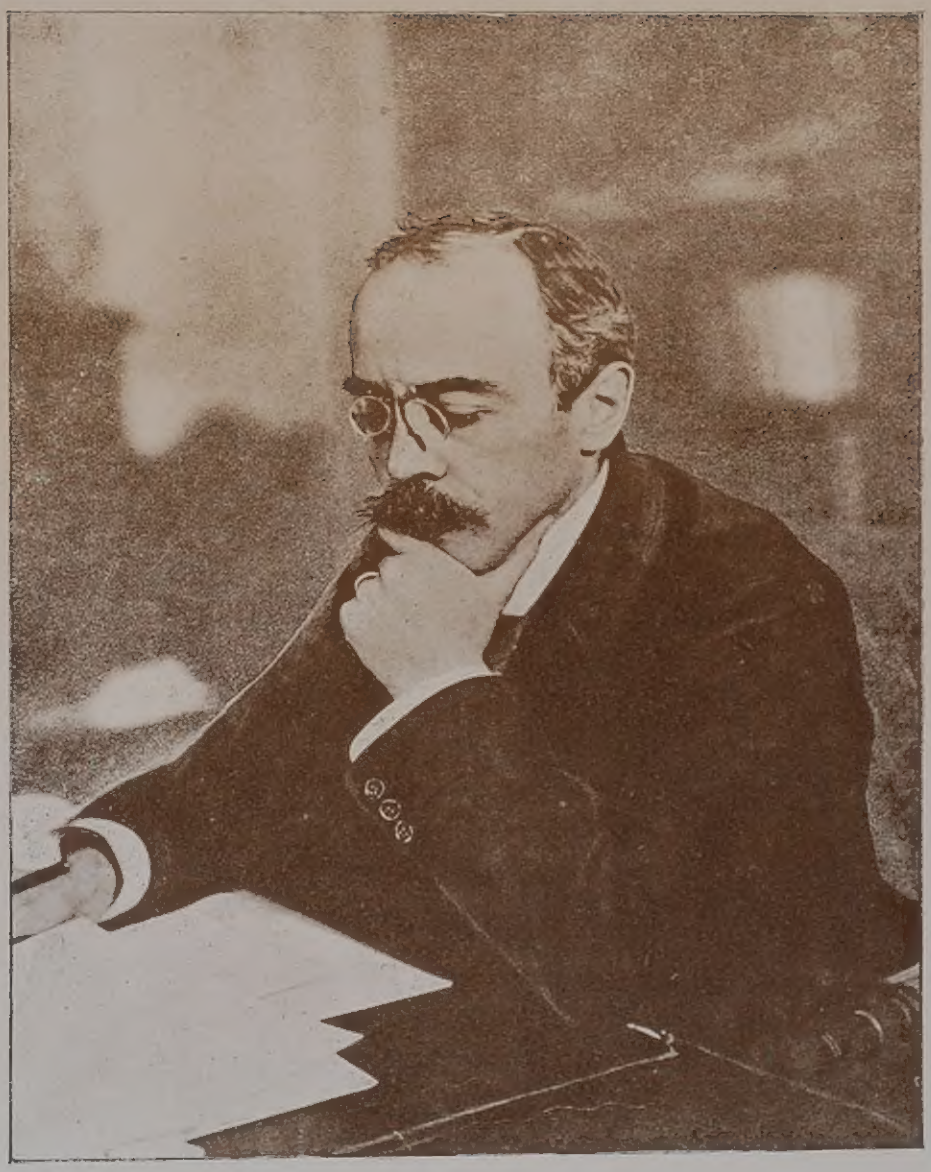

Quan Toàn-Quyền SARRAUT

Sáng-lập ra trường Đại-học Đông-Dương

18 1
tháng 7, năm 1917

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

MẤY NHỜI NÓI ĐẦU

I

Nhà buôn mới mở ngôi hàng tất phải đề ra ngoài biển chiêu khách: Bản-hiệu « phát-đoái » những thức gì, thức gì, lại thêm một câu : cực rẻ ! cực tốt ! — Tòa Nội-các mới lập thành tất phải ra tuyên-cáo với nghị-viện : bản chính-phủ mưu-toan những việc này, việc này, rất là ích-quốc lợi-dân.

Muốn xét đồ hàng của nhà buôn có thực rẻ, thực tốt, thì phải thử dùng mới biết được ; muốn xét cái chính-kiến của tòa Nội-các có thực ích thực lợi thì phải đợi thi-hành ra thực-sự mới biết được. Song cái lệ thường là dù nhà hàng mới, dù chính-phủ mới, lúc khai-chương, cũng phải có mấy nhời trình-bầy với bạn-hàng, với quốc-dân,... rồi mà đến sau sự thực có trái với nhời hứa thì cũng là *phó ư bất vấn !*

Cái lệ hay mà tiện thay !

Bản-báo mới xuất-bản há lại không theo lệ thường, ư ? Vả bản-báo cũng tự-phụ có một cái chương-trình riêng, thì há lại không lợi-dụng cái lệ thường ấy mà nói mấy nhời dông-giải với các bạn đọc báo, ư? Trước là để làm quen với các ngài, sau là để các ngài biết chúng tôi định hiến các ngài thức hàng gì,... không dám thêm câu : « cực đẹp ! cực tốt ! » như nhà buôn kia, nhưng nếu đồ hàng được vừa ý các bạn hàng, thì chúng tôi cũng lấy làm vui lòng.

Trước hết xin nói bản-báo không phải là một cửa hàng « thập-cẩm », không dám đảm-nhận với quốc-dân rằng có đủ mặt hàng cho trẻ con người nhớn, cậu học trò, ông làm quan, nhà cầy ruộng, người bán buôn.

Bản-báo không dám tự-phụ đem ban-bố cái phổ-thông trí-thức cho khắp các hạng người trong xã-hội, như mưa xuân tưới khắp cỏ cây.

Bản-báo không dám có cái chí to-tát muốn vừa giúp cho cuộc kinh-tế trong nước được thêm phát-đạt, lại vừa giúp cho sự khai-hóa trong dân được càng tiến-bộ.

Bản-báo không dám tự coi như một cửa công-đường mà ra tay sử-đoán những thói ăn cách ở hay dở dại khôn của quốc-dân.

Vậy thì bản-báo định làm gì ?

Bản-báo có một cái chương-trình riêng, một cái tôn-chỉ riêng.

Trước nhất bản-báo muốn đem sức nhỏ tài mọn mà giúp cho sự học trong nước.

Ngày nay ai cũng biết rằng học-giới nước ta chống-chải suồng-sã là nhường nào. Dân có giầu, người có khôn, nhưng sự học xem như còn mơ-hồ lắm-lắm. Mà có khôn, có giầu, ít học, thì tưởng cũng chưa gọi là tiến-bộ cho lắm.

Hoặc giả có người nói rằng : Ngày nay trường học dựng lên nhan-nhản, đứa trẻ mười tuổi cũng biết điện-khí hơi-nước là cái gì, cũng biết làm nổi bốn phép tính, viết được cái thư quốc-ngữ hỏi thăm bố mẹ anh em ; so với trước sự học chẳng phải là có tiến-bộ lắm dư ?

Xin đáp rằng : Sự học có năm bầy đường, người học có năm bầy hạng. Khác nhau chỉ bởi cái trình-độ cao-thấp mà thôi. Nhất-ban quốc-dân đều biết chữ cả thì thực là một sự rất hay. Nước lấy dân làm gốc, trong dân nếu được nhiều người có cái thông-thường học-thức, thì cái gốc trong nước tất được bền-chặt, cái nền trong nước tất được vững-vàng thêm lên. Vả phàm sự tiến-bộ quan-hệ đến một dân một nước, tất phải bắt đầu từ dưới lên. Trước dễ sau khó là cái nhẽ thường vậy. Như sự học trước phải cốt cho phổ-thông, sau mới cầu được hoàn-bị. Nhà-nước Bảo-hộ thực đã thâm-hiểu nhẽ đó, cho nên trong việc khai-hóa dân ta lấy sự phổ-thông giáo-dục làm một sự yếu-cần. Mỗi ngày mở thêm trường Pháp-Việt để dậy-dỗ cho bọn thiếu-niên nước ta biết những điều cần-dùng nên biết. Nhờ đó ngày nay trong nước mới có nhiều trẻ đã biết điện-khí hơi-nước là vật gì, đã làm nổi bốn phép tính, viết được một bức thư. — Về phương-diện ấy thì có tiến-bộ hơn xưa thực. Sự tiến-bộ ấy hiển-nhiên ai cũng biết. Nhưng xét về một phương-diện khác, thì xem như sự tiến-bộ còn chưa được rõ lắm ; xét kỹ thì ngờ rằng không biết có tiến-bộ hay không. Nước cốt ở dân, dân chủ ở một bọn người gọi là bọn « thượng-lưu », hay là bọn « thức-giả xã-hội », như nhà có cái nóc vậy. Nhà không có nóc thì ở sao được ? Nước không có một bọn thượng-lưu trí-thức để giữ-gìn cái cốt-cách trong nước, để bồi-dưỡng cái quốc-túy, thì sao gọi là một nước được ? Có nhà danh-sĩ Pháp đã nói rằng : « Nước Pháp sở-dĩ là nước Pháp, cũng chỉ nhờ một bọn bốn năm mươi người đại-trí. Nếu không có bọn ấy thì nước Pháp không phải là nước Pháp nữa. » Xưa kia bọn thượng-lưu trong nước ta là bọn nho-học. Nước ta không có đẳng-cấp sai-biệt như các nước khác, song sùng-trọng riêng một bọn nhó, là vì bọn nho là đại-biểu cái « cao-đẳng học-thức » trong nước. Ngày nay nho-học không thích-hợp với thời-thế như xưa, sự bài-bác cái cựu-học đã thành lệ, nhời bài-bác đã thành sáo vậy. Nhưng bất luận cái cựu-học hay hay là dở, cũng phải biết rằng đương thời thực là hợp với cái tình-thế trong nước, hợp với cái trình-độ quốc-dân, mà lâu ngày di-truyền đã thành như cái nền cái gốc của sự sinh-hoạt người nước ta về đường trí-thức, về đường đạo-lý. Về đường trí-thức thì cái học-vấn cũ đã in sâu vào trong não ta những lối tư-tưởng cảm-giác, không bao giờ mất hẳn đi được. Về đường đạo-đức thì cái luân-lý cũ đã gây dựng ra xã-hội ta, mà làm nền làm gốc cho cái gia-tộc của ta, cùng các chế-độ nhỏn trong nước. Nhờ cái học-vấn cũ, cái đạo-đức cũ ấy, mà nước ta đã sinh-tồn được đến ngày nay, đã có

một cái lịch-sử cũ đến hai ba nghìn năm, đã chiếm-cứ được một khu-vực riêng ở cái bán-đảo trên bờ-bể Nam-Hải này.

Nhưng cái học-vấn ấy, cái đạo-đức ấy là học-vấn đạo-đức của một thời-đại người nước ta chưa có cái tư-tưởng, cái quan-niệm gì đến thế-giới. Ông cha ta đã đề-tạo ra cái tổ-quốc ta, đã chung-đúc thành cái quốc-hồn ta, không ngờ rằng ngoài nước ta còn có nhiều nước khác, ngoài cái học-vấn đạo-đức của ta còn nhiều cái học-vấn đạo-đức khác nữa, mà có ngày ta không thể không biết được. Ngày ấy nay đã đến. Người nước ta nay đã tỉnh giấc mộng trăm năm, mở cái mắt mơ-màng ra mà nhìn cái thế-giới mới. Trông thấy những cảnh-tượng lạ-lùng mà kinh mà sợ. Tưởng mình như người thầy-tu khổ-hạnh ở chốn già-lam mà hốt-nhiên ai đem ra giữa một nơi thành-thị nôn-nao, cho đứng xem một đám cờ-bạc hay một cuộc hội-hè. Trước còn thấy những tiếng xôn-xao dộn-dịp chưa giải ra làm sao, sau nhìn kỹ mới biết rằng cái xôn-xao dộn-dịp ấy là cái biểu-diện sự hoạt-động của loài người ta trong thế-giới bây giờ. Sống ở trong thời-đại này tất phải có một phần trong sự hoạt-động ấy. Muốn có một phần trong sự hoạt-động ấy, tất phải biết cái cơ-quan nó thế nào. Muốn biết cái cơ-quan nó thế nào, tất phải biết cái nguyên-lý, biết cái cỗi-dễ nó, vậy thì tất phải nghiên-cứu cái học-thuật của các nước văn-minh bên Thái-Tây, là những nước chủ-động trong thế-giới bây giờ.

Nhưng phải nên nghiên-cứu ra làm sao ? Đó là cái vấn-đề mà bọn thượng-lưu trí-thức trong nước ta phải giải-quyết. Cái vấn-đề ấy rất quan-trọng, vì giải-quyết vấn-đề ấy tức là định cái thái-độ người nước ta đối với cái văn-minh học-thuật mới, cùng đối với đại-quốc đã đảm-nhận cái trách nhớn-nhao đem ban-bố cái văn-minh học-thuật ấy trong cõi Việt-Nam này để đưa rắt dân ta lên đường tiến-bộ.

Cái vấn-đề ấy xem như bọn thượng-lưu trí-thức trong nước chưa từng lưu-tâm đến lắm. Bởi thế cho nên dân ta theo đòi tây-học đã ba bốn mươi năm nay mà trong tân-học giới hãy còn vắng-vẻ như không. Về đường phổ-thông thì cũng có tiến-bộ một đôi chút, nhưng về mặt cao-đẳng thì xem ra chậm-chạp quá chừng. Đến như cựu-học giới thì bởi thời-thế mỗi ngày một eo-hẹp mãi đi. Một mai rồi cũng mai-một đi mất. Đến bấy giờ thì cái công-phu bồi-dưỡng quốc-hồn phó mặc cho ai ?

Hiện nay cái công-phu ấy đã trễ-nải lắm rồi ; quốc-dân đã sụt xuống mấy bậc trên cái thang đạo-đức, mà cái thang trí-thức cũng chưa từng thấy bước lên được bước nào. Phong-tục đã thấy suy-vi, nhân-tình đã thấy kiêu-bạc. Đã hay rằng cái buổi này là buổi giao-thời, cái nền-nếp cũ đã mất mà cái nền-nếp mới chưa thành, nhưng nếu không vượt qua buổi này cho an-toàn chót-lọt thì cái tương-lai ra làm sao ?

Mấy anh em đồng-chí chúng tôi băn-khoăn về cái vấn-đề ấy, mới mở ra tập báo này để cùng với các bực trí-thức trong nước tìm cách giải-quyết cho an-thỏa.

Chúng tôi thiết-tưởng rằng đương buổi bây giờ không gì cần-cấp bằng gây lấy một cái cao-đẳng học-thức mới để thay vào cái học thức cũ đã gần mất. Vì một dân một nước không thể giây phút bỏ quá được một cái phương-trâm thích-đáng về đường trí-thức, về đường đạo-đức, mà cái phương-trâm ấy phi tìm ở một cái cao-đẳng học-thức thì không đâu thấy được.

Muốn gây lấy một cái học-thức như thế thì chúng tôi lại thiết-tưởng rằng không gì bằng khéo điều-hòa dung-hợp cái học cũ của ta với cái học mới thời nay,

khiến cho sự học của ta sau này vừa không đến nỗi thất-bản mà vừa không đến nỗi trậm thời. Vì sự học cũng như mọi sự « hiện-tượng » khác trong cuộc sinh-hoạt một dân một nước, phải có gốc mà phải có ngọn. Cái ngọn là cái phần tăng-tiến lên được mãi, cái gốc là cái nền vĩnh-viễn của lịch-sử đã sây dựng lên. Có gốc thì mới vững được, có ngọn thì mới sống được. Có gốc mà không có ngọn thì là cái cây đã già cỗi, sắp đến ngày mục nát ; có ngọn mà không có gốc thì như cái dải giây leo tự mình không mọc thành cây được.

Trong nước ta ngày nay không những là những người thuần cựu-học mà không thích-dụng với thời-thế, những người thuần tân-học cũng là không ứng-thuận với quốc-dân. Người nọ thiếu cái gốc mà người kia thiếu cái ngọn vậy. Chi bằng ta tiếp ngọn nọ vào gốc kia mà gây lấy một giống cây riêng cho cái vườn Nam-Việt ta ?

Nhà làm vườn vẫn lấy việc tiếp cây là một việc khó. Nhưng nếu cái « nông-phố học-vấn » của ta còn thiếu-thốn nhiều thì ta đã có ông thầy chuyên-môn ở cạnh mình vạch đường chỉ lối cho ta.

Nhà-nước Bảo-hộ tất sẵn lòng mà giúp cho ta gây nên một cái tư-trào mới. Cái thiên-chức của nước Đại-Pháp xưa nay vẫn là đi dạy cho các dân các nước biết phát-siển cái quốc-túy của mình, khiến cho mỗi dân mỗi nước biết mình có một cái « nhân-cách » riêng mà sống theo cái « nhân-cách » ấy, chớ nước Pháp chưa từng bao giờ lấy sự đồng-hóa các dân khác theo như mình làm một cái lương-hảo chính-sách. Nước Pháp vẫn biết rằng mỗi dận cũng tức như mỗi người, không người nào giống người nào, không dân nào giống dân nào, nếu cưỡng-hóa cho giống nhau thì chỉ có hại mà không có lợi. Bởi thế cho nên từ khi sang cầm quyền chính-trị ở nước ta, nước Đại-Pháp vẫn tôn-trọng những lề-lối phong-tục của ta, không hề phạm đến cái thể-chế trong xã-hội ta, phạm đến cái giường-mối của luân-lý ta. Không những thế, mà nhà-nước có khi lại còn phải ngăn cái lòng nóng nẩy quá đáng của nhiều người đồng-bào ta muốn cấp-tiến mà phá-đổ cả cái nền-nếp của ông cha. Ta nên thể cái chính-sách khôn-ngoan ấy, mà trong sự nghiên-cứu cái học-thuật mới nên khéo kén-chọn điều-hòa cho quốc-dân được một cái « đồ ăn của tinh-thần » thích-đáng.

Vậy thì cái trách-nhiệm của bọn trí-thức trong nước ta ngày nay thực là to-tát lắm thay ! Ta phải đưa đường chỉ lối cho quốc-dân trong buổi giao-thời này. Ta phải hiểu rõ cái nghĩa-vụ của ta đối với nước ta, đối với cái đại-quốc đã nhận trách bảo-hộ cho ta mà dạy cho ta biết cái thuật sinh-tồn trong thế-giới bây giờ.

Cái trách-nhiệm của ta ngày nay có nặng, nhưng cái kết-quả mai sau tất được thập-phần lương-hảo. Nhờ có nước Đại-Pháp binh-vực cho ta ở ngoài, trị-bình cho ta ở trong, ta được yên-ổn tiện-lợi mà tập lấy cái nghề khó làm một dân-quốc trong cái đời sinh-tồn cạnh-tranh này. Bọn học-thức thì mở-mang trí-thức cho dân, cho hiểu biết cái phép tiến-hóa các dân các nước, cái nhẽ trị-loạn đời xưa đời nay, mà lượng biết cái địa-vị mình cho khỏi sai nhầm. Bọn nông, công, thương, thì hết sức khai-khẩn, chế-tạo, vận-chuyển, cho nước được thêm giàu có, thêm thịnh-vượng mãi lên. Hết thảy quốc-dân đều một lòng khuynh-hướng vào một cái mục-đích chung, thì sao chẳng có ngày đạt tới được? Biết đâu ? Đến ngày ta có đủ tư-cách mà quản-trị lấy công-việc ta thì nhà-nước hẹp gì mà chẳng cho ta được quyền tự-trị. Cái lượng nhớn ấy không phải là

trái với chính-sách của nhà-nước Bảo-hộ, mà thực là hợp với cái lý-tưởng, cái lịch-sử của nước Đại-Pháp.

Nhưng trước hết ta phải cố công cùng sức mà làm-ăn học-hành, cho sứng đáng cái lòng hi-vọng kia, cái lượng nhớn-nhao này.

Bản-báo cũng muốn giúp một phần nhỏ trong cái công-cuộc nhớn ấy. Bản-báo muốn vun-giồng lấy cái gốc học ở trong nước mà đưa cái tư-tưởng của quốc-dân vào đường chính-đáng.

Cái tôn-chỉ của bản-báo rất là thiết-thực, cái ý-hướng của bản-báo rất là phân-minh. Còn sự thực-hành được hay chăng thì không dám nói trước.

Nay tập thứ nhất mới xuất-bản, gọi là có mấy nhời phiếm-luận để cùng với các bạn đọc-báo giãi chút lòng si.

Ôi ! trong sách có câu : Gió phương nam ấm-áp, khá lấy giải được cái lòng hờn giận của dân ta ! Ước gì bản-báo cũng khiến được các bạn đọc-báo có cái cảm-giác như cái cảm-giác gió *Nam-phong* ! Bởi thế đặt tên báo.

Sau này xin liệt qua cái chương-trình của bản-báo.

II

1. — Cái mục-đích của bản-báo là muốn gây lấy một nền học mới để thay vào cái nho-học cũ, cùng đề-xướng lên một cái tư-trào mới hợp với thời-thế cùng trình-độ dân ta. Cái tính-cách của sự học-vấn mới cùng cái tư-trào mới ấy là tổ-thuật cái học-vấn tư-tưởng của Thái-Tây, nhất là của nước Đại-Pháp, mà không quên cái quốc-túy trong nước.

2. — Bản-báo không chủ sự phổ-thông mà muốn làm cái cơ-quan riêng cho bọn cao-đẳng học-giới nước ta, gồm cả những bậc cựu-học cùng tân-học mà dung-hòa làm một.

3. — Cái phạm-vi của bản-báo là gồm những sự học-thuật tư-tưởng đời xưa đời nay cùng những vấn-đề quan-trọng trong thế-giới bây giờ. Nhưng trong cách diễn-thuật bình-phẩm những học-thuật tư-tưởng cùng những vấn-đề ấy, bản-báo vụ theo lấy cái phương-diện dản-dị hơn nhất, cho thích-hợp với trình-độ người nước ta.

4. — Bản-báo theo thể « tạp-chí », mỗi tháng xuất-bản một tập, vừa bằng quốc-ngữ, vừa bằng chữ nho, mỗi phần ước 50, 60 trang, chia mấy mục như sau này :

1) Luận-thuyết.
2) Văn-học bình-luận.
3) Triết-học bình-luận.
4) Khoa-học bình-luận.
5) Văn-uyển.
6) Tạp-trở.
7) Thời-đàm.
8) Tiểu-thuyết.

— Mục « Luận-thuyết » là những bài bàn chung về các vấn-đề quan-hệ với thời-thế, nhất là những vấn-đề quan-hệ riêng với dân ta. Cái mục-đích những bài luận-thuyết ấy là cốt khiến cho người nước ta có một cái quan-niệm phân-minh chính-đáng về những vấn-đề ấy, để lý-hội thông-hiểu được việc nhớn trong thế-giới cùng trong nước nhà.

— Ba mục « Văn-học », « Triết-học », « Khoa-học » là cái phần cốt trong bản-báo. Cái thể là thể *bình-luận*, nghĩa là bàn rộng để mà lĩnh-hội lấy cái nghĩa nhớn. — « Văn-học » là gồm những khoa văn-chương, lịch-sử, cùng đại-để các môn-học thường gọi tổng-danh là *văn-học*. Mục này thường nhân những sách hay, hoặc sách cũ, hoặc sách mới, mà bàn rộng ra để thâu-nhặt lấy những tư-tưởng ý-kiến mới mà hay ; lại hoặc lược, hoặc dịch, hoặc diễn-thích mà giới-thiệu cho người nước ta biết những sách-vở có danh tiếng trong văn-chương các nước đời xưa đời nay, nhất là văn-chương nước Pháp là cái văn-chương ta có thể trực-tiếp mà lĩnh-hội cùng thưởng-giám được. — « Triết-học » là nghiên-cứu các lý-tưởng, lý-thuyết, đời xưa đời nay, so-sánh cái tư-tưởng của Tây-phương với cái tư-tưởng của Đông-phương, mà giúp cho sự đề-xướng một cái tư-trào riêng cho nước ta. Trong những bài bình-luận về triết-học này chúng tôi lấy cái « triết-trung chủ-nghĩa » làm cốt, nghĩa là không thiên về một cái học-thuyết nào, cái nào hay cũng thâu nhặt lấy. Nhưng cái tôn-chỉ của chúng tôi là giúp cho sự tiến-bộ của quốc-dân về đường trí-thức, về đường đạo-đức, thì tất khuynh-hướng về cái « duy-tâm chủ-nghĩa » hơn là cái « duy-vật chủ-nghĩa », về cái « duy-tha chủ-nghĩa » hơn là cái « duy-kỷ chủ-nghĩa ». Vậy về đường tư-tưởng chúng tôi thiên-trọng cái triết-học của nước Pháp, vì cái triết-học Pháp thực là gồm cả bấy nhiêu cái khuynh-hướng « duy-tâm », « duy-tha », mà thực là đáng làm mẫu cho cái tư-tưởng mới của ta. — « Khoa-học » tức là gồm cả các khoa-học chuyên-môn (vật-lý học, hóa-học, bác-vật học, sinh-lý học, số-học, thiên-văn học, địa-chất học, v. v.), cái phạm-vi rất là rộng. Cái mục-đích của chúng tôi không phải là muốn chuyên-luận riêng về từng khoa một, mà làm như một lớp dạy cách-trí đâu. Các khoa-học, ngày nay mỗi ngày một nhiều, mỗi ngày một thêm phức-tạp, dẫu người đại-trí dụng công nghiên-cứu suốt đời cũng không thể biết khắp được. Bởi thế các khoa-học mới thành những khoa chuyên-môn, nhưng vì chuyên-môn quá lắm khi các nhà chuyên-môn lạc mất cái nguyên-lý, cái phép-tắc nhớn, mỗi người có cái thiên-ý xét sự-vật theo phương-diện riêng của môn học mình. Chúng tôi muốn bàn chung về cái nguyên-lý, cái phép-tắc ấy, bàn chung về cái phương-pháp của các khoa-học, nghiên-cứu những nguyên-nhân nó đã khiến cho các khoa-học phát-đạt thịnh-hành như thế, thuật lại cái lịch-sử các khoa-học sinh-thành tiến-hóa ra làm sao, cùng cái lịch-sử của các sự phát-minh chế-tạo nhớn trong khoa-học giới. Mục này cũng có những bài chuyên-luận về những vấn-đề riêng của một khoa-học nào, nhưng đều là theo một cái tôn-chỉ cai-quát như thế cả.

— Mục « Văn-uyển » là để riêng cho những bài vận-văn, tản-văn, từ-phú, ca-khúc, v. v. bằng quốc-âm cùng bằng chữ nho. Mục này sẽ rộng mở để hoan-nghênh các nhà văn-sĩ mới nước ta, nhất là những nhà đã khéo đào-luyện cái chất nôm mà mở đường cho một lối văn-chương riêng bằng quốc-ngữ. Chúng tôi mong ở các nhà văn-sĩ mới ấy lắm, vì bao giờ nhời nôm ta có được « bằng nhập-lịch » vào cõi văn-chương thì sự học trong nước mới có cơ phát-đạt lên được, văn-chương vốn là cái máy truyền-đạt tư-tưởng rất nhậy !

— Mục « Tạp-trở » là gồm những bài nho nhỏ, những truyện vụn vặt, không thuộc vào các mục trên, những bài giới-thiệu các sách mới, những nhời danh-ngôn trích-lục các sách, những tin-tức về học-giới, v. v.

— Mục « Thời-đàm » là mục bàn về thời-sự, về các việc nhỏn trong ngoài. Bản-báo sẽ bình-tĩnh mà thuật những việc quan-hệ về chính-trị trong nước, khiến cho quốc-dân hiểu rõ cái chính-kiến của nhà-nước, cùng những sự nhà-nước mưu-toan ích-lợi cho dân ta. Trong mục này sẽ để riêng một phần để thuật cái đại-thế cuộc chiến-tranh trong một tháng.

— « Tiểu-thuyết » thì dịch những tiểu-thuyết hay ở tiếng Pháp ra. Trong sự kén-chọn những tiểu-thuyết tây để dịch, chúng tôi sẽ chủ nhất một điều : là chọn những sách văn-chương hay, nghĩa truyện cao, kết-cấu khéo, khá lấy làm mẫu cho cái lối tiểu-thuyết của ta về sau này.

— Sau hết mỗi số sẽ thêm mấy tờ « Tự-vựng » để diễn-thích những tiếng mới. Tự-vựng có ba phần : một phần quốc-ngữ, một phần chữ nho, một phần chữ pháp. Tưởng cũng là một việc có ích, có thể giúp được những người hoặc biết chữ tây mà không biết nghĩa ta, hoặc biết chữ nho mà không biết nghĩa tây ; cốt nhất là để định nghĩa những chữ mới cho dùng khỏi sai nhầm, mà đặt cái cơ-sở một bộ « Pháp-Nam đại tự-điển » về sau này.

PHẠM QUỲNH

8

LUẬN-THUYẾT

BÀN VỀ VĂN-MINH HỌC-THUẬT NƯỚC PHÁP

Văn-minh học-thuật một nước là biểu-hiệu của cái tinh-thần nước ấy. Cái tinh-thần ấy phát-hiện ra nhiều cách, nhưng rút lại có mấy cái đặc-tính nó phân biệt nước ấy với các nước khac, khiến cho nước ấy có một cái hình-dung riêng trong vạn-quốc, một cái địa-vị riêng trong thế-giới vậy. Phàm các nước nhớn đời xưa đời nay, đã có ảnh-hướng đến cuộc tiến-hóa của nhân-loại, đều có một cái tinh-thần riêng như thế cả. Cái tinh-thần ấy cũng tức như cái nhân-cách của từng người vậy. Nhân-cách mỗi người một khác, phát-hiện ra cái cách tư-tưởng, cảm-giác, sự cư-xử, hành-vi của mỗi người. Tinh-thần một nước cũng vậy mà phản-chiếu vào cái văn-minh học-thuật của nước ấy. Vậy muốn lý-hội được nghĩa sâu một cái văn-minh học-thuật nào, tất phải hiểu cái tinh-thần riêng của nước đã sinh-thành ra cái văn-minh học-thuật ấy.

Nay thử hỏi các nhà tây-học nước ta, sau khi đọc xong một quyển sách hay bằng chữ Pháp, sách văn-chương hay sách nghị-luận, sách tiểu-thuyết hay sách nhàn-đàm, thì cái cảm-giác ra làm sao ? Tất ai ai cũng từng nhận rằng cái cảm-giác ấy có một cái hứng-vị, một cái phong-thú riêng, không thể giải được, êm-đềm mà vui-vẻ, nhẹ-nhàng mà thiết-thực, thơm-tho mà mặn-mà; cái hương, cái sắc, cái điệu, cái tình nó có một cái vẻ thiên-nhiên mà dườm-nhuận, thanh-tao mà đậm-đà, thực xưa nay ta chưa từng được hưởng biết bao giờ. Cái cảm-giác ấy tuy không nói rõ ra nhời được, nhưng phàm người nào đã hơi hiểu văn-chương nước Pháp đều thấy phảng-phất như thế cả. Bởi đâu mà văn-chương nước Pháp có cái sức cảm-hóa sâu-xa mà đặc-biệt như thế ? Bởi cái tinh-thần riêng của nước Pháp vậy.

Ngày nay người nước ta đã quyết-chí theo đòi văn-minh học-thuật nước Pháp để nhờ đấy mà noi lên đường tiến-bộ ; vậy tưởng nên biết cái tinh-thần ấy thế nào để khỏi hiểu nhầm cái văn-minh học-thuật kia.

Giải rõ được cái tinh-thần ấy, phát-biểu được cái đặc-tính của nó, không phải là một việc dễ. Tất phải am-hiểu tính-tình tư-tưởng người Pháp, thông-thuộc văn-chương xã-hội nước Pháp. Lý-hội lịch-sử hiện-tình dân Pháp, mới có thể phát-ngôn một cách sác-đáng được. Chúng tôi không dám tự-phụ có đủ tư-cách như thế. Nhân mới được đọc một bài luận rất hay về « Văn-minh nước Pháp » (*La civilisation française*) của một nhà danh sĩ bên qui quốc, Victor Giraud tiên-sinh 1), thấy nhời nhẽ thực là ứng-hợp với cái cảm-giác lúc bình-thời, tựa hồ như cái mình vẫn ám-giải một cách phảng-phất xưa nay, nay có người đến chỉ-thị, diễn-thích, phát-minh cho rất tinh-tường, khám-phá được nhiều điều hay nhẽ thực về văn-minh học-thuật nước Pháp. Vậy tưởng không gì bằng tóm-tắt đại-ý ra sau này, bàn thêm vào, để giúp cho bọn ta hiểu rõ cái tinh-thần một nước đã có tiếng gọi là « ông thầy dạy nhân-đạo » (*la France, préceptrice d'humanité*) cho thế-giới vậy.

---

(1) Tiên-sinh là một nhà « phê-bình » có tiếng ở nước Pháp. Nguyên dạy văn-chương Pháp ở trường Đại-học Fribourg, bên Thụy-sĩ. Tiên-sinh làm bài luận về *Văn-minh nước Pháp* này, đã từng được hội Hàn-lâm ban « thưởng hùng-biện » (*prix d'éloquence*) năm 1916.

I

Trong một bộ tiểu-thuyết chước-danh của một nhà đại văn-hào Pháp ngày nay, có kể truyện một người thiếu-niên châu Á-tản (Alsace), trong bụng nhiệt-thành yêu tổ-quốc Pháp, có cái chí cao-thượng muốn thờ tổ-quốc một cách đặc-biệt, khiến cho người Đức cũng phải cảm-phục. Bèn quyết-chí ở đất Á-tản, không xin về nước Pháp, đến tuổi binh-dịch lại nhận đăng làm lính với Đức, tự nghĩ rằng : mình là con nhà Pháp-lan, đại-biểu một lối văn-minh cao-thượng, lạc loài ở cùng với một giống người thô bỉ cường-bạo, cái nghĩa-vụ của mình là phải ở chốn nhượng-địa này, như người lính canh bờ cõi, để giữ cho cái văn-minh tổ-quốc, phát-biểu cái văn-minh ấy ra mà cảm-hóa bọn thô-bỉ kia. Một năm giời ở trong trại quân Đức, thực là được lòng đủ mọi người, quan trên yêu, bạn-bè phục, sử với ai cũng rất mực nhã-nhặn, đến lúc mãn-khóa ra về, ai nấy đều tiếc ; khi từ-giã viên đội Phổ già coi mình trước thì được tin con gái lão vừa mới chết, bèn đi mua ngay một vòng hoa sắt đến viếng. Hai vợ chồng lão đội thấy anh ta sắp biệt mình mà còn sử tử-tế như thế, rất cảm-động trong lòng, mà nói rằng : « Phải chịu rằng người nước Pháp có nhiều nhân đạo hơn người các nước khác. »…..

Một câu của lão đội già nước Đức ấy thực là tóm-tắt được cái tinh-thần, cái đặc-sắc của văn-minh nước Pháp vậy.

Dân Pháp xưa nay vẫn là dân có cái nhân-đạo phong-phú hơn các dân khác. Trong các dân-quốc đời xưa đời nay, có lắm dân còn hiển-hách hơn dân Pháp nhiều. Nhưng chưa thấy dân nào gồm được đủ cái tư-cách chung của nhân-loại bằng dân Pháp vậy.

Một nhà thi-nhân Pháp đã có câu thơ rằng :

Plus je suis Français, plus je me sens humain.

(Tôi càng là người Pháp bao nhiêu thì tôi càng thấy tôi là người bấy nhiêu).

Người các nước khác thì thường càng gần cái quốc-tính bao nhiêu lại càng xa cái « nhân-tính » bấy nhiêu, vì quốc-tính là cái đặc-biệt, mà « nhân-tính » là cái thông-thường vậy. Xem như nước Đức : người Đức càng là người Đức bao nhiêu thì lại càng phản-đối với nhân-loại bấy nhiêu, vì cái nghĩa của người Đức không phải là cái nghĩa của loài người, cái quyền-lợi riêng của người Đức không giống cái quyền-lợi chung của thế-giới, càng sai-biệt bao nhiêu thì lại càng xa-cách bấy nhiêu. Đến như người Pháp thì có cái đặc-tính quan-sát mọi sự mọi vật theo cái phương-diện chung hơn là cái phương-diện riêng, theo cái thông-thường hơn là cái đặc-biệt, thành ra người Pháp càng gần quốc-tính bao nhiêu lại càng gần « nhân-tính » bấy nhiêu. Cho nên nói rằng người Pháp có nhiều nhân-đạo hơn các người khác là thế.

Nhân đạo là cái gì ? Nhân-đạo tức là cái người ta sở-dĩ là người ta vậy. Muốn nói dẫn-dị hơn thì nhân-đạo là cái cách làm người, cái thuật làm người theo một cái lý-tưởng thông-thường. Như thế thì trong thế-giới này không có dân nào thuộc cái cách ấy, sành cái thuật ấy bằng dân Pháp vậy.

Cả văn-minh học-thuật nước Pháp đều là nhuần-nhiễm một cái chất nhân-đạo ấy cả. Muốn minh-chứng điều ấy thì phải nghiên-cứu bốn cái bộ-phận nhớn nó dựng thành ra nền văn-minh một nước : 1° là văn-chương ; 2° là triết-học ; 3° là tôn-giáo ; 4° là lịch-sử.

GIRAUD tiên-sinh xét lần-lượt bốn cái bộ-phận ấy một cách rất tinh-tế, diễn-thích phân-minh, luận-chứng thâm-thiết, nhời văn bình-dị mà hùng-hồn, nét bút tả-thực mà văn-hoa, người thuật tiếc không thể truyền được cái hứng vị của nguyên-văn sang nhời nôm sốc-nổi.

II

Trước hết xét văn chương. Tiên-sinh nói :

« Văn-chương là hình-ảnh cái tinh-thần riêng, cái tính-chất riêng của một dân một nước, mà là cái hình-ảnh tự-nhiên hơn cả.

« Nói rằng văn-chương nước Pháp có nhiều *nhân-đạo* hơn các văn-chương đời nay thì thiết tưởng chỉ xét qua các văn-chương khác ấy là đủ biết vậy. Như văn-chương nước Nga thì thiên-trọng cái thần-bí, văn-chương nước Anh thì nhiều thi-liệu, văn-chương nước Đức thì nhiều triết-lý, văn-chương nước Tây-ban-nha thì nhiều tưởng-tượng hơn văn-chương Pháp. Nhưng so sánh với các văn-chương ấy thì văn-chương Pháp có nhiều nhân-đạo hơn. Các nhà làm văn Pháp chỉ tư-nghị đến người ta trước nhất cả, chỉ chủ hình-dung tả-mạc con người ta trong cái tình-cảnh, cái tâm tính, cái ý-tứ của mỗi người. Phàm những vấn-đề xét đến là những vấn-đề quan hệ với người ta cả, vấn-đề thuộc về đạo-lý hay vấn-đề thuộc về xã-hội vậy. Bao giờ cũng là chủ-ý về cái phép sử-thế của người ta, phép sử-thế riêng của từng người hay phép sử-thế chung của một đoàn-thể. Mà các nhà làm văn ấy chước-thuật cũng là chỉ vị người ta, muốn trực-tiếp với người ta, mà chủ nhất là cái người hiển-nhiên trông thấy, chớ không phải cái người lỗi-lạc đặc-biệt, tức là người trung bình mà không phải người siêu-việt. Vậy nhời văn cốt bình-thường cho người ta hiểu được, ý-tứ cốt dản-dị cho người ta hội được. Nói rút lại thì cái mục-đích cốt-tử của các nhà làm văn ấy là dậy-dỗ khuyên-răn người đời, truyền-thụ cho người ta cái nhân-đạo vậy. Cụ BOSSUET ngày xưa có phê-bình các nhà thi-nhân Hi-lạp mấy câu rằng : « Sách-vở của các bực ấy vừa có cái vẻ vui-thú mà vừa có cái vẻ nghiêm-trang. *Các ngài chỉ tán-tụng những công-nghiệp có ích-lợi cho đời người ta*, chỉ vụ việc công-ích, ích cho nước-nhà, ích cho xã-hội, thực là có cái khí-vị lương-thuần vậy. » Mấy câu ấy dùng để giải cái văn-chương nước Pháp tưởng cũng không phải là không đáng.

Tiên-sinh đã giải cái tính cách chung của văn-chương Pháp như thế rồi, bèn cử từng thời-đại, từng văn-phái mà bàn cho rõ thêm mãi ra.

Hai thời-đại chước-danh nhất trong văn-học sử nước Pháp là thế-kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18. Hai thế-kỷ ấy có khác nhau mà có giống nhau. Thế-kỷ thứ 17 thì là đời *cổ-điển*, thế-kỷ thứ 18 là đời *cách-mệnh*. Các nhà làm văn đời cổ-điển chỉ vụ nghiên-cứu cái tâm-lý người ta. Lấy người ta là một « giống rất hư-hoang, uyển-chuyển, tạp-đạp » (*être merveilleusement vain, ondoyant et divers*), nên phải xét nghiệm nó thật kỹ, cho giải được hết cái khóe ăn ở của nó, để tìm cách mà chữa-dậy. Vì các nhà ấy đã thông-tỏ cái tâm-tính con người ta mà biết rằng người ta *tính bản ác*, nếu không kiềm-chế những cái dục-tình sẵng lại thì xã-hội không thể ở được. Bởi thế các nhà ấy lấy sự duy-trì xã-hội làm mục-đích, vì xã-hội có duy-trì được, lòng người có kiềm-chế được thì người ta cùng xã-hội mới được sung-sướng.

Nói rút lại thì văn-chương thế-kỷ thứ 17 là văn-chương chữa đời, chủ sự ích-lợi cho người đời, tức là một pho tâm-lý, một bài luân-lý thực-hành vậy. — Thế-kỷ thứ 18 cũng là vụ cho người đời được sung-sướng. Các nhà làm văn đời cách-mệnh cũng chỉ nghiên cứu một cái vấn-đề về sự hạnh-phúc của người ta, nhưng khác người đời trước, là đời trước lấy cái hạnh-phúc ở sự kiềm-chế, đời này lấy cái hạnh-phúc ở sự tự-do, đời trước chủ sự duy-trì, đời này dùng kế phá-hoại vậy. Đời trước dạy người đời tính vốn ác, đời này xướng người đời tính vốn lành. Người đời đã tính vốn lành thì mọi sự khổ sở ở đời là bởi xã-hội cả, xã-hội đã không ra gì thì phải phá đổ xã-hội đi, mà hồi-phục lấy cái bản-tính của người ta lúc mới sinh-thành. Bởi thế mà các nhà làm văn chỉ thấy công-kích xã-hội, mà tán-tụng đời cổ-sơ là cái « hoàng-kim thời-đại » của loài người. Xem thế thì hai cái tư-trào của thế-kỷ thứ 17 cùng thế-kỷ thứ 18 thực là trái ngược nhau vậy. Nhưng xét kỹ có phải cái tôn-chỉ cũng là giống nhau không? Hai đời tuy xét người đời ra hai phương-diện khác nhau, song đều là chủ tìm cái cách cho người đời được sung-sướng, đều là vì cái nhân-đạo vậy.

Đã cai-quát hai thế-kỷ nhớn trong văn-học sử, lại bắt đầu từ khi mới có văn-chương cho đến đời cận-thế, lục ra những sách nào là lưu-truyền hơn cả mà xét xem sở-dĩ làm sao mà những sách ấy được lưu-truyền như thế, thì thấy những sách ấy đều là diễn-giải cái nhân-đạo một cách tuyệt-phẩm vậy. Kể từ sách *Roland anh-hùng ca* (La Chanson de Roland) là nền văn-chương cổ nhất của nước Pháp, đến bài tuồng *Le Cid* của ông CORNEILLE, đến tập *Tư-tưởng lục* (les Penséès) của ông PASCAL, đến những bài hí-kịch của ông MOLIÈRE, đến sách *Vạn pháp tinh-lý* (l'Esprit des lois) của ông MONTESQUIEU, cho đến thơ ông LAMARTINE, cho đến tiểu-thuyết bà GEORGE SAND, cho đến những bài phê-bình của ông SAINTE-BEUVE, tuy cái văn-chương phong-phú như thế, mà rút lại trong bấy nhiêu sách cái tôn-chỉ cũng là một, là tả con người ta ra đủ mọi cách, trong đủ mọi cảnh : khi sướng, khi khổ, khi vui, khi buồn. — lúc khôn-ngoan, lúc khờ dại, — lúc khao-khát những sự vô-hạn, lúc mưu-toan những việc trị-bình — lúc khổ vì cái ái-tình uốn-éo, lúc than vì thế-sự ngặt nghèo....

Xét như thế thì từ xưa đến nay phàm những sách hay trong văn-chương Pháp, được người đương-thời cảm-phục, hậu thế suy-tôn, chính là những sách có nhiều cái nhân-đạo hơn cả. Văn-chương Pháp có nhiều nhân-đạo vì văn-chương Pháp chủ nghiên-cứu người ta, mà trọng nhất là những cái vấn-đề quan-hệ đến người ta, đến cuộc hạnh phúc ở đời, phép xử-thế cùng đường vận-mệnh của người ta. Nhà thi-nhân La-mã có câu thơ nói rằng : « Tôi là người, phàm cái gì quan-hệ đến người ta không phải là không quan-hệ đến tôi. » Câu thơ ấy thực là cái biểu-hiệu của các nhà làm văn nước Pháp vậy.

Xưa nay người ta vẫn khen văn Pháp có ba cái tính-cách hay nhất : một là phân-minh, hai là giản gị, ba là thành-thực. Ba cái tính-cách ấy cũng là bởi cái nhân-đạo trong văn-chương mà ra cả. Như người Anh, người Đức, người Ý, làm văn thường là để sướng lấy một mình, để diễn lấy cái giấc mộng riêng ở trong lòng mà làm một mối khoái-lạc cho mình. Người Pháp làm văn vị người hơn là vị mình, cầm ngòi bút viết là chủ nói cái gì cho người đời nghe. Vậy cốt nhất là cho người ta hiểu mình. Nên phàm xướng ra cái tư-tưởng gì, không phải cứ mộc-mạc thế mà đem diễn ra đâu ; còn suy đi nghĩ lại, chắt lọc chung đúc mãi, gạn lấy cái tinh-hoa rồi mới diễn nó ra thành nhời ; cái nhời văn ấy cũng không phải là cẩu-thả, thực là

chải-chuốt chau-ruã cho nó rất vắn-tắt, rất giản-gị, rất phân-minh, khiến cho người đọc thấu-giải được ngay, không phải mất công khó nhọc tí nào. Bởi văn Pháp có cái đặc-tính như thế nên xưa nay đã được cái danh-dự dùng làm văn chung cho vạn-quốc trong việc giao-tế các nước với nhau. (1) Cái danh-dự ấy thực là sứng-đáng vậy thay!

III

Thứ-chi đến triết-học.

Muốn phát-biểu cái đặc-tính của triết-học nước Pháp, không gì bằng so sánh triết-học Pháp với triết-học Đức. Nước Đức xưa nay vẫn tự-phụ là nước chuyên-trị triết-học nhiều. Cái triết-học ấy hay dở thế nào, sự chiến-tranh ngày nay đã chứng hiển-nhiên cho thiên-hạ biết rồi. Nay cứ cái hình-thức mà xét thì triết-học Pháp thực là trái hẳn với triết-học Đức. Nước Đức lấy triết-học làm khoa chuyên-môn, chỉ một bọn người chuyên-trị, học riêng với nhau, bàn riêng với nhau, không trực-tiếp với người ngoài, mà không vụ cho cái tư-tưởng của mình đối-chiếu với cái nhẽ thực, nhẽ phải thông-thường. Bởi thế mà cái triết-học của Đức bí-mật u-ám, khi cao thì siêu-việt quá mà biến ra mây ra khói cả, khi thấp thì đê-liệt quá, thô-bỉ mà cứng-cỏi. — Triết-học Pháp thì thực là khác. Người Pháp lấy triết-học là một món chung cho cả mọi người có học-vấn, có trí-thức. Phàm làm người ai cũng có cái tư-cách biết suy-nghĩ, biết tư-tưởng, vậy thì ai cũng có thể lĩnh-hội phán-đoán cái chân-lý được. Nhà triết-học nghiên-cứu cái chân-lý, sở-đắc điều gì, phải đem công-bố ra cho mọi người biết, không phải là để nghiền-ngẫm trong một bọn chuyên-môn với nhau. Bởi thế mà phần nhiều các nhà triết-học Pháp đều là những nhà làm văn hay cả, vì muốn công-bố cái tư-tưởng của mình cho đắc-lực, tất phải biết diễn-giải nó ra cho người ta dễ nghe và dễ hiểu. Thực là trái với những nhà triết-học Đức, thường dùng một lối văn kỳ-khu trắc-trở, ngoài bọn nhà nghề ai xem cũng phải chán. — Triết-học Pháp lại còn có một cái đặc-tính nữa, là nó thâm-nhập cả các môn học khác. Các nhà triết-học thường kiêm văn-học, các nhà văn-học cũng không mấy khi là không có tư-cách nhà triết-học. Những bực văn-hào như BOSSUET, VOLTAIRE, LAMENNAIS, TAINE, RENAN mấy tiên-sinh, thực có thể liệt bằng-đẳng với những nhà triết-học chước-danh được. Không kể những bậc ấy, đến những nhà thuần văn-chương như CORNEILLE, MOLIÈRE, RACINE các tiên-sinh, mỗi nhà cũng có một cái « triết-học » riêng, tức là một cái quan-niệm về thế-giới, về người ta, cái triết-học ấy tản-mạn trong khắp sách vở của mỗi nhà. Triết-học Pháp cũng thâm-nhập cả khoa-học nữa. Không những cái lệ thường ở nước Pháp là những nhà triết-học phải có một cái « cách-trí học-vấn » rộng ; lắm nhà đại triết-học lại vừa là những bậc lý-học danh-gia nữa, như DESCARTES, PASCAL, AUGUSTE COMTE, COURNOT, CLAUDE BERNARD, HENRI POINCARÉ các tiên-sinh. Khoa-học triết-học thâm-nhập nhau như thế thì lợi cả hai đằng. Nhà triết-học trong khi quan-sát các nguyên-lý, lấy thực-tế làm căn-cứ, không sợ tư-tưởng những sự hoang-đường. Nhà khoa-học trong khi

---

(1) Hòa-ước Nhật-Nga năm 1906, điều 25 nói rằng: " Hòa-ước này làm bằng văn Pháp cùng văn Anh. Hai bản thực giống nhau, nhưng hễ khi có dị-nghị thì sẽ lấy bản Pháp văn làm bằng. » - Một người Nga tên là J. Novicow mấy năm trước có xướng lên cái nghị rằng các nước văn-minh Âu-châu, ngoài tiếng mình, nên dùng tiếng Pháp làm tiếng giao-thiệp chung.

nghiên-cứu các vật-chất, lấy cái nguyên-lý làm qui-nạp, không sộ mê man những sự phiến-toái. — Một cái đặc-tính nữa của triết-học Pháp, là cái triết-học ấy không ưa những lối độc-đoán. Ngồi không mà kết-cấu những « lâu-đài tư-tưởng » không nương-tựa vào cái gì chắc-thực, không căn-cứ vào cái gì vững-vàng, ấy là cái lối những nhà triết-học Đức. Các nhà triết-học Pháp thì chỉ chủ sự thiết-thực, không phải rằng không có tài kết-cấu bằng người Đức : DESCARTES nước Pháp có kém gì KANT nước Đức, AUGUSTE COMTE có kém gì HEGEL ? Nhưng người Pháp không lấy cái học-thuyết của mình mà làm như cái ngục để tự giam mình vào đấy, không bao giờ dám ra ngoài mà xét sự-vật ra cái phương-diện khác nữa. Người Pháp trọng sự tự-do, biết rằng cái chân-lý có năm bảy đường tới được, đường nào cũng là chính-đáng cả, không bắt ai phải theo một đường nào. Bởi thế mà triết-học nước Pháp có cái tính thiết-thực hơn triết-học các nước khác.

Nói rút lại thì các nhà triết-học Pháp kỵ nhất là những lối tư-tưởng hoang-đường, mà trọng nhất là những cái vấn-đề thiết-yếu cho người ta. Trong những sự bí-quyết của giời đất, các nhà ấy lấy cái bí-quyết về tâm-tính người ta là cái nên chủ-ý mà nghiên-cứu trước nhất. Vì giải được cái bí-quyết ấy, là giải được cái nghĩa đời người. Thế chẳng hơn là lấy cái tư-tưởng làm con cờ mà đem cái nọ chọi với cái kia trên cái bàn cờ vô-hình ư ? Thế chẳng hơn là lấy cái tư-tưởng làm viên gạch, chồng viên nọ lên viên kia mà sây cái lâu-đài trên bãi cát ư ?

Tiên-sinh nói : « Dạy cho người ta biết làm người, làm người cho rất hoàn-toàn, rất thâm-thiết ; cái bản-tính con người ta thế nào thì coi nó như thế, đừng quá trọng mà cũng chớ quá khinh, đừng suy-tôn quá mà cũng chớ hạ-miệt hoài ; phải nhận-biết cái giới-hạn của nó, phải phát-đạt cái tiềm-lực của nó, phải điều-hòa sự phản-trái của nó ; ấy là cái tôn-chỉ của triết-học nước Pháp từ xưa đến nay, cái tôn-chỉ ấy các nhà triết-học Pháp đã truyền-bá ra khắp thế-giới. Thiên-hạ còn có cái lý-tưởng kiêu-căng hơn ; đâu có cái khôn-ngoan, nhũn-nhặn, mà quảng-đại bằng ? »

Vị chi là triết-học Pháp cũng có cái đức-tính thuộc về nhân-đạo vậy.

IV

Thứ chi đến tôn-giáo.

Đại-để có thể nói được rằng triết-học là tôn-giáo của bọn tri-thực, mà tôn-giáo là triết-học của người thường dân vậy. Người dân là số nhiều trong một nước ; vậy thì tôn-giáo là cái biểu-hiệu chân-chính nhất, đầy-đủ nhất của cái lòng hi-vọng chung trong một nước.

Nước Pháp từ xưa đến nay vẫn lấy đạo « La-mã Thiên-chúa » làm quốc-giáo. Đạo Thiên-chúa thực đã có một phần to trong sự gây-dựng ra nước Pháp, trong sự giáo-hóa người dân Pháp, mà nước Pháp, người Pháp, từ đời Trung-cổ đến giờ, cũng có công to với giáo-hội, xưa đã được tiếng gọi « nước Pháp là con gái trưởng của Giáo-hội ». Như thế thì đạo Thiên-chúa thực là có thánh-khí với người Pháp, có cái nhân-duyên sâu-xa với dân Pháp vậy.

Vậy thì đạo Thiên-chúa ở nước Pháp có cái đặc-tính gì ? Chắc rằng cái giáo-thống, cái qui-tắc trong đạo thì ở nước nào cũng vậy. Nhưng đại-đề cùng một đạo ở mỗi nước cũng có khác nhau nhiều. Như đạo Thiên-chúa ở nước Ý-đại-lợi thì thiên-trọng cái bề mĩ-thuật, đạo Thiên-chúa ở nước Tây-ban-nha thì thiên-trọng cái bề thần-bí. Đến như đạo Thiên-chúa ở nước Pháp, thì thiên-trọng cái bề xã-hội vậy. Cụ Bossuet đã giải đạo Thiên-chúa là cái giây liên-lặc trong xã-hội, không những là liên lặc người một đời với nhau, mà lại liên-lặc cả người đời này với người đời trước, với người đời sau nữa ; không những là liên-lặc người một nước với nhau, mà liên-lặc cả người nước nọ với người nước kia, hết thảy cả người trong thế-giới nữa. Cái hi-vọng của đạo Thiên-chúa ở nước Pháp không những là muốn gây thành một cái đoàn-thể thuộc về tinh-thần ở trong cái đoàn-thể quốc-gia ; lại còn muốn khoáng-trương cái đoàn-thể ấy ra khắp thế giới mà dựng lên như trong kinh thánh gọi là cái « thiên-quốc » (*la cité de Dieu*) ở trong thiên-hạ. Cứ xem tổng-số những nhà truyền-giáo-sư của đạo La-mã Thiên-chúa, ba phần đến hai phần là người Pháp, thì đủ chứng rằng cái hi-vọng ấy không phải là hư-tưởng vậy.

Như thế thì Thiên-chúa-giáo của nước Pháp còn vị chung cả loài người hơn là vị riêng một nước mình. Thực là hợp với cái tôn-chỉ trong giáo chủ sự « cứu-thế » vậy.

Nói rút lại thì đạo Thiên-chúa của nước Pháp có mấy cái đặc-tính khác với đạo Thiên-chúa của các nước, mà biểu cái tinh-thần riêng của nước Pháp. Tiên-sinh giải cái đặc-tính ấy như sau này :

« Thiên-chúa giáo của nước Pháp bao giờ cũng chủ nhất một điều, là tăng-tiến cái giá-trị về « phần-hồn », cái phẩm-cách của người ta. Nên chuộng cái công-nghiệp hơn là sự « nguyền ngắm », mà chuộng cái công-nghiệp có ích cho xã-hội hơn là sự tu-hành riêng cho từng người. Tu-hành cũng không phải là tu-hành lấy một mình, bao giờ cũng là chủ lấy ích-lợi cho nhân-quần. Bởi thế mà các nhà tôn-giáo nước Pháp không hứng những sự biện-nạn huyền-bí về thần-học, những sự khảo-cứu tỉ-mỉ về thánh-thư, những sự tôn-sùng phiền-phức mà cầu-kỳ, như nhà tôn-giáo các nước khác. Nhà tôn-giáo nước Pháp lấy cái nhẽ phải thông-thường mà vụ những điều cốt-yếu ; lòng tín-ngưỡng bình-dị mà không tần-phiền ; rất hiểu những cảnh thực trong lòng người ; nhiệt-thành muốn truyền cái lòng tin của mình cho người khác ; nhất là khao-khát cái lòng từ-bi bác-ái vậy ».

Gồm bấy nhiêu cái đặc-tính lại chẳng phải là trọn cái nhân-đạo ư ?

Bởi vậy nói tôn giáo nước Pháp cũng là chủ nhân-đạo vậy.

V

Thứ chi đến lịch-sử.

Một nước có văn-chương, triết-học, tôn-giáo hay cũng chưa đủ ; phải có cái lịch-sử hiển-hách thì mới đủ chứng cái hay ấy.

Lịch-sử nước Pháp thực là sứng-đáng với văn-chương, triết-học, tôn-giáo nước Pháp vậy.

Nước Pháp thành-quốc sớm, sớm đã tự-biết mình có cái tư-cách một nước nhớn. Từ đời Trung-cổ cuộc nhất-thống trong nước đã tiệm thành, tuy chưa được hoàn-toàn, nhưng cái cơ-sở đã có. Gây được cuộc nhất-thống ấy, phải nhiều phen chiến-tranh. Nước Pháp ngày xưa đã có tiếng là nước thượng-võ, đã từng biết đủ các lối chiến-tranh : chiến-tranh để giữ nước, chiến-tranh để lấy đất, chiến-tranh vì cái thế quân-bình, chiến-tranh vì cái sức bành-trướng, chiến-tranh để đổ đế-quyền, chiến-tranh để đi truyền-bá. Nhưng đại-để những sự chiến-tranh ấy chỉ chủ một mục đích : là làm cho vững bền cái vận nước vậy. Nhân làm vững-bền cái vận nước mình, mà vừa giữ được cái thế quân-bình trong Âu-châu. Vì cái chính-sách của nước Pháp xưa nay vẫn là cầm-giữ ngăn-ngừa những nước nhớn khác không được sâm-phạm đến bờ cõi, đến quyền độc-lập của những nước nhỏ, để chiếm lấy phần hơn trong Âu-châu. Cái chính-sách ấy vẫn chủ lấy nước nọ mà hạn-chế nước kia, khiến cho cái thế-lực các nước ngang nhau, mỗi nước được tự-do mà phát-triển cái quốc-túy, theo-đuổi cái vận-mệnh riêng của mình. Bởi thế cho nên khi nào có một nước hay một vua hùng-cường khởi lên, muốn đoạt các nước khác, để cướp lấy cái thế-lực to hơn, thì nước Pháp cũng can-thiệp vào đánh, cố giữ lấy cái thế quân-bình cho Âu-châu. Xem như mấy phen nước Pháp đánh nhau với nhà vua Tây-ban-nha cùng nhà vua Áo-đại-lợi thì đủ biết vậy. Chắc rằng trong những trận ấy nước Pháp cũng có cái lợi riêng của mình ; nhưng bao giờ cái lợi riêng ấy cũng hợp với cái lợi chung của Âu-châu, nên lần nào nước Pháp được thắng trận là hồi ấy Âu-châu được hưởng hòa-bình. Nước Pháp không những giữ cho các nước được quyền tự-do độc-lập, mà lại còn đem tiền đem người đi giúp nhiều nước để khôi-phục lại cái quyền tự-do độc-lập của mình đã bị mất. Nước Mĩ được độc-lập cũng là nhờ có nước Pháp cứu-viện. Nước Ý được thống nhất thực là bởi công người Pháp nhiều. Nước Hi-lạp thoát-ly được quyền áp chế người Thổ-nhĩ-kỳ, chẳng phải là may mà được người Pháp can-thiệp vào giúp ư ? Nước Pháp có công với vạn-quốc như thế, là bởi nước Pháp vốn có cái tài khéo điều-hòa cái lợi riêng của mình với cái lợi chung hoặc của Âu-châu hoặc của thế-giới. Cũng vì đó mà nước Pháp được hơn các nước khác có cái tư cách biết quên mình mà vị người, hay cổ-võ những việc nghĩa-cử, nhiệt-thành vì những tư-tưởng công-lý nhân-đạo vậy.

Hoặc có người chê nước Pháp đi viễn-chinh để lấy thuộc-địa là trái với cái lý-tưởng trong nước. Chê thế là không hiểu cái tình-thế một nước nhớn ở trong thế-giới đời nay. Nước Pháp đi lấy thuộc-địa cũng là bởi cái địa-vị mình trong vạn-quốc nó khiến như thế. Các nước khác đều có thuộc-địa mà mình không thì chẳng hóa ra dành chịu phần kém phần thiệt, mà không giữ được cái thế quân-bình trong liệt-cường. Một đại-quốc sao có chịu như thế ? Vả sự đi lấy thuộc-địa không phải tất nhiên là một sự phi-nghĩa. Lấy đất, bắt người dân làm nô-lệ cho mình, thế là phi-nghĩa. Nhưng bảo-hộ cho một dân hậu-tiến, bênh-giữ quyền-lợi cho người dân, khai-hóa cho, dạy-dỗ cho, đưa giắt lên đường văn-minh, thiết-tưởng cái lối đi lấy thuộc-địa như thế không những là không phải là một sự phi-nghĩa, mà lại chính là một việc đại-nghĩa vậy. Cái lối ấy thực là cái lối của nước Pháp xưa nay. Cứ xét hiện-trạng những thuộc-địa của nước Pháp, từ hai châu Algérie, Tunisie, đến đất Maroc, đến đảo Madagascar, cho đến cõi Đông-dương ta này, thì đủ biết vậy.

Suốt lịch-sử nước Pháp cũng là minh-chứng rằng nước ấy từ xưa đến nay vẫn biết ham-mê những việc nghĩa, biết hỗn-hợp cái nghĩa riêng của mình với cái nghĩa chung của văn-minh, của thế-giới. Hồi giặc Hung-nô sang sâm-nhập Âu-châu, bấy giờ nước Pháp chưa thành nước Pháp, mà đã ngăn-ngừ được quân giặc phải

lùi về, khiến cho cái văn-minh Âu-châu khỏi phải chìm đắm trong cái sóng giã-man theo chân quân rợ-mọi mà chàn sang vậy. Lại hai thế-kỷ về sau, giặc Hồi-hồi tiến sang nam-bộ Âu-châu, nước Pháp cũng phá tan được ở đồng-bằng Poitiers, cứu được đạo Thiên-chúa khỏi cái nạn dị-đoan. Lại mới rồi giặc Đức chàn sang như nước lụt, đến bờ sông Marne nước Pháp cũng ngăn-cầm lại được, tự cứu cho mình mà lại vừa cứu cho thế-giới khỏi phải chịu cái giã-man mới của giống Điêu-đương.

Xét như thế thì cái tính-cách của lịch-sử nước Pháp thực là rộng-rãi, mà không phải khu-khu vị một mình. Không những là trong khi đối với ngoài mà có cái tính-cách ấy ; những việc riêng trong nước cũng vậy. Tựa hồ như nước Pháp có cái sức phản-chiếu ra ngoài rất mạnh, phàm mình cử-hành việc gì, dẫu chỉ quan-hệ đến một mình, cũng có ảnh-hưởng ra ngoài, người khác nhân đấy mà lấy làm gương, mà bắt chước... Cứ xét một cuộc Đại Cách-mệnh năm 1789 thì đủ biết rằng cái ảnh-hưởng ấy sâu-xa là chừng nào. Cái cách-mệnh ấy bất-quá là chỉ chủ phá-đổ cái quân-chủ chính-thể cũ mà đặt dân-chủ chính-thể mới, tưởng cũng là một sự nội-biến tầm-thường, không có quan-hệ gì đến thế-giới. Bởi đâu mà mới nổi lên đã kích-động cả toàn Âu ? Chẳng phải là bởi cái cách-mệnh ấy tuy vị nghĩa riêng một nước mà kiêm cả cái nghĩa chung của nhân-loại, ư ? Sau khi phá được nhà ngục Bastille, ngày 27 tháng 8 năm 1789, hội « Lập-hiến » (la Constituante) bá-cáo tờ « Nhân-quyền tuyên-ngôn », xướng lên rằng phàm làm người ai cũng được tự-do bình-đẳng cả. Nhời tuyên-ngôn ấy chỉ chung cả nhân-loại, không phải chỉ riêng một người nước Pháp. Bởi cái tính-cách đại-đồng ấy mà cuộc cách-mệnh năm 1789 đã có cái thế-lực to nhớn như thế, mà tờ « Nhân-quyền tuyên-ngôn » năm ấy đã được một nhà sử-học gọi là « cái kinh Phúc-âm của thời-thế mới ».

Vị chi là lịch-sử nước Pháp cũng như văn-chương, triết-học, tôn-giáo mà cùng thuộc về một cái lý-tưởng nhân-đạo vậy.

VI

Nói tổng kết lại thì cái nhân-đạo là cái đặc-tính hiển-nhiên, có thể gọi được là cái « linh-tính » của sự văn-minh học-thuật nước Pháp. Suy-diễn ra cũng một cái đắc-tính ấy, qui-nạp lại cũng một cái linh-tính ấy.

Tiên-sinh đã suy-diễn cái tư-tưởng nhân-đạo trong suốt một bài đại-luận, nhời nhẽ nghiêm trang như cái lâu-đài cổ Hi-lạp, tình-tứ cảm-động như bộ tiểu-thuyết mới thời nay, qui-nạp lại mấy câu kết-luận như sau này :

« Cái đặc-nhiệm, cái thiên-chức của nước Pháp là phải xét mọi sự mọi vật theo cái phương-diện nhân-đạo. Bởi đó mà văn-chương, triết-học, tôn-giáo, lịch-sử nước Pháp, đều có cái cảm-lực mạnh như thế. Nước Pháp đã mang cái lòng hiếu nhân-đạo đến cực điểm, đến bực nguy-hiểm cho mình. Bình-sinh đã từng lắm phen phải lừa phải hại vì cái lòng nhân-đạo ấy. Nhưng mà cái « dại » ấy cũng là vẻ-vang, vì dại là dại không biết ghen-ghét ai, không biết nghi-hoặc người đời, dại là dại biết tróng quên những sự kinh-lịch gian-nan, những sự ghen ghét thâm-trầm, những sự tham-lam quá độ. Nước Pháp không bao giờ để lòng tin được rằng muôn việc trong thế-giới chỉ dùng cái võ-lực, cái võ-lực kiêu-căng tàn-ngược,

mà giải-quyết được. Nước Pháp không bao giờ chịu rằng cái cứu-cánh mục đích của sự học là chỉ để nghĩ thêm cho người ta những cách phá-hoại áp-chế lẫn nhau. Một nhà văn-sĩ cổ của nước Pháp tên là RABELAIS đã từng nói câu tuyệt-ngôn này : « Học-vấn không có lương-tâm chỉ là tai-hại tâm-tính » (*Science sans conscience n'est que ruine de l'âme*). Nước Pháp không thể tưởng-tượng được rằng một dân, một lối tinh-thần riêng nào, lại có cái quyền đạp-đổ những dân khác, những lối tinh-thần khác được. Cái lý-tưởng mà nước Pháp mong tới đến được, không phải là cái lý-tưởng muốn biến sự tư-tưởng, sự sinh-hoạt của người ta thành cái máy vô-hồn cứng-cỏi, thực là cái lý-tưởng muốn để cho cái tinh-thần riêng của mỗi nước được tự-do mà phát-siển ra cho điều-hòa. Một thế-giới chỉ thấy thịnh-hành cái võ-lực của bọn quân-nhân, cái hình-thức của bọn ngụy-nho, cái kiêu-căng của bọn quan-lại, chỉ thấy thiên-trọng cái xấu-xa thô-bỉ, cái to-nhớn quá độ, một thế-giới như thế, thì nước Pháp lấy làm một nơi địa ngục cực-kỳ khả ố vậy. Kẻ khác gọi là cái « văn-hóa », thì nước Pháp gọi chính danh nó là cái giả-man vậy. Cái giả-man càng có học bao nhiêu lại càng giả-man bấy nhiêu. Đối với cái giả-man ấy thì cái văn-minh của nước Pháp thực là trái ngược hẳn. Nước Pháp là sự tự-do, là cái vẻ ưu-mĩ khả-ái, là sự biết điều độ, là sự lễ-mạo văn nhã, là sự kín-đáo, là sự tiêm-tất ; nước Pháp là sự khoan-dung, sự nhân từ, sự bác-ái ; nói rút lại một chữ thì nước Pháp là nhân-đạo vậy. Nếu nước Pháp mà biến mất đi thì đời người cũng giảm mất một phần cao-thượng, một phần phong-thú vậy. »

Bọn ta nay đã biết cái tinh-thần của nước Pháp tốt đẹp là chừng nào, thì cái lòng cảm-giac phẫng-phất lúc nãy tất tỏ-rạng dần ra mà biến thành cái bụng cảm-phục sáng-suốt.

PHẠM QUỲNH

VĂN-HỌC BÌNH-LUẬN

MỘT BỘ TIỂU-THUYẾT MỚI : « NGHĨA CÁI CHẾT » (1).

Cái chết có nghĩa không ? Hỏi câu ấy thì nhà bác-học đáp « không » mà nhà tôn-giáo đáp « có ». Nhà bác-học nói : Chết là cái cùng-tận của sự sống ; phàm giống sinh-vật lúc sống thì cái sinh-khí ngưng-kết lại, khi chết thì cái sinh-khí giải-tán ra. Cuộc sinh-tử là một cuộc hợp tan, không có nghĩa gì đối với ai cả, vì trước khi sống là cái hư-không, sau khi chết cũng là cái hư-không mà thôi. — Nhà tôn-giáo nói : Người ta có hai phần, cái linh-hồn cùng cái nhục-thể. Linh-hồn vĩnh-viễn bất diệt, chỉ có cái nhục-thể là sống chết theo phép « lý-hóa ». Đời người bất quá là một cái độ đường của linh-hồn, không phải là hình-dung cả cái đời của linh-hồn vậy. Lúc chết là lúc linh-hồn đời xác-thịt mà siêu-thăng lên một cõi cao hơn cõi trần-thế. Vậy thì sự chết không phải là một sự cùng-tận, thực là một sự bắt-đầu, bắt-đầu một cuộc đời mới thuần về linh-hồn. — Trong hai cái lý-thuyết ấy cái nào là phải ? Không thể quyết-định được. Các nhà tư-tưởng cũng chia ra làm hai đảng, không đồng ý nhau. Lúc bình-thường thì cái vấn-đề về sự chết ấy là một cái cao-dẳng vấn-đề thuộc về thuần-lý học, về thần-học, không có cái tính-cách cần-cấp mà thế-nhân cũng không thường lưu-tâm đến. Người ta không tất là phải kén chọn trong hai cái lý-thuyết cho biết nên theo cái nào, bỏ cái nào. Đương lúc sống thì tưởng cái chết như một cái kỳ-hạn xa-xa, có bàn đến cũng là coi như một món thanh-đàm, coi như một cái vấn-đề không quan-hệ gì với mình cho lắm. Nhưng hiện nay cuộc gươm-lửa kinh-thiên động-địa đương biến-hóa một phần thế-giới ra máu ra ro. Hàng vạn hàng ức con người sô đẩy nhau vào cái vực vô-hạn, không người nào là không hình như đã được đến gần cái chết mà biết mặt mũi nó thế nào rồi. Đương buổi cái chết thịnh-hành như thế, người đời đau sót trong lòng mà băn-khoăn tự hỏi cái chết là cái gì ? Câu thanh-đàm khi xưa nay thành nhời bi-đát. Cái vấn-đề về sự chết phát-hiện ra tai mắt thế-nhân như viết bằng chữ lửa chữ máu.

Không những là những nhà chuyên-môn về thuần-lý-học thần-học mới có tư-cách mà nghiên-cứu cái vấn-đề ấy. Vấn-đề là cái vấn-đề chung cho mọi người có tấm-lòng khối-óc, ai ai cũng có thể tư-nghị được. Paul Bourget tiên-sinh tất nghĩ thế nên mới soạn bộ tiểu-thuyết để là « *Nghĩa cái chết* » để thiết hiền-nhiên cái vấn-đề cho người đời biết rõ. Tiên-sinh lấy địa-vị cao trong văn-học giới nước Pháp, lấy tưởng-tượng rộng, kết-cấu khéo, văn-chương hay, tư-cách riêng về tâm-lý-học, gồm hẳy nhiêu biệt-tài đã nổi tiếng trong khắp hoàn-cầu, mà xét cái vấn-đề tâm-huyết ấy, thì chắc là phát-minh ra được nhiều ý-kiến hay, nhiều tư-tưởng lạ.

Tiên-sinh bầy cho ta hai cảnh chết cùng cao-thượng như nhau mà phản-đối với nhau, vì hai cái là biểu-hiệu hai lý-thuyết như trên kia đã nói. Nhưng trong cái cách tiên-sinh hình-

(1) *Le sens de la mort*, par Paul BOURGET

dung tả-mạc hai cảnh ấy, thực đã khéo diễn-xuất được cái nghĩa sâu ngũ ở trong, khiến cho ta lý-hội được hết những nhẽ tinh-vi nó làm cho tiên-sinh khuynh-hướng về bên nào.

Đại-khái truyện như sau này :

Tiên-sinh giả-thiết mình là người khách-quan, tình-cờ được biết đầu-đuôi một việc bi-kịch trong mấy người với nhau, việc xong thuật lại để ghi nhớ về sau. Tự-thuật dùng lối kỷ-sự, nghĩa là cứ việc mà kể, không đem cái tư-tưởng riêng mình can-thiệp vào. Nhưng việc rất bi-thảm, không thể dửng cảm-động được, vả mình cũng có quan-hệ vào đấy một đôi tí, nên trong nhời tự-thuật không thể bình-dị được như nhà bác-học nghiên-cứu một cái vấn-đề về khoa-học vậy. Cả cái phong-thú trong truyện cũng là bởi cái giọng ngậm-ngùi cảm-động ấy.

Marsal y-sư (tức là người khách-quan, tức là tiên-sinh) nguyên là học-trò của ngoại-khoa danh-y Ortègue, vẫn giúp việc quản-lý nhà bệnh-viện của danh-y lập ra. Truyện này bắt đầu giữa lúc khởi cuộc chiến-tranh bên Âu-châu. Y-sư vì có tật chân, nên không được cái danh-dự ra chữa bệnh nơi chiến-trường. Nhân thầy là danh-sư Ortègue xin được phép Binh-bộ biến cái bệnh-viện của mình làm nhà-thương cho linh bị-thương, chuyên-trị những vết thương thuộc về thần-kinh bộ, cố giữ y-sư ở lại giúp việc. Y-sư tự nghĩ đâu cũng là cái nghĩa-vụ, dù ở nơi chiến-trường, dù ở trong bệnh-viện, cũng là có thể hết lòng thờ nước được, bèn nhận nhời thầy. Bởi cái cơ-hội như thế mà y-sư được tiếp-súc một cái bi-kịch riêng trong gia-đình ông thầy mình, cùng diễn ngang với cái bi-kịch chung trong nước. Cái bi-kịch riêng ấy tuy chỉ có quan-hệ đến vận-mệnh mấy người với nhau, ngoài mấy người ấy cùng một vai người khác nữa không ai biết đến, người ở bên cạnh cũng không ai ngờ, mà cái ý-nghĩa nó rất là sâu-xa, không những là khá lấy giải được một phần cái bi-kịch nhớn, mà lại còn rạng-tỏ được cái nguyên-nhân tối-tăm của sự sinh-tử con người ta. Nhưng phải kể cả đầu-đuôi mới hiểu được. Mấy ngày đầu thì trong bệnh-viện còn dộn-dịp sếp dọn để đợi linh bị-thương đến. Danh-y cùng phu-nhân tận lực mà sửa-sang cho chỉnh-bị, muốn đem hết lòng yêu nước, hết tài sức riêng mà giúp nước trong buổi nạn chung. Danh-y là một nhà ngoại-khoa chước-danh nhất trong y-giới nước Pháp, có nhẽ trong cả thế-giới nữa. Chuyên-môn những bệnh thuộc về thần-kinh bộ, ngài đã chữa được nhiều bệnh bí-hiểm, phát-minh được nhiều cái bệnh-nguyên kỳ lạ. Ngài lại được cái tay khéo không ai bằng, múa dao trong tâm-can phế-phủ kẻ bệnh nhân một cách tuyệt-diệu, cũng dịp-dàng tiết-tấu như tên bào-đinh trong sách Trang-tử vậy.

Bởi vậy mà ngài đã gây nên một cái danh-dự nhớn, dựng được một cái gia-tư to. Vừa giàu-có, vừa vẻ-vang, thực là đã được cực-phẩm hạnh-phúc ở đời. Lại được phu-nhân là một người tuyệt đẹp, bụng tốt, trí cao. Tưởng cái hạnh-phúc đến thế là thập-phần viên-mãn. Cái cuộc hôn-nhân của danh-y với phu-nhân thực là một cuộc thú-sử. Danh-y bấy giờ đã ngoài bốn mươi tuổi. Kẻ quen người thuộc đều tưởng rằng quyết-chí không lấy vợ. Một hôm hứng-hở mừng-rỡ chạy lại bảo học-trò thân là Marsal y-sư rằng : « Anh ơi, tôi mới tìm được cái Tuyệt-phẩm ở đời, anh ạ. Anh thử đoán xem !... Tôi sắp cưới vợ, vợ tôi là con gái ông cố danh-y M..., hẳn anh cũng biết tiếng. » Công-nương bấy giờ mới có hai mươi tuổi, mồ-côi bố, mẹ đi lấy chồng. Ông bố ngày trước cũng là một nhà y-học có danh-tiếng, đồng-bối với danh-y ; danh-y biết công-nương từ thủa còn nhỏ, vẫn yêu chuộng tính-nết, kịp đến tuổi nhớn lên trông

như nàng liền ở trên giời xuống. Danh-y bấy giờ mới biết cái sức mạnh vô cùng của cái ái-tình. Hai vợ chồng tuy tuổi cách nhau xa mà yêu-sùng nhau đến rứt mực. Từ khi lấy nhau cho đến lúc bắt đầu truyện này đã qua sáu năm giời. Trong bấy lâu cái cuộc nhân-duyên hai người lại càng thêm mặn thêm nồng mãi lên. Trong cái ái-tình của phu-nhân đối với chồng lại thêm cái lòng cảm-phục kính-trọng nữa. Nhưng trung-gian, danh-y lúc lấy phu-nhân đã bốn mươi tư tuổi mà người còn như trai trẻ, nay năm mươi tuổi mà trông đã ra mặt già. Người thấy mỗi ngày một gầy, sức thấy mỗi ngày một yếu. Tự nghiệm ra thì biết trong mình mang một cái quái-bệnh, không thể nào chữa được, là một cái ung ở gần gan, chỉ mấy tháng nữa thì nó vỡ, là cái chết đến nơi. Nhưng vẫn giấu, không hề nói cho vợ biết. Học-trò cũng không ngờ rằng thầy phải cái bệnh nguy-hiểm ấy, vẫn tưởng rằng vì làm việc quá mà yếu người đi. Danh-y chỉ một mình biết bệnh mình, một mình chịu đau khổ trong người mình. Lắm lúc đau đớn quá, phải tiêm tinh thuốc phiện vào người cho nó nguôi đi. Cái tinh thuốc phiện là một cái thuốc độc, dùng mãi cũng hại người bằng bệnh vậy. Thành ra vừa cái bệnh, vừa cái thuốc dùng để nguôi bệnh, hai cái nó cùng công-kích mà không mấy nỗi phá-đổ được cái thành sinh-hoạt đã lung-lay sẵn. Lại thêm từ khi mở bệnh-viện để tiếp linh bị-thương, danh-y ngày đêm săn sóc cho những người đã liều thân vì nước mà phải những vết đau-đớn hiểm-nghèo, nay nhà-nước ủy-thác vào cái tay thần của danh-y để biến-hóa những mảnh người bán-sinh bán-tử ấy thành người toàn-vẹn, còn có thể lại ra chống giữ cho nước được nữa. Những công việc khó nhọc ấy càng tiếp mạnh thêm cho cái sức bệnh, mà lại càng rút ngắn bớt cái kỳ-hạn sau cùng đã sắp tới. Một hôm đương mổ một viên quan ba phải dạn ở giữa đường xương sống, sâm-sâm tối mắt lại, buông dao ra mà ngã người xuống. Người nhà vực sang buồng bên cạnh, được ít lâu mới hồi tỉnh lại. — Chỗ này là chỗ trung-tâm trong truyện, chỗ hai vợ-chồng sắp ra đối mặt nhau, đối với cái chết, mà cùng nhau thề quyết một sự rất cuồng mà rất thảm. — Phu-nhân vẫn nhận biết đã lâu rằng chồng có bệnh nặng, lấy làm lo-lắng trong lòng, nhưng vẫn thấy cần-mẫn như thường, không dám hỏi. Nhân cái cơn vựng hôm ấy, lúc hồi tỉnh dậy, cố kêu van chồng nói thực cho biết. Chồng bấy giờ không thể cầm lòng được phải nói rõ cái tên bệnh ra, cùng thở-than hết nỗi đau đớn trong lòng : mình bệnh hiểm sắp chết, vợ tuổi trẻ đương xuân, bỏ nhau thảm biết chừng nào ! Lại nói : vả mình lâu nay mang cái ác-bệnh trong người, hình-thể đã suy-đồi lắm rồi, vợ chắc không giữ được với mình cái ái-tình như xưa nữa. Cái bụng yêu nay tất đã đổi ra cái bụng thương rồi. Lắm lúc nghĩ đến cái chết tức quá, phát cuồng lên, muốn giết vợ, rồi tự tận để hai người cùng chết một lúc cho thỏa lòng. Yêu sùng vợ đến thế là cùng vậy. Nhưng vợ chắc có còn yêu mình nữa không ?.... Phu-nhân thấy chồng ngờ cái ái-tình của mình, bèn kêu lên rằng :

« . . . Thế ra mình vẫn không rõ rằng vì sao mà tôi yêu mình, vì sao mà tôi đem cả cái sinh-mệnh tôi gửi vào mình, hỡi mình ơi ! Thực tôi đã đem cả cái sinh-mệnh tôi mà phó-thác vào trong tay mình. Tôi vẫn lấy rằng phàm làm phận đàn-bà không được yêu hai lượt, đã yêu ai không được dứt tình yêu, nhất là không được tái-tạo cái đời mình. Bởi thế cho nên không bao giờ tôi khỏi oán mẹ tôi đã đi cải-giá. Tôi vẫn biết rằng mình nhiều tuổi hơn tôi ; tôi vẫn biết rằng rồi mình già trước tôi. Vì thế mà tôi lại yêu mình hơn lên. Cha

tôi ngày xưa đã dạy cho tôi biết thờ sự học-vấn. Cha tôi đã bảo cho tôi biết rằng cha tôi trọng mình là nhường nào, rằng cái học-vấn của mình thâm-thúy là chừng nào. Tôi lấy mình cũng là vì tôi ham cái phong-thú một đời người tận-tụy về sự học-vấn, vì tôi hiểu cái nghĩa cao-thượng, cái công nhởn-nhao của nghề ngoại-khoa của mình, người đời tưởng nhầm thường cho là một nghề thô-bỉ. Tôi vẫn tự nghĩ trong bụng rằng: đến khi chồng tôi giở về già thì tôi phụng-dưỡng chồng tôi; chồng tôi có đau yếu thì tôi thuốc thang cho chồng tôi. Nếu được như thế thì cái đời tôi mới là trọn vẹn... Giữa lúc này là cái lúc mình phải biết bụng cho tôi, mà mình không biết, thì cái thân tôi ra làm sao? Tôi biết trông cậy vào đâu? Nếu trong lúc cùng-cực này mà tôi không giúp đỡ mình thì thực không còn trông mong gì nữa. Nhưng mà tôi gánh vác cho mình, tôi giùm-đỡ cho mình.. » Nói đến đấy thì phu-nhân dừng lại một tí, rồi nói to lên ra giọng người đương quyết định trong bụng một việc kịch-liệt, hỏi rằng: « Có phải mình đã nghĩ muốn giết tôi không? Có phải thế không? »

Chồng đáp: — Phải.

Lại hỏi: — Có phải mình muốn tự-tận cả mình nữa không?

Chồng đáp: — Phải.

Phu-nhân lại nói: — Ừ! thế thì hai chúng ta cùng chết cả chẳng hơn ư? Thế mình đã tin rằng ta yêu mình chưa?...

Ông chồng nghe câu ấy như say như mê, mặt dương buồn rầu mà đổi ra vui vẻ, nói rằng:

« Mình nói thế ta mới tin.... Thế thì ta cảm ơn, cảm ơn mình lắm. Đã mấy tháng nay ta như nằm trong cơn ác-mộng, bây giờ ta mới thấy tỉnh ra, mới thấy được thở cái không-khí mát. Thực thế, bây giờ ta mới có cái cảm-giác rằng mình yêu ta. Bây giờ ta mới thấy được bình-tĩnh khoan-khoái trong người. Mình nói với ta một câu như thế, thì mình yêu ta đến bao nhiêu!

« Phu-nhân nói: — Thế chứ! Bây giờ mình mới thật là tin ta!... Thực ta yêu mình vô-hồi vô-hạn. Đến khi mình không còn nữa thì ta còn tiếc gì cái cõi trần-gian này mà không bỏ đi để theo mình. Ta không sợ cái chết. Ta cũng biết rằng cái chết là cái giấc ngủ vô-cùng. Mình định đến bao giờ để đôi ta cùng rắt tay nhau vào giấc ngủ ấy? Ngay hôm nay, nhé? cho mình khỏi đau đớn. Hay là ngay bây giờ, ngay cái giây phút này, giữa lúc đôi ta đương đồng-tình đồng-cảm với nhau, đương như mở hai tấm lòng ra cho nhau soi?... Ừ, mình có muốn ngay bây giờ không? Tôi đã sẵn sàng đây.

« Chồng đáp: — Chưa. Tôi đương sướng quá. Tôi không muốn bỏ qua mất cái lúc này. Mắt tôi còn trông thấy mình, tay tôi còn cầm được mình, tôi còn có cái tư-tưởng để biết được rằng mình còn đấy, rằng mình yêu tôi, thì tôi còn chưa muốn chết vội, tôi không muốn mất một giờ, một phút nào cùng với mình. Đã có cái tinh thuốc-phiện nó cứu cho tôi đỡ đau đớn quá. Trước kia tôi vẫn sợ nó, không dám dùng nhiều, vì tôi đã nghiệm dùng nó thì không làm việc gì được nữa. Nay tôi dùng nó cho đỡ đau đớn mà được ngồi trông mình, nhìn mình, biết rằng mình vẫn ngồi đấy thì tôi sướng biết chừng nào. Tôi còn sống được mấy tuần lễ nữa, dễ cũng có nhẽ được mấy tháng nữa. Tôi còn muốn hưởng cho hết cái thời giờ ấy.

« Vợ nói: — Tôi cũng thế. Nhưng tôi xin mình thề với tôi một điều, lấy cái ái-tình ta làm chứng mà thề với tôi rằng cái cuộc chết của đôi ta chỉ là hoãn lại đó mà thôi; chớ bao giờ đến kỳ thì mình sẽ bảo tôi, không có để yên mà đi lấy một mình. Tôi xin mình nguyện ước với tôi như thế, như ngày

đôi ta mới lấy nhau, mình có nhớ không?.... Tay mình làm thuốc, tất biết cái hiệu lúc nào là lúc sắp đến. Gần đến bấy giờ thì mình bảo cho tôi biết, mình bảo cả cho tôi phải dùng cái cách gì. Tôi sẽ có cái can-đảm mà theo mình. Đôi ta cùng nhau mà bước xuống cái vực thẳm, vực tối, vực sâu. Mình thử nghĩ xem, cái thẳm ấy, cái tối ấy, cái sâu ấy còn chưa thấm vào đâu với cái vắng-vẻ lặng-lẽ trong nhà ta, sau khi mình đi mà tôi còn lại... Anh ơi, xưa nay tôi vẫn biết anh là người thành-tín. Thế anh có thề với tôi điều ấy, không?

« Chồng đáp : — Tôi thề với mình.

« Vợ nói : — Thế thì tôi cám ơn.....»

Hai người lúc nói bấy nhiêu câu, không còn gì là cái tâm-tình thường nữa. Thực là hai người cuồng-sảng, mà trong cơn cuồng-sảng đã đem cái ái-tình ra ngoài giới-hạn thiên-nhiên. Vợ hiến mình cho chồng, chồng nhận nhời của vợ, trong lúc bấy giờ cũng là thành-thực trong lòng cả, nhưng mà sở-dĩ một người hiến như thế, một người nhận như thế, chẳng phải là một sự phi-thường, ư? Bởi đâu mà gây nên một sự phi-thường như thế? Cái chết thường nó vẫn là một sự rất dễ-dàng mà sao đây nó gian-nan trắc-trở như thế? Chẳng qua là bởi cái quan-niệm của hai người ấy về sự chết vậy. Hai người cho cái chết là cái hết, lấy cái chết làm một sự vô-nghĩa, coi cái chết như một cái thiên-tai vậy. Kia như hai vợ chồng mình, đương xum-hiệp vui-vầy, mọi bề sung sướng ở đời không thiếu gì cả, có đủ tư-cách mà diễn một cuộc ái-tình như xưa nay người đời chưa từng trông thấy nhiều lần, đáng phải sống cho trọn cái đời êm-ái ấy thì mới là hợp nhẽ. Cớ sao mà đương nửa chừng, bài kịch đương giữa hồi hay, cái chết đã vội đến phá đám như thế? Một sự sẩy ra vừa ác-hại mà vừa vô-nghĩa như thế, thì dù sức người không thề cưỡng được, nhưng lòng người cũng không thề nhận được. Chết thì đành là phải chịu, nhưng không chịu rằng một cái chết chướng-ngược như thế là phải nhẽ. Bởi vậy mà trong cơn điên-cuồng tức-giận, nghĩ đến những kế cùng đề phản-đối với cái chết cho cam-tâm. Tựa hồ như thách cái chết rằng : Đôi ta đương ham mê nhau, mày ác, mày hại, mày đến lìa hai người ra, mà phá đồ cuộc nhân-duyên. Nhưng ta thử hỏi : Đôi ta cùng đi cả thì mày ác với ai? mày hại ai? mày lìa ai?.. Đó thực là một câu nói cùng vậy. Danh-y cũng là vào bậc những nhà bác-học tin cuộc sinh-tử là một cuộc hợp-tan, trước sau đời người là cái hư-không cả ; cho nên đến lúc chính mình sắp phải vào cái cõi hư-không ấy, nghĩ nó thẳm, nó tối, nó sâu là chừng nào mà ghê, mà sợ. Phu-nhân là con nhà bác-học, lại chịu cái cảm-hóa của chồng, tất cũng một cái tư-tưởng như chồng vậy. Cho nên lúc biết cái nguy-cơ của chồng, muốn cứu giúp chồng, muốn làm cho cái chết nó khỏi nặng-nề cho người yêu, tưởng không gì bằng là cùng chết với chồng. Nhưng đó cũng lại là một cái kế cùng vậy. Đến sau ngẫm nghĩ ra, không phải rằng có hối-hận gì, nhưng mới rõ rằng cái kế ấy chưa phải là chính-đáng lắm.

Bởi cơ-hội gì mà phu-nhân ngẫm nghĩ như thế? Vì sự suy nghĩ ấy là miễn-cưỡng, cứ tự-nhiên thì một người cao-thượng khẳng-khái như phu-nhân, trong bụng đã quyết-định một việc, tất không có xét lại rằng việc ấy hay hay là dở, phải hay là chăng nữa. Phương chi cái việc mình quyết-định lại là một việc không duy-kỷ, rất đại-lượng, tức cũng như bên giáo gọi là một việc « cứu vớt linh-hồn » vậy.

Cái cơ-hội nó khiến cho phu-nhân miễn-cưỡng mà suy-nghĩ đến cái việc

mình đã quyết-định ấy là cái cơ-hội như sau này, — tức là phần thứ nhì trong truyện, tức là cái cảnh thứ nhì mà nhà làm sách đã định hiến cho ta để so sánh hai cái chết.

Phu-nhân nguyên có một người em giai họ tên là Le Gallic, trước khi chiến-tranh học ở trường võ-bị *Saint-Cyr*, đến khi khai-chiến đóng thiếu-úy đi tòng-chinh. Hai chị em thủa nhỏ chơi thân-thiết với nhau lắm, dễ có lúc cũng đã ước thầm với nhau những cuộc trăm năm. (1) Nhưng đến tuổi nhớn lên, một người đi lấy chồng, một người đi theo học, thì những sự mơ-tưởng lúc thủa nhỏ như cái hoa cuối mùa, dần dần rơi rụng hết. Chị dễ không còn nhớ đến nữa, nhưng cái ái-tình trong bụng em vẫn đằm-thắm như xưa, biết rằng không bao giờ thành-tựu được lại càng thâm-thiết hơn lên. Thiếu-úy vốn là người đa-tình đa-cảm, lại là người rất sùng-đạo, dễ trong bụng tin rằng đời này không được gặp nhau, lai-sinh tất được tái-hợp. Nhưng cái tình-cảm ấy là âm thầm trong bụng mà thôi, một mình mình biết một mình mình hay, vẫn vùi-rập trong tậm-khảm, không lộ ra cho ai biết. Chị cũng không biết, mà anh rể cũng không ngờ. Danh-y đối-đãi với em họ vợ mình rất là nhã-nhặn tử-tế. Chỉ có một khoản là hai người vẫn bất như-ý nhau, là khoản tôn-giáo vậy. Thiếu-úy là người rất tin-sùng đạo Gia-tô, danh-y thì giữ cái vô-thần chủ-nghĩa. Cái tư-tưởng hai người xa nhau như Nam Bắc cực vậy. Trong lúc bình-thường họp mặt, vẫn thường cãi nhau về cái vấn-đề sự tin-ngưỡng. Thiếu-úy thì lấy lòng nhiệt-thành vì đạo mà nói; danh-y thì coi cái tôn-giáo là một sự mê-tín, người tri-thức không đáng dụng công mà nghiên-cứu làm gì. Còn phu-nhân thì bởi sự cảm-hóa của cha ngày xưa với của chồng bây giờ, khuynh-hướng về phương-diện chồng hơn là về phương-diện em. Nói rút lại thì sự bất-như-ý, sự phản-đối ấy chỉ là thuộc về tư-tưởng mà thôi. Nhân việc ngẫu-nhiên mà xui phát-hiện ra sự-thực. Thiếu-úy đi tòng-chinh tự khi khởi việc chiến-tranh, theo đánh mấy trận ở Á-tân Lô-liên. Được ít lâu thì bị thương, phải một viên đạn vào đầu. Quan thầy thuốc ở hàng quân lấy làm một vết thương nặng, sợ có hư-tổn đến bộ thần-kinh, xin cho đem về bệnh-viện của danh-y ở Ba-lê để chữa. Thế là tình-cờ mà em vợ được vào tay anh rể chữa. Nhưng bấy giờ giữa là lúc sảy ra cái bi-kịch trên kia. Danh-y cùng phu-nhân đương vào cái tuần mê-sảng nguyền ước với nhau cùng chết. Hai người đương băn-khoăn về cái chết mà ở đâu có một người cũng đương thập-tử nhất-sinh đến bầy cho mình một cái cảnh chết khác, thì hai cái quan-niệm về sự chết ấy khỏi sung-đột với nhau sao được! Trong hai cái quan-niệm ấy phu-nhân xưa nay mới được biết có một, là cái quan-niệm của chồng. Nay sắp được biết cái khác, là cái quan-niệm của người em họ mình, mà tự-nhiên thành ra phải so sánh hai cái với nhau. Thiếu-úy từ khi phải bị thương đau đớn vẫn giữ được bình-khí, không những thế mà cái lòng sùng-tín đạo lại lấy cái đau-đớn là một sự hay, là một cái dịp tăng-tiến cho linh-hồn. Người ta lúc bình-thường thì ai cũng như ai; hơn nhau chỉ ở những lúc hoạn-nạn đau khổ; những lúc bấy giờ nếu biết vững lòng kiên chí mà chịu nhịn, không những thế, người đời lấy làm khổ mà ta biết lấy làm sướng, thế mới là có cái linh-hồn quí báu hơn người. Vả người ta ở đời có phải là chỉ quan-hệ với một cái đời này đâu. Sau cái đời ngang-ngửa chếch-lệch này còn có một cái lai-sinh hoàn-toàn hơn, làm người ai

(1) Tục tây anh em, chị em họ lấy nhau được.

cũng phải mong cho đến được đấy. Nếu không có cái hi-vọng ấy, nếu cái nhỡn-giới của người ta chỉ đến chết là cùng, nếu cái cứu-cánh một đời chỉ ở trong khoảng mấy mươi năm, thì giời đất này không có giống gì khổ bằng giống người, không có vật gì hèn mạt xấu-xa bằng cái đời người vậy. Nếu linh-hồn người ta như giam trong cái buồng kín, trông trước trông sau không thấy gì nữa, không có chỗ nào mà nhìn đến cái vô-hạn mênh-mông, thì lấy đâu sức mạnh mà gánh vác những việc nặng nhọc ở đời? Kia như sự chiến-tranh long giời lở đất này, có phải đã từng nghiệm rằng phàm những người có cái tín-ngưỡng trong lòng thường biết vui-vẻ mà chết cho nước hơn là chỉ vị một cái nghĩa-vụ mà thôi? — Bấy nhiêu câu, hình như phu-nhân đọc thấy trên nét mặt viên Thiếu-úy vậy. Từ khi mang về bệnh-viện, Thiếu-úy tuy đau nặng mà tinh-thần vẫn sáng suốt. Thường nói truyện với phu-nhân, biết cái bệnh hiểm của danh-y, lại cảm-giác mà biết phảng-phất cái bi-kịch hai người với nhau, lấy làm thương-tâm vô cùng. Về phần mình thì không còn nghi-ngờ nữa: thường trông thấy anh em bị hại mà biết rằng một cái vết thương ở đầu như cái vết thương của mình là trước sau cũng đến chết mà thôi. Cho nên bao nhiêu tâm-lực chỉ chủ vào một sự chết ấy, hình như muốn sắp-sẵn trong mình để chết cho sứng đáng. Nghĩ đến cái chết không hề sợ-hãi tức giận, mà lại bình-tĩnh khoan-khoái trong lòng. Mắt hồ nhắm lại đã tựa-hồ như trông thấy cái ánh-sáng thiên-niên. Thấy mình đối với cái chết vững-vàng như thế, mà lại trông thấy hai người kia đối với cái chết một cách bi-thảm như thế, cái bi-thảm phát-hiện ra cả ngoài mặt hai vợ chồng, thì thấy trong lòng có cái vô-hạn thương-tâm, muốn làm thế nào mà cứu-vớt cho hai người ấy, bèn cầu giời xin hiến cái hồn của mình để chuộc tội cho kẻ nhầm đường lạc lối. — Phu-nhân trông thấy cái thái-độ viên Thiếu-úy như thế mà tự cảm trong lòng, chạnh nghĩ đến cái thái-độ của mình cùng chồng mình: một bên thì bình-tĩnh mà kiên-nghị, một bên thì khắc-khoải mà chuân-chuyên. Lại thêm mấy hôm sau, danh-y bệnh mỗi ngày một nặng, biến-đổi cả tinh-khí đi: người xưa nay có độ-lượng nhớn nhao như thế, mà một hôm nghi-ngờ thế nào thậm-chí mình là người chữa bệnh, người ta là người có bệnh sắp chết, đến nỗi lại hỏi dộp vào mặt viên Thiếu-úy rằng có phải xưa nay vẫn yêu thầm trộm giấu vợ mình không! Một người trí-thức cao-thượng như danh-y mà tự-hạ đến những thói ghen tuông tầm-thường như thế, vào một lúc trái ngược như thế, thì thực là một sự cuồng-sảng vậy. — Trông thấy hai cái thái-độ phản đối nhau như thế, phu-nhân không thể không hồi tưởng đến cái việc quyết-định của mình mà tự hỏi nó có chính-đáng không. Bấy giờ trong bụng phu-nhân phát-hiện ra một sự hồ-nghi nhớn. Nghĩ cái tâm-sự phu-nhân lúc ấy mà thương thay! Nay sắp phải thi-hành cái nhời ước của mình, mà trong bụng mình không tin cái ước ấy nữa. Mà nào có cái ước tầm-thường đâu, cái ước gớm ghê thay!... Trong bụng phu-nhân đã biến-đổi như thế, mà trong lúc ấy ông chồng vẫn còn mê chưa tỉnh, cho mãi đến lúc sau cùng là lúc cùng tận mới tỉnh-ngộ. Hôm ấy là hôm trước ngày ông định từ biệt thế-gian để cùng đi với vợ. Phu-nhân thấy ông sắp sửa, biết đã tới hẹn, nhưng đến lúc sắp bước chân xuống vực, thì thấy có cái ám-lực gì nó cầm lại, không thể nào bước được cái bước sau cùng. Cực thân, tủi phận, thẹn với chồng, thẹn với mình vì thất-ước, ôm mặt nức-nở khóc, lấy mảnh giấy vạch mấy nhời để giãi tâm-sự. Chồng xem giấy bấy giờ mới tỉnh-ngộ, không những là không

giận vợ thất-ước, mà lại hối rằng mình dã mê-cuồng. Bấy giờ mới nói với học-trò mấy nhời tuyệt-ngôn, rồi vào tiêm một liều tinh thuốc phiện mạnh hơn mọi lần, ngồi tựa vào cái ghế mà chết...

Viên thiếu-úy mấy hôm sau, cái vết thương đau nặng mãi lên, không thể chữa được, cũng tạ thế. Lúc hấp-hối tay ôm thánh-giá trên ngực, miệng cầu kinh, mặt điềm-nhiên, sắc tươi-tỉnh, như người đã bước chân vào cõi cực-lạc...

Phu-nhân từ dấy như mang cái u-sầu ở trong lòng, ngày đêm chỉ kiệt-lực thuốc thang cho những người ốm trong bệnh-viện, quên ăn quên ngủ, tựa-hồ như có ý muốn hi-sinh cái thân-mình để báo-đáp cho vong linh người thác.

Marsal y-sư thấy phu-nhân làm việc nhiều quá, thường khuyên nên nghỉ sức thì phu-nhân đáp lại rằng :

« Bác khuyên tôi không nên làm việc quá. Tôi có làm việc thì tôi mới khuây-khỏa được. Có khi đã làm việc cả ngày cả đêm, mệt nhọc quá, tôi tự nghĩ trong bụng rằng : Nếu cái lòng tín-ngưỡng của anh Le Gallic là phải, nếu còn có một cái thế-giới khác nữa, nếu cái linh-hồn của chồng tôi không tiệt-diệt mất, nếu còn phảng-phất ở nơi nào mà phải chịu đau khổ, thì có dễ cái công tôi giúp đỡ cho những người đau ốm ở đây cũng ảnh-hưởng đến chồng tôi được ít nhiều chăng... Ấy là trong bụng tôi ước-ao như thế, vẫn còn hồ-nghi lắm. Nhưng hễ tôi nghĩ đến thế thì tôi thấy trong người tôi nó khoan-khoái lạ, tựa hồ như có một tiếng cám ơn ở đâu xa đưa văng vẳng đến tai tôi... Nhưng ở đâu ? »

Nhưng ở đâu ?... Muốn đáp được cái câu hỏi ấy thì phải có cái lòng tín-ngưỡng, không lấy sự suy-lý thường mà giải được. Phu-nhân tuy chưa có cái lòng tín-ngưỡng, nhưng đã khởi lên câu hỏi ấy thì đủ biết rằng đã có tư-cách mà chịu cái cảm-hóa của tôn-giáo vậy.

Đó là cái kết-luận trong truyện. Nhà làm truyện đã tả cho ta hai cảnh chết thực là khác nhau ; một bên thì một người thượng-lưu nhân-vật, đủ bề tài-trí vẻ-vang. Hốt-nhiên thấy cái chết nó phát-hiện ra trước mặt, bèn lấy một cái quan-niệm riêng mà đối-đãi với nó. Nhưng không thể thích-hợp với nó được. Vì cứ cái quan-niệm ấy thì cái chết là sự tiệt-diệt cả cái « cảm-tình hồn » của mình, tất bao nhiêu tình-dục trong người nó nổi cả lên mà đề-kháng lại. Cứ cái quan-niệm ấy thì cái chết lại là sự tiệt-diệt cả cái « trí-thức hồn » của mình nữa. Chắc sau khi mình chết thì học-trò mình lại kế lấy nghiệp mình, những người ốm mình đã chữa cho khỏi nhờ mình mà được sống thêm lên. Cái danh-tiếng mình chắc không sợ mai-một đi mất. Nhưng cái tư-tưởng mình, cái tinh-túy của công-phu học-vấn nghĩ-ngợi của mình, cái sức mạnh trong tinh-thần nó đã khiến cho mình cai-quát được cả vũ-trụ, bấy nhiêu cái sẽ chìm đắm vào trong cái hư-không mất cả. Cả cái nhân-thân của mình rồi sẽ không còn tí gì nữa. Nghĩ đến thế mà chán, mà tức, mà nổi giận, mà phát cuồng. Nhưng sau biết tức giận cũng là vô-ích, bèn cam-tâm mà chịu phận, khác nào như anh tướng giặc thế bất-đắc-dĩ phải ra hàng, nhưng trong bụng vẫn không phục. — Một bên thì một người bình-thường, một tay « vận-động »,[1] nhưng mà cái thế-lực rất là bé nhỏ, cái tư-tưởng về thế-giới cũng không có gì là thâm-thúy. Cái quan-niệm của mình cũng không phải là tự mình gây dựng lấy, thực là đã chịu được của ông cha. Phàm đoán xét sự đời đều là do cái kinh-nghiệm

(1) Người « vận-động » đối với người « tư-tưởng, học-vấn ». Nhà quân tức là một người vận-động vậy.

di-truyền của đời trước. Người ấy hốt-nhiên cũng phải ra đối-dãi với cái chết. Nhờ có cái quan-niệm di-truyền ấy mà thuận-nhận ngay cái chết được, lấy cái chết làm cái vật để tự luyện mình, coi cái chết như cái dịp tăng-tiến cho mình, tăng-tiến cho kẻ khác. Cái « cảm-tình hồn » của mình cũng thích-hợp với cái chết, vì mình có thể đem hiến cái đau khổ của mình làm hi-sinh để cứu giúp cho kẻ thân yêu. Cái « trí-thức hồn » của mình cũng thích-hợp như vậy, vì mình có thể nhẫn-nhục mà giữ được cái phần hay trong người mình. — Xét như thế thì khác nào như hai người cùng phải ra quyết-đấu với cái chết, một người cương-cường mà chịu thua, một người nhu-thuận mà được thắng, một người thì coi cái chết là một sự tai-hại mà ruồng rẫy, một người thì coi cái chết là một sự thành-tựu mà hoan-nghênh. Trong hai cách đối-dãi cái chết ấy thì nhà làm sách phán-đoán ra làm sao? Nhà làm sách nói: Trong hai cách ấy bất luận rằng cái nào là chân-chính, cái nào là không, cũng phải nhận rằng một cái thì *hữu-dụng*, một cái thì không. Cái hữu-dụng ấy là cái cách đối-dãi của người « nhu-thuận », tức là của viên thiếu-úy trong truyện vậy. Thế nào gọi là *hữu-dụng*? *Hữu-dụng* nghĩa là được việc cho mình, được việc cho người khác. Thử xét cái cách chết của viên thiếu-úy có phải là gồm cả hai điều ấy không? Không những lấy cái chết làm một sự tăng-tiến cho mình, mà lại coi cái chết là một dịp cứu giúp cho kẻ khác. Đương lúc thế-giới đa sự, quốc-bộ gian nan, dù người không tin cái thần-lực của tôn-giáo cũng phải chịu rằng cái cách chết ấy là tiện hơn, là hợp thời hơn cả.

Cái kết-luận dản-dị mà có ý-vị thay! Nhưng đến được đấy tất phải vượt qua cái sông « Hoài-Nghi » mà bước sang bờ « Tín-Ngưỡng ». Người đời nhiều người lấy bước đường ấy làm rất khó-khăn. Cho hay ở đời một cái lý-thuyết hay cũng chưa đủ mà cảm-phục được người ta vậy!

* * *

Cái mục-đích chúng tôi trong những bài bàn này là muốn giới-thiệu những sách văn-chương hay của Âu-châu cho người nước ta biết. Lần này chúng tôi bàn riêng về bộ tiểu-thuyết « Nghĩa cái chết », vì sách ấy xuất-bản năm 1915, đương buổi chiến-tranh, đã ảnh-hưởng sâu trong dư-luận nước Pháp. Sách ấy nghiên-cứu một cái vấn-đề xưa nay người nước ta chưa xét đến bao giờ, mà giải cái vấn-đề ấy ra một phương-diện thực là mới lạ cho tai-mắt ta. Chúng tôi đã cố giải cho dễ hiểu, nhưng cũng tự biết rằng còn lỗ-mỗ lắm. Có lắm cái tư-tưởng cảm-giác không tài nào diễn ra tiếng ta cho minh-liệu được. Cho hay cái quốc-văn ta mới nở còn non-nớt chưa đủ sức mà ra vẫy-vùng trong bể ngôn-luận. Bởi vậy mà ta phải luyện cho nó có cái tư-cách ấy. Bài này cũng tức là một bài tập-luyện như thế. Tưởng các nhà đọc-báo cũng lượng biết cho.

PHẠM QUỲNH.

28

TRIẾT-HỌC BÌNH-LUẬN

CÁI VẤN-ĐỀ VỀ SỰ TIẾN-BỘ

Hai cái tỉ-lệ của sự văn-minh : cái « lượng » cùng cái « phẩm »

Thế-giới ngày nay có tiến-bộ hay không ? Mới hỏi câu ấy thì ai cũng nghĩ đến ngày nay sự giao-thông tiện-lợi, các máy-móc phát-đạt, nghĩ đến hỏa-xa điện-khí, mà tất đáp lại rằng : thế-giới có tiến-bộ. Nhưng nghĩ kỹ đến phong-tục suy-vi, những thói cách phong nhã ngày xưa không còn nữa, những tinh nết cao-thượng đã mất đi nhiều, thì lại ngờ rằng không biết thế-giới có tiến-bộ thực, hay là thế-giới suy-đồi. Xét như trên là xét theo cái lượng (*quantité*), *tức là cái có thể đo-lường được, tức là cái hình-thức vậy. Xét như dưới là xét theo cái* phẩm (*qualité*), *tức là thuộc về « phẩm-chất », thuộc về tinh-thần, thuộc về vô-hình mà không thể đo-lường được vậy.*

Thế-giới ngày nay là thế-giới của cái lượng *với cái* phẩm *cạnh-tranh nhau. kết-cục là sự chiến-tranh kinh-thiên động-địa này.*

Guglielmo Ferrero *tiên-sinh là một nhà làm sử có danh tiếng ở nước Ý-đại-lợi. Tiên-sinh thường chủ-ý nghiên-cứu cái vấn-đề về* phẩm lượng *ấy. Mấy năm trước đã từng sang du-lịch Mĩ-châu, là nơi cái văn-minh thuộc về phần* lượng *thịnh-hành hơn nhất trong đời bây giờ. Khi về tiên-sinh có soạn một bộ sách bằng chữ Pháp, thuật-lại những sự kinh-lịch ở Mĩ-châu, so-sánh hai cái văn-minh thuộc về* lượng *cùng thuộc về* phẩm *mà kết-luận rằng thế-giới ngày nay thiên-trọng cái* lượng *hơn cái* phẩm *thì có hại mà không có lợi, hai cái phải điều-hòa ngang nhau thì sự văn-minh trong thế-giới mới thực là có tiến-bộ. Trước khi chiến-tranh, tiên-sinh có đọc một bài diễn-thuyết tóm-tắt đại-ý trong sách ấy tại trường đại-học Sorbonne ở Paris. Bài diễn-thuyết ấy giải cái vấn-đề một cách rất rõ-ràng phân-minh ; nhời nhẽ bình-dị mà thuần-nhã, có cái hứng-vị riêng, dẫu chuyển sang nhời nôm cũng còn phảng-phất tí nhiều. Bởi vậy chúng tôi dịch cả nguyên văn như sau này để hiến các nhà học-vấn nước ta một món tư-tưởng mới.*

Vả cái vấn-đề về phẩm lượng *ấy không phải là chỉ quan-hệ riêng đến các xã-hội Âu-châu, thực là quan-hệ đến cả thế-giới vậy. Các nước Đông-phương ta ngày nay đua nhau sô-đẩy vào trường sinh-tồn cạnh-tranh, cũng đã đến ngày sắp phải giải-quyết cái vấn-đề khốn-nạn ấy. Cái văn-minh cũ của ta ngày xưa là cái văn-minh* thuần-phẩm, *phần* lượng *rút lại không có mấy. Nên xưa nay ta chỉ thiên-trọng bề tinh-thần mà nhãng bỏ bề hình-thức. Bởi thế mà ta không đủ tư-cách ra đua tranh trong cái thế-giới* thuần-lượng *ngày nay. Muốn có cái tư-cách ấy thì thế tất ta phải rút bớt cái* phẩm *cũ đi, mà tăng thêm cái* lượng *mới lên. Vậy thì buổi này là buổi rất quan-trọng cho ta ; ta phải nên cẩn-thận, khéo kén-chọn, khéo điều-hòa, cho hai cái phương-diện* phẩm lượng *cân nhau, thì sự tiến-bộ của ta mới được vững-vàng chắc-chắn. Về phần* lượng *thì ta phải học lấy*

những nghề khôn-khéo, khỏe đua-tranh thời nay, mà chiếm lấy quyền-lợi trong trường kinh-tế. Về phần ấy ta còn thiếu-thốn nhiều ; ta phải bổ lấy sự thiếu-thốn ấy, phát-đạt cái năng-lực riêng của ta. Nói rút lại thì người ta phải khôn, của ta phải giàu, thì nước ta mới thịnh-vượng được. Về phần phẩm thì ta phải thâu-nhặt cái văn-minh tư-tưởng mới để bổ cứu cái văn-minh tư-tưởng cũ của ta. Ta phải mở-mang tri-thức, rèn đúc tinh-tình, gin-giữ những thói cao-nhã đời xưa, chớ nhiễm những lối thô-bỉ bây giờ, bảo-tồn lấy quốc-túy, bồi-dưỡng lấy quốc-hồn. Nói rút lại thì ta cần về cái lượng bao nhiêu, ta phải chăm về cái phẩm bấy nhiêu, chớ thiên-trọng một đường nào.

Như thế thì cái vấn-đề về phẩm lượng tưởng cũng có quan-hệ đến ta lắm vậy. Bởi vậy dịch bài sau này.

Nhời người dịch.

I

Người Âu-châu sang Mĩ-châu, ngồi trong xe hỏa trông thì đất Mĩ-châu tựa hồ như một bãi sa-mạc mông-mênh. Như ở xứ Argentine thì bát ngát những đồng-điền xanh dì, chốc chốc đến một cái nhà ga, đằng sau có một dãy 4,5 cái nhà đỏ một từng gác, thì mới gọi là nhớ rằng trong cái sa-mạc ấy có người ở. Ở xứ Brésil thì giời nắng trói lọi, chỉ thấy tịt-mịt những dãy núi tối, trong đám có mấy cái sáng hơn, là những cái đã đốt rừng để giồng cà-phê. Nhưng trong bấy nhiêu dãy núi, cái tối cũng chư cái sáng, mắt cố nhìn mà không trông thấy nhà cửa là cái dấu rằng có người ở. Phải đi hàng giờ mới gặp được một làng. Ở Bắc-Mĩ cũng vậy, nhất là về tây-bộ, bát ngát những khoảng rộng vắng tanh, dần dần mới thấy nhiều thôn-lạc chơm-chởm những ống khói ; làng nọ cách làng kia không xa nhau lắm nữa, rồi vụt chốc xe hỏa đi vào giữa đám nhà cửa ; nhà cửa cứ kế tiếp nhau mãi không rứt ; mặt nào cũng nhan nhản những ống khói ; giữa đám nhà nhỏ đột khởi lên những nhà lầu thật to, như người Khổng-lồ đứng giữa đám người Chim-chích ; trong phố trông thấy những xe điện, xe tự-động chạy. Tức là một nơi đô-hội nhớn vậy. Một nửa triệu, một triệu, hai triệu người chồng chất nhau ở đấy, hàng nghìn cái ống khói rợp giời, chung quanh là khoáng-dã, vì xe hỏa lại đi thì lại chạy vào quãng đồng không mông quạnh, buồn rứt vắng tanh.

Mình là người Âu-châu, quen ở một xứ đông người nhất trong thế-giới, đâu đâu cũng có nhà cửa, từ bờ bể cho đến cùng những đỉnh núi người ở được, mà trông thấy những khoảng không vô cùng vô hạn như thế, thì thực là một cái cảnh-tượng kỳ lạ vậy. Nhưng mà những đồng điền núi non ấy trông ra vắng-vẻ mà thực không phải là bỏ không. Người ta dã kiệt-lực dùng những cơ-khí rất mạnh mà cày bừa, đào xẻ, bới móc cái đất ấy dủ mọi cách cho mỗi năm sinh-sản ra được vô-số là thóc lúa, bông, thuốc lá, cà phê, lông chiên, thịt, vàng, bạc, đồng than, sắt, như cái kho vô-tận chảy ra khắp thế-giới như nước vỡ đê. Rồi những sản-vật ấy đem về các nhà máy những tỉnh nhớn ở bắc Mĩ mà chế-tạo ra nhanh chóng và nhiều biết chừng nào ! Âu-châu thường hay hoặc quá khen, hoặc quá chê Mĩ-châu, nhưng có một điều dễ sự thực còn quá hơn cái ý-tưởng người Âu-châu : là sự giàu có của châu Mĩ. Không bao giờ, không nơi nào người ta làm ra của nhanh bằng và nhiều bằng ở nước Hoa-kỳ cùng mấy nước nhớn ở Nam-mỹ, như nước Argentine, nước Brésil, kể từ nửa thế-kỷ thứ 19 đến giờ. Đời xưa người ta còn mơ tưởng cái vườn hoa vàng quả bạc trong truyện thần-tiên, ngày nay tựa hồ

như cái vườn ấy đã tìm thấy ở bên kia bể Đại-tây-dương rồi; thực là nơi phúc-địa có thể cấp cho cái văn-minh ta trong mấy mươi thế-kỷ nữa những đồ ăn, đồ mặc, vàng, bạc, dầu, than, cần dùng cho cái thói xa-xỉ của ta; thực là cái đất phong-đăng giới sinh ra để cứu cho thế giới khỏi cái tai-nạn đời đời kinh sợ, là sự thiếu ăn vậy. Nói thế cũng đủ hiểu rằng từ năm mươi nhăm năm nay ở những nơi đồng điền núi non đô-thị châu Mĩ làm nên cái công việc nhớn nhao chừng nào, mà giải được cái địa-vị cao-trọng của các nước tân-thế-giới đã chiếm được trong thế-kỷ này. Song cái của cải Mĩ châu nếu chỉ giúp được cho người ta thêm cách làm ăn sung sướng hơn xưa thì cũng chưa là một cái hiện-tượng lạ lắm trong lịch-sử đời nay. Cái thế-lực của cái của ấy nó còn rộng hơn và sâu hơn, vì không mấy nỗi mà nó đem đến cực-điểm một cái phong-trào bắt đầu tự hơn một thế-kỷ này, cái phong-trào ấy có nhẽ lay động được cả cái cơ-sở của sự văn-minh ta; cái của cải châu Mĩ ấy nó thiết ra cho ta một cái vấn-đề rất to nhớn, mà tôi thiết-tưởng là quan-trọng hơn cả các cái vấn-đề khác phát-hiện ra trong trí-não ta; phàm những sự khó-khăn thuộc về luân-lý, thuộc về xã-hội mà ta không thể giải-quyết được, tựu-trung cũng có cái vấn-đề ấy cả, nó thường đi với cái lòng ghét hay là phục những của cải của Mĩ châu: cái vấn-đề ấy là cái vấn-đề về sự tiến-bộ vậy. Nói thế dễ còn chưa được phân-minh lắm: tôi xin cố giải cho tường.

II

Bên Âu-châu ta hay nói đến cái của cải của Mĩ-châu nhiều, mà thường nói ra giọng ố-kỵ, tựa hồ như nó là cái của cải một dân giã-man, khinh rẻ những công việc cao-thượng của trí-thức, mà chỉ biết chăm chăm thu-hoạch lấy những sự lợi-lộc thô-bỉ. Nhưng chẳng cần phải đi du-lịch nhiều bên Nam Bắc Mĩ mới rõ rằng người Mĩ không phải là người giã-man chỉ biết chăm một việc kiếm tiền. Tôi chỉ xin kể mấy điều sau này ở Bắc-Mĩ để làm chứng; tôi lấy cái chứng-cớ ở Bắc Mĩ vì ở đấy cái chứng-cớ nó nhiều hơn và rõ ràng hơn; nhưng các nước nhớn ở Nam Mĩ đại-loại cũng như thế cả, tuy nhỏ kém mà thôi. Cứ xem một điều người Bắc Mĩ chịu khó lập bao nhiêu trường học khắp trong nước thì cũng là đủ minh-chứng được điều ấy. Các ông tất đã nghe nói những trường đại-học nhớn của Mĩ, như trường Harward, trường Columbia. Vậy thì những trường ấy tức như cái thành của sự học-vấn vậy, dinh-thất nguy-nga, nào là vườn, nào là nhà biệt-viện, phòng thí-nghiệm, bác-vật quán, tàng-thư lâu, trường thể-thao, bể nước cho học trò tập bơi. Cứ xem cái nhà học to nhớn đẹp đẽ như thế thì cũng đủ chứng rằng bên Mĩ biết trọng sự học-vấn chừng nào; nhưng sét cái cách kinh-doanh sự học thì lại minh-chứng một cách hiển-nhiên hơn nữa. Dám quyết được rằng trong những trường đại-học nhớn ấy phàm cái gì có thể dậy được trong thế-giới là ở đấy có dậy cả: các tiếng nói đời xưa đời nay; các văn-chương lịch-sử cổ kim đã có ảnh-hưởng ít nhiều đến cuộc văn-minh tiến-hóa; các khoa-học thuần-lý cùng các khoa-học có ứng-dụng ra thực-tế. Giữ gìn những nhà học to nhớn như thế, giả lương biết bao nhiêu ông giáo, mỗi năm phải mấy mươi triệu bạc, thế mà đại-đề gần khắp các trường đại-học lớn ấy, như trường Harward trường Columbia, không được nhà nước tư cấp cho một su nào. Chỉ trông vào tiền học-phí của học trò cùng sự hảo-tâm của các nhà phú-hào. Chính là những nhà chủ ngân-hàng, những nhà công-nghệ, nhà đại-thương xuất ra một phần tiền to cho những trường nhớn ấy, để

giả lương biết bao nhiêu ông giáo dậy tiếng do-thái, tiếng hi-lạp, tiếng lạp-đinh, dậy triết-học, số-học v. v... Kể cả cái tiền của nhà nước cùng bọn phú-hào để riêng mà giúp cho sự học trong nước, các trường đại-học nhớn ấy cũng không dùng đến hết cả. Khắp các đô-thị, các địa-phương, những nhà đại-phú đều dựng những bác-vật-quán, thư-viện, lập các thứ trường học cho đàn ông, đàn bà, cho người thường dân, cho các bọn trung-lưu, để ban-bố cái phổ-thông học-thức, tăng-tiến sự thực-nghiệp giáo-dục. Sự thực đã hiển-nhiên như thế mà nói rằng các bọn thượng-lưu bên Mĩ-châu, ngoài tiền bạc không thiết đến việc gì nữa thì thật là nói nhằm vậy. Nhưng mà có người lại nói rằng người Mĩ không biết thích cái mĩ-thuật; những đô-thị của họ trông xấu lạ. Nói rằng những đô-thị của người Mĩ đẹp thì thật cũng không dám quyết như thế; nhưng mà nói rằng người Mĩ không thiết cái đẹp, không biết dụng công mà làm cho đất nước mình đẹp ra, thì cũng là quá đáng vậy. Phàm những trường dạy nghề kiến-chúc ở bên Âu-châu, nhất là trường kiến-chúc ở Paris, là đầy những người Mĩ sang học chăm chỉ lắm. Cái số tiền của các đô-thị, các địa-phương, các nhà ngân-hàng, các công-ti bảo-hiểm, trường đại-học, sở hỏa-sa, xuất ra để sây dựng những nhà cửa trang-hoàng, thật là không thể tư-lượng được. Những nhà cửa ấy chắc chưa phải là những tuyệt-tác công-trình; nhưng ai dám nói rằng bên Mĩ không có lắm nhà thật đẹp, không có những tay kiến-chúc đại-gia? Bên Âu-châu ta lại thường nói người Mĩ có cái tính phàm đồ cổ hay mua thật đắt, bất cứ đồ gì, đồ mạo sưng là cổ cũng mua, không biết phân biện cái sấu cái đẹp, cái thực cái giả. Nhưng ai đã có đi lại các nhà những bực giầu có bên Mĩ mới biết rằng ở bên Mĩ cũng như ở mọi nơi, tuy có kẻ hiếu kỳ, kẻ mắc lừa, nhưng cũng nhiều người sành biết mua những đồ đẹp.

Túng-sử có một nhà làm sách thích cái lối nghịch-thuyết mà muốn cố cãi rằng người Mĩ còn có nhiều cái « lý-tưởng chủ-nghĩa » hơn người Âu-châu, thì cũng dễ lắm; nếu cho sự thích phàm cái mĩ-thuật nào, cái tư-tưởng nào, cái tôn-giáo nào, cũng muốn hiểu, muốn cảm, muốn lý-hội được cả, là thuộc về lý-tưởng chủ-nghĩa, thì người Mĩ thật có nhiều cái chủ-nghĩa ấy... Các ông thử đến chơi thành Nữu-ước: trong thành phố thì các ông thấy lối kiến-chúc nào cũng có, trong thư-viện thì sách văn-chương gì cũng có, trong nhà giáo-đường thì đủ các tôn-giáo, trong nhà diễn-kịch thì đủ các âm-nhạc, trong nhà ở riêng thì đủ các lối trang-sức trong thế-giới. Mà cái thành Nữu-ước ấy thật là biểu-hiệu được rõ ràng cái trí muốn điều-hòa hết thảy, cái trí ấy tuy chưa được phân-minh mà còn nông nổi, nhưng thực là cái đặc-tính của người Mĩ ngày nay vậy. Về đường triết-học thì cái trí ấy nó phát-hiện ra cái « thực-nghiệp chủ-nghĩa ». Người ta thường nói cái « thực-nghiệp chủ-nghĩa » của người Mĩ lấy phàm lý-tưởng nào có thể dùng được việc là lý-tưởng chính-đáng, thực là muốn đem cái lý-tưởng làm nô-lệ cho cái thực-nghiệp, có phải hay không? Tôi thiết-tưởng ai đã sang hô-hấp qua cái không-khí đất Mĩ-châu thì không thể tin như thế được nữa. Không phải thế, cái « thực-nghiệp chủ-nghĩa » vẫn là một cái lý-thuyết chủ sự điều-hòa hết thảy, muốn đặt cho người ta cái phương-kế để điều-hoà được mọi lý-tưởng, lý-thuyết phản-đối nhau mà chứng rằng phàm lý-tưởng dù trái nhau đến nỗi không thể dung nhau được, cũng có thể giúp cho người ta được khôn hơn, mạnh hơn, hay hơn lên. Như thế thì việc gì mà tranh-giành nhau cho cái lý-tưởng này thắng-đoạt được cái lý-tưởng kia, cứ để cho người ta được tự-do dùng mỗi cái cho hết lợi, chẳng hơn ư? Phàm người nào đã quen biết đất

Bắc Mĩ tất phải cho cái « thực-nghiệp chủ-nghĩa » ấy là một cái lý-thuyết rất hợp với tính-chất người Mĩ, một cái lý-thuyết như thế mà đem ra xét về đường triết-học thì có thể bác được nhiều điều ; nhưng mà dù thực dù hư, nó cũng đủ chứng rằng cái dân đã sáng nghĩ ra nó không phải là khinh dể cái lý-tưởng, nhưng thực là biết trọng hết thảy các lý-tưởng đến nỗi không dám bỏ bác một cái nào.

Nói rút lại thì ở bên Mĩ cũng có người giàu mà dốt; nhưng mà cái anh mọi trát vàng vào người thì thật là một nhân-vật chuyện cổ-tích vậy. Vả sự đó cũng không lấy gì làm lạ. Cái cách tổ-chức các xã-hội ngày nay khiến cho người ta không thể tưởng-tượng được một dân giàu có mà dốt nát. Sự công-nghệ, sự buôn-bán, sự canh-nông ngày nay cần phải có cái tri-thức chuyên-môn rất tinh-tường, cần phải có một cái thể-chế trong xã-hội rất hoàn-toàn, tức là phải có một sự học-vấn về khoa-học, về pháp-luật cao cao mới được. Xét như thế thì biết bên Mĩ-châu không phải là không thiết đến những việc cao-thượng thuộc về trí-thức ; nói cho đúng hơn thì phải nói rằng nhất-ban dân Mĩ, trừ ra một phần ít người, còn thì đại-dể có phần chuộng những sự công-nghệ, buôn-bán, canh-nông hơn sự trí-thức. Nhưng mà ở Âu-châu chẳng cũng thế ư ? Ai dám quyết rằng bên cựu thế-giới các chính-phủ cùng những bọn thức-giả xã-hội ngày nay hiện đương chuyên-cần nhất là sự tiến-bộ về đường mĩ-thuật, văn-học, khoa-học? Ta thử nghe người ta nói chung quanh mình: chỉ thấy bàn cải-lương đồ khí-giới cho việc kinh-tế, khai-khẩn những mỏ than mỏ sắt, lợi-dụng những thác nước chầy, khuếch-trương sự buôn bán. Các vua chúa được ơn giời trị dân cũng công-bố cho nhân dân biết rằng không gì mình lưu-tâm cố-ý bằng sự buôn bán trong nước. Nếu những sự ấy toàn là thuộc về cái lối giả-man của Mĩ-châu cả, thì phải chịu rằng Âu-châu hóa theo Mĩ-châu một cách nhanh lạ, mà khả kinh vậy. Nhưng mà sự gắng-sức của Âu-châu về đường kinh-tế, có gì là lạ đâu, bất quá cũng là do cái phong-trào nhớn trong lịch-sử bắt đầu tự ngày có một người Ý-đại-lợi gan-góc mạo-hiểm (1) giương buồm vượt bể mà đi sang cõi tây phương tịch-mịch, cái phong-trào ấy ngày nay nó thổi mạnh rất kịch-liệt mà thôi. Thực thế, từ trước đến bấy giờ Âu-châu đã nghĩ ra những lối mĩ-thuật văn-chương rất hay, rất đẹp, triết-học rất sâu, những tôn-giáo rất khéo an-ủi lòng người, luân-lý cao, pháp-luật chỉnh-đốn khôn-khéo ; nhưng Âu-châu đời bấy giờ nghèo, sinh-sản được ít mà chậm, biết tôn-trọng quyền người trên, nền-nếp cũ, lấy pháp-luật, lấy tập-tục, lấy nhời răn bảo mà hạn-chế cái cường-lực của người ta ; dạy cho người biết đè nén cái lòng kiêu-căng của mình, mà biết rằng mình là giống yếu hèn, lòng bất thường, bụng dạ sằng, ở đời ví như người lái đò chở chiếc thuyền lên ngược dòng sông vậy. Chỉ nhỡ tay một tí, không chống lại được với sức nước thì hại thay ; nước tất trôi phăng thuyền đi. Nhưng may sao Âu-châu lại khai-tịch được ở giữa bể một cái đại-châu mới ; rồi mới xét ra rằng thần Prométhée ngày xưa ăn trộm lửa của Thiên-đế cũng là một tay ăn trộm vụng, vì chỉ ăn trộm được có một sợi lửa ; bởi thế mới tìm kiếm được mỏ than, phát-minh ra điện-khí ; chế-tạo ra cái máy bằng hơi nước cùng các máy khác do đấy mà ra ; lại tìm được cái cách tăng thêm của cải rất nhanh, ông cha ngày xưa chưa từng biết. Từ lúc bấy giờ người ta không một là mơ-tưởng cái cõi phúc-địa ấy nữa, mà lại muốn đến tận nơi ; phá đổ cả những nền-nếp cũ, những pháp-luật cùng chế-độ đã ngăn-trở cái sức mạnh con người ta không bành-trướng ra được ; tập làm

(1) Tức là ông Kha-luân-bố (Christophe Colomb).

cho nhanh, cho được nhiều ; vừa chiếm được cái quyền tự-do lại vừa được sự giàu có ; bấy giờ mới xướng ra hai chữ tiến-bộ vậy.

Thực thế, cái lý-tưởng về sự tiến-bộ mới phát-hiện ra vào khoảng cuối thế-kỷ thứ 17 sang đầu thế-kỷ thứ 18, là lúc người ta mới thấy mình có cái thế-lực đi chinh-phục được thế-giới, khai-khẩn được những của cải trên mặt đất. Cái lý-tưởng ấy phát-đạt truyền-bá ra trong thế-kỷ thứ 19, người ta càng khuếch-trương được cái thế-lực trong thế-giới, càng chiếm được nhiều của cải, càng lay động được cái quyền bó buộc của những phép-tắc cũ, thì cái lý-tưởng ấy lại càng phá đổ được những sự bài bác của các nhà triết-học, cái tính nhu-nhược của bọn thường dân, cái lòng tôn-giáo, cái tính thủ-cựu, thường phản-đối với nó. Kịp đến khi các nước nhớn bên Mĩ-châu phát-đạt lên rất dữ, thì cái lý-tưởng ấy được toàn-thắng ; ngày nay nó làm chủ-động cho sự văn-minh ta, không những là chủ-động mà nó lại như ông vua áp-chế nữa, vì mỗi ngày nó bắt ta phải gắng-sức thêm lên, phải mạo-hiểm thêm lên, phải chịu khó chịu nhọc thêm mãi lên ! Dù thế mà giả sử đem những người mỗi ngày đọc cái tiếng thần-bí ấy đến trăm lượt ra mà hỏi : sự tiến-bộ là cái gì, thì hỗ dễ đã mấy người đáp lại được cái câu hỏi ấy cho phân-minh. Còn những người đáp lại cái câu hỏi ấy thì biết bao nhiêu là câu giả nhời khác nhau ! Cứ xem những sách vở, những bài báo, những tập biên chép của các hội-nghị về xã-hội-học bàn riêng về cái vấn-đề ấy, thì biết rằng cái ý-kiến của các nhà bác-học mập-mờ mà phản trái nhau là chừng nào. Tựa hồ như cái lý-tưởng về sự tiến-bộ nó càng mập-mờ không rõ bao nhiêu thì nó lại càng có sức mạnh, được nhiều người tin bấy nhiêu. Ai cũng nói đến mà không ai biết rõ nó là cái gì. Lại còn một điều lạ nữa, là trong cái thời-đại tiến-bộ này mà ai cũng than rằng thế-giới suy-đồi. Người thợ thuyền, người làm công, người lính tráng, người học trò, người làm con, người làm cha, người làm mẹ, người tôi tớ, nhất là bọn tôi tớ ngày nay, đều là không bằng người ngày xưa ; đồ ăn ngon, câu văn hay, đồ chơi đẹp, mĩ-nghệ, mĩ-tục, mỗi ngày một mất dần đi. Làm sao mà trong cái thời-đại tiến-bộ lại thấy sự gì vật gì cũng suy-bại đi thế ? Thế thì ta có tiến-bộ hay không, có hay không ? Ta lấy làm tự-cao cái sự tiến-bộ của ta như thế, mỗi ngày ta mất ăn mất ngủ, liều cả cái tính-mệnh ta cho sự tiến-bộ ấy, thì nó có thực hay không, hay nó chỉ là một cái hư-tưởng mà thôi ?

III

Không cần phải giải ai cũng hiểu cái vấn-đề ấy là quan-trọng, Có thể gọi là một cái vấn-đề căn-bản được, vì muốn xét đoán cho đích-sác cái giá-trị của sự văn-minh ta, xét xem nó là một sự hay hay là một sự cuồng nhớn, thì cũng là phải do tự cái vấn-đề ấy vậy. Ấy thế mà thời-đại ta không biết giải-quyết được cái vấn-đề ấy. Là làm sao vậy ? Làm thế nào mà giải được một cái tình-trạng xem ra phản trái nhau như thế ? Đó là cái cứu-cánh vấn-đề nó đã bầy ra cho tôi trong những sự tôi kinh-lịch ở Mĩ-châu, những sự tôi đã trông thấy, nhận thấy, học được ở Bắc-Mĩ Nam-Mĩ. Hoặc giả vì lúc khởi hành sang Mĩ-châu tôi mới làm xong bộ *La mã toàn-sử*, mà trong cách tôi xét đoán cái vấn-đề tân-thế-giới ấy tôi không lấy cái tỉ-lệ ở Âu-châu ngày nay mà lại lấy cái tỉ-lệ ở những đời đã qua rồi trong lịch-sử cũ chăng ? Cũng có nhẽ như thế. Song tôi tưởng hình như đem so sánh cái cảnh-tượng các xã-hội Mĩ-châu, nhất là ở Bắc Mĩ, với cái cảnh-tượng những xã-hội đời cổ-đại mà tôi nghiên-cứu đã lâu năm, thì cái vấn-đề ám-muội ấy nó cũng rạng tỏ ra được ít nhiều. Thực thế, những văn-minh

tổ của văn-minh ta đời xưa là những văn-minh nghèo cả ; người đời xưa phải hạn-chế cái lòng tham-dục, cái trí phát-khởi, cái tính mạo-hiểm, cái tài tân-tạo của mình ; sinh-sản được ít mà chậm, khổ về sự thiếu thốn những đồ vật-liệu, mà lại coi cái việc làm tiền của là một sự bất-đắc-dĩ. Nhưng nhất-thiết mọi sự khác, hoặc là về mĩ-thuật, về văn-chương, về luân-lý, về tôn-giáo đều cố công cho tới một cái tuyệt-phẩm mô-phạm rất khó. Cứ xét như đại-đề các công-nghệ ngày xưa đều có một cái tính-cách thuộc về mĩ-thuật, xét các thuật trang-sức ngày xưa quan-trọng là nhường nào, cùng xét những cách thuộc về tu-thân, lễ-nghi, hình-thức, thì cũng đủ chứng được điều ấy. Thời bấy giờ cái *phẩm* cao hơn cái *lượng*, mà những văn-minh ấy sở-dĩ phải chịu bấy nhiêu sự hạn-chế ngày nay ta lấy làm lạ, chẳng qua cũng là chịu cái đại-giá tất-nhiên của bấy nhiêu sự khôn-khéo mà thôi.... Nay ta đã phá đổ cái thế-giới của ông cha ta ngày xưa. Ta đã lấy sự tăng nhiều của cải làm mục-đích ; ta đã chiếm được cái quyền tự-do, phá được gần hết những sự hạn-chế ngày xưa ; nhưng mà ta lại phải bỏ gần hết những cái lý-tưởng tuyệt-phẩm cũ về mĩ-thuật, luân-lý, tôn-giáo mà tổ-tiên ta tôn-trọng ngày xưa, mà nhất-thiết cái gì ta cũng phải đem cái *phẩm* làm hi-sinh cho cái *lượng*. Thử xét cái nguy-cơ của sự « cổ-điển học-vấn » ngày nay. Làm sao người đời xưa ham học sách Homère sách Cicéron (1) như thế ? Vì rằng các nhà đại văn-gia Hi-lạp Lạp-đinh, thời bấy giờ coi là cái mẫu của sự tuyệt-phẩm về văn-chương, bọn tai mắt trong dân sùng-phụng lắm, chớ không những là một cái trang-sức của trí-thức mà thôi đâu. Cái văn-chương hay đời bấy giờ nó làm cho được lòng yêu chuộng của chúng, được nổi danh tiếng, có khi được vinh-hiển, được ngôi cao chức trọng. Nhưng mà những bậc mô-phạm về văn-chương ấy, trong thế-kỷ mới rồi đã mất thế-lực đi nhiều lắm ; hoặc là bởi có nhiều người đã biết thưởng-giám nhiều lối văn-chương khác, hoặc là bởi đời nay cần phải nói nhanh quá, viết nhanh quá mà lấy những cái mô-phạm ấy là một sự phiền... Thử lấy một nhà ra ứng bầu làm chức Tổng-thống nước Mĩ, mỗi ngày phải đọc đến mươi mười lăm bài diễn-thuyết dài, mà muốn cho mỗi bài phải theo cho đúng mực những lề lối nhà diễn-thuyết như ông Cicéron, ông Quintilien ngày xưa đã đặt ra, thì thể sao được ? Nhưng mà đến ngày cái « cổ-điển học-vấn » đã không coi là cái mẫu cho sự thưởng-giám về văn-chương nữa, thì tất là phải suy-đồi đi ; các sách vở ngày xưa đã không coi là sách mô-phạm nữa thì tất cũng hạ xuống bậc như mọi sách khác, có nhẽ nhiều người xem lại không thích bằng những sách văn-chương mới thời nay. — Người ta cũng lại thường nói đến cái nguy-cơ của các nghề mĩ-thuật, song phải phân-biệt mới được. Phàm các mĩ-thuật có thể chia ra làm hai hạng : một hạng là những nghề làm cho vui người ta, làm cho người ta qua thì-giờ cho có hứng-vị, như nghề âm-nhạc, diễn-kịch, nghề văn-chương cũng có một ít ; hai là những nghề làm cho đẹp đẽ thế-giới, như nghề kiến-chúc, điêu-khắc, hội-họa cùng đại-đề các nghề trang-sức. Tuy hết thảy các nghề mĩ-thuật ngày nay là vào buổi nguy-cơ cả, nhưng cái nguy-cơ nó còn sâu hơn cho những nghề thuộc về hạng thứ nhì. Không thời-đại nào tiêu nhiều tiền bằng đời ta để trang-sức cho thế-giới được đẹp ; không thời đại nào nuôi đến một đội quân những người chuyên về nghề kiến-chúc, điêu-khắc, hội-họa, trang-sức, nhiều rất dữ bằng đời ta, không có thời-đại nào xây dựng được nhiều bằng đời ta những đô-thị, lâu-đài, vườn-hoa, cầu-cống, đường-phố... Cớ sao mà ta lại không bằng lòng những cái công-trình đã thành được ? Cớ sao mà người Mĩ-châu tiêu biết cơ man nào

(1) Homère là nhà làm thơ Hi-lạp ; Cicéron là nhà hùng-biện La-mã.

là của để trang-sức cho những nơi đô-thị của mình, mà vẫn không tài nào dựng được một cái nhà thờ đẹp bằng nhà thờ Saint-Marc ở thành Venise, hay là nhà Đại-giáo-đường ở thành Paris? Ta đã nói rằng đời này cái gì cũng có: tiền, người thợ làm, cái lòng sở thích muốn làm những sự đẹp đẽ: vậy thì còn thiếu cái gì? Chỉ thiếu có một cái: là cái thì-giờ vậy. Một ngày tôi nói chuyện với một nhà kiến-chúc có tài ở Nữu-ước, tôi có khen cái nghề kiến-chúc ở nước Mĩ. Ông ta cười mà giả nhời tôi rằng: « Phải, phải, các ông đồng-bào tôi túng-sử phải xuất một trăm triệu bạc để dựng một cái nhà thờ đẹp bằng nhà thờ Saint-Marc ở thành Venise, thì cũng bằng lòng bỏ tiền ra ngay; nhưng mà các ông ấy bắt tội một điều là phải làm xong trong 18 tháng ». Cái câu nói thực là có ý-vị vậy. Làm thế nào mà trang-sức được một cái thế-giới biến-cải luôn luôn, không có cái gì nhất-định, cái gì cũng muốn làm cho nhiều, nhà cửa cũng vậy, đồ dùng cũng vậy? Muốn xây dựng được những lâu-đài đẹp, chế-tạo những đồ dùng đẹp, muốn cho đạt tới một cái tuyệt-phẩm lý-tưởng, thì phải có thì-giờ, phải biết khoan-khoan chầm-chậm, phải có một sự hạn-chế phải chăng, phải có sự yếu-cần riêng về đường vật-liệu; phải cho cái lòng sở thích bền bền mới được. Không thể xây một cái nhà thờ Saint-Marc hay một nhà Đại-giáo-đường trong 18 tháng được, mà nước Pháp về thế-kỷ thứ 18, nếu cái thời-thượng lúc bấy giờ đã hay bất-nhất như đời bây giờ, ai ai trong hạn 10 năm cũng phải thay đổi đồ dùng một lần, thì thể nào mà sáng tạo được những lối trang-sức đẹp có tiếng trong thế-giới?

IV

Còn biết bao nhiêu điều khác nữa có thể kể ra làm chứng được! Ta thử xét quanh mình ta; đâu đâu cũng thấy cái *lượng* với cái *phẩm* cạnh-tranh nhau, mà sự cạnh-tranh ấy tựa hồ như là cái phần cốt-chính trong văn-minh ngày nay. Thực thế, trong thời-đại ta có hai cái thế-giới nó tranh-cạnh nhau; nhưng hai cái thế-giới ấy không phải như nhiều người tưởng nhầm là Âu-châu với Mĩ-châu đâu, thực là cái *lượng* với cái *phẩm* vậy; mà hai cái nó tranh giành nhau làm cho rối-loạn khổ-sở cả Mĩ-châu lẫn Âu-châu. Người ta sở-dĩ không giải được sự tiến-bộ là cái gì, sở-dĩ phải chịu cái sự trái ngược lạ lùng là lúc nào cũng vẫn tin rằng thế-giới có tiến-bộ, mà bao giờ cũng thấy than rằng thế-giới suy-đồi, cũng là do sự cạnh-tranh ấy cả. Đời ta đã tăng cái *lượng* của nhiều vật, mà làm hủy-hoại mất cái *phẩm* của nó đi; thành ra nếu xét về phương-diện cái *lượng* thì xem như tiến-bộ được nhiều lắm; mà xét về phương-diện cái *phẩm* thì xem như lại suy-đồi vậy. Ta không biết lấy cái phương-trâm ở đâu nữa, vì ta cứ nhầm lẫn luôn hai cái tỉ-lệ với nhau, là cái *lượng* cùng cái *phẩm*, khi thì dùng cái này, lúc thì dùng cái kia. Thử đem một nhà « kiến-chúc-thuật chuyên-môn » với một người thầu khoán xây nhà bằng « xi-mo sắt » (ciment armé), cho hai người nghị-luận về cái thời-đại ta; nhà chuyên-môn tất cãi rằng ngày nay xây vội-vàng cẩu-thả lấy cho thật nhiều những tỉnh những thành, là cái triệu suy-đồi, vì bây giờ không tài nào xây được một cái lâu-đài giống như những lâu-đài tuyệt đẹp của đời Trung-cổ; nhà thầu khoán thì tất trong bụng cũng nhiệt-thành như thế mà cãi lại rằng không có thời-đại nào tiến-bộ nhanh bằng đời ta, đâu đâu cũng thấy những đô-thị mới dựng lên nhan nhản, mà những đô-thị cũ thời mở rộng ra thật nhanh. Nhà chuyên-môn thì xét về phương-diện cái *phẩm* mà nói rằng một nhà Đại-giáo-đường hay là một nhà thờ Saint-Marc cũng đáng giá bằng cả một đô-thị nước Mĩ, cũng là có nhẽ phải; nhà thầu khoán xét về phương-diện cái *lượng* mà nói trái lại cũng là có nhẽ phải nữa. Từ nay phàm mọi sự

xét-đoán của ta về điều hay điều dở, tựu-trung cũng có cái sự ngộ-giải bi-thảm ấy cả, tôi đã được từng trông thấy ở Mĩ-châu một cái minh-chứng hiển-nhiên. Khi tôi tới đấy thì cái sự vận-động phản-đối với những hội « doanh-nghiệp đồng-minh » (trusts), những nhà ngân-hàng nhớn, những công-ti hỏa-xa, công-ti bảo-hiểm, khởi hành tự mấy năm trước, bấy giờ đương kịch-liệt lắm. Họ làm báo, diễn-thuyết, soạn những sách có chứng-cớ để cáo-tố bọn giàu to buôn nhớn là những tay làm bại-hoại phong-tục, gây lên một cái áp-chế chủ-nghĩa lối mới cũng tệ-hại bằng những cái áp-chế chủ-nghĩa cũ, lại đặt ra những thể-chế ám-muội để cướp công làm ăn của những kẻ lương-thiện. Sự vận-động ấy đã thậm nhập vào những bọn trung-lưu hạ-lưu, mà đã có một phần to trong việc phá-đổ đảng cộng-hòa. Nhưng người dân thì nao-nao tức-giận như thế, mà ra ở Mĩ-châu cũng như ở Âu-châu, bọn kinh-tế-gia, doanh-nghiệp-gia cứ điềm-nhiên như không, trách những bọn khởi ra sự vận-động ấy là đi rật lùi về những lối tư-tưởng đời Trung-cổ, mà đồng-thanh khen cái phép lý-tài đời nay, biết kinh-doanh to-tát, đắc-lợi nhiều, gây dựng nhớn. Thế nào mà trong một thời-đại sáng suốt học giỏi như đời ta, có một cái vấn-đề quan-trọng như vậy, mà ý-kiến người ta khác nhau đến thế ? Hay là một phần thế-giới ngày nay mắc phải cái bệnh mù không thể chữa được, mà chỉ có một phần là có cái đặc-quyền được trông sáng thôi ? Không phải thế. Không có người mù mà cũng không có người sáng, chỉ có những người yêu-cầu hai sự khác nhau mà dùng hai cái tỉ-lệ để đo-lường một vật. Như thế thì đồng-ý với nhau sao được ? Nếu lấy cái tỉ-lệ thuộc về *lượng*, nếu lấy rằng cái cứu-cánh mục-đích của đời người là làm ra thật nhanh được thật nhiều của cải, thì các nhà kinh-tế có nhẽ phải. Những sự không công bằng, những điều tệ-hại mà bọn phản-đối cái phép lý tài ngày nay đã cáo-tố ra, bất quá cũng là những sự bất-tiện nhỏ trong cái cuộc kinh-tế tự-do mà thôi, mà thế-giới bây giờ sở-dĩ được giàu có thực là nhờ cái cách kinh-tế tự-do ấy mới được. Nhưng cái lý-tưởng rằng sự lợi hại của mỗi người phải để cho sự vận-động tự-nhiên của cái sức kinh-tế vô-tri vô-giác nó định, thì những văn-minh đời xưa sinh ra văn-minh ta chưa từng biết cái lý-tưởng ấy bao giờ. Những văn-minh ấy vẫn là tìm cách để chữa lại sự vận-động kia, cho nó hợp với đạo nhân đạo nghĩa. Dù phải hạn-chế sự phát-đạt về công-nghệ, về thương-nghiệp mới làm được, như cấm không được đặt tiền lấy lãi thì cũng không ngại. Những văn-minh ấy lấy sự kinh-tế phát-đạt phải tùy theo một cái lý-tưởng thuộc về luân-lý ; tức là lấy cái *lượng* phải tùy theo cái *phẩm* vậy. Ngày nay nếu lấy cái tỉ-lệ *phẩm* mà xét cái thế-giới bây giờ, thì là những người phản-đối sự lý-tài có nhẽ phải ; sự lý-tài ngày nay dùng lắm cái phương-kế, có khi dùng cả cách hối-lộ, để mà tăng-tiến sự sinh-sản của cải, thì thật là được việc, nhưng phàm người có lương-tâm cao-thượng cũng vẫn lấy những phương-kế ấy làm đê-tiện, Hai bọn người phản và người phục sự lý-tài ngày nay có thể cãi nhau đến vô cùng, cũng không bao giờ hòa ý nhau được, vì mỗi bên đứng một phương-diện khác nhau, không lấy cái nọ mà phá cái kia được.

Nói rút lại thì cũng vì cái nhẽ ấy mà mọi sự so sánh Âu-châu với Mĩ-châu, muốn biết trong hai thế-giới ấy cái nào hơn cái nào, tất không bao giờ quyết hẳn được. Cái khuyết-điểm của mọi sự so sánh ấy, vẫn là nhầm lẫn hai cái tỉ-lệ. Mĩ-châu quyết không phải là cái đất quái gở người dân chỉ biết nghĩ đến tiền bạc, mà cũng không phải là cái đất kỳ-dị có nhiều sự lạ vật lạ như những người quá phục Mĩ-châu thường ngợi khen. Tức là cái đất mà trong khoảng 155 năm cuối này, cái

lượng nó trở nên mạnh quá, được cái thắng-lực nhớn nhao vô cùng. Vào giữa lúc văn-minh ta phát-minh ra cái khí-giới có thể khai-khẩn được những đất rộng, sinh sản của cải được nhanh, là cái máy hơi nước, thì bấy giờ có một dân siêng năng, có khí-lực mạnh mẽ, đã chiếm được một cái lĩnh-thổ mông mênh, phần thì đất thật tốt, phần thì nhiều mỏ nhiều rừng. Quanh mình là một cái đại-châu mới, mở mang, không bị những nền-nếp cũ nó bó buộc, tựa hồ như trước mặt có con đường mới của lịch-sử cứ việc bước vào mà đi, tha hồ mà đi nhanh, không cái gì cản được bước chân lại ; cái cảnh-tượng thực xưa nay chưa từng trông thấy bao giờ ; Trong khoảng một thế-kỷ mà tăng thêm số dân, đặt thêm đô-thị, phàm những của cải người ta ham muốn, đều tăng lên đến 10 lần, 15 lần, 30 lần hơn ; vội-vàng hỗn-độn mà dựng một xã-hội lấy lý-tưởng ngày xưa phải tùy theo một cái phương-trâm mới : là cái gì cũng làm cho to mà nhanh hơn mãi lên... Không phải rằng Mĩ-châu không thiết những việc cao-thượng về trí-thức, quyết không phải thế ; nhưng mà cái công-phu của Mĩ-châu về đường mĩ-thuật khoa-học cũng phải tùy theo, mà không thể không tùy theo một cái mục-đích mới này được : là lấy máy móc mà khai-khẩn cái đất đại-châu cho rất nhanh, cho kiệt lực. Đến như nói rằng Âu-châu là biểu cái tinh-hoa của văn-minh đối với cái giả-man của Mĩ-châu, hay là nói trái lại mà bảo rằng cựu-thế-giới đã già-cỗi hủ-bại lắm rồi không thể cứu vớt được nữa, thì cũng đều là nói nhầm cả. Các xã-hội già ở Âu-châu cũng đã vào cái tuần có thể gọi là cái tuần thuộc về *lượng* của lịch-sử rồi : ở Âu-châu cũng như ở Mĩ-châu nhân-dân đều muốn được ăn sung ở sướng hơn trước ; những tiền kinh-phí về việc công việc tư tăng thêm lên nhanh quá chừng, cần phải sinh-sản của cải ra thật nhiều mới được. Nhưng mà cái công-nghiệp ấy lại khó cho Âu-châu nhiều hơn là Mĩ-châu. Dân Âu châu đông-đúc hơn Mĩ-châu nhiều. Một phần đất đã kiệt cái sức sinh-sản rồi ; lại trong châu chia vụn ra nhiều nước, nhiều thứ tiếng nói, thì lại thêm ngăn-trở nhiều cho sự khai-khẩn nhớn ; những nền-nếp khuôn-phép cũ của những thời-đại trước người ta sinh-sản chậm và ít, chỉ cốt cho kịp được một cái tuyệt-phẩm lý-tưởng khó đến được, thì ngày nay cũng vẫn còn mạnh lắm. Âu-châu hơn Mĩ-châu trong những việc cao-thường thuộc về trí-thức ; nhưng đến những sự-nghiệp về kinh-tế thì rất là rụt rè, bủn sỉn, chậm chạp, bị bó buộc đủ cách, không có thể làm nhanh làm to được bằng Mĩ-châu. Vậy thì Mĩ châu cùng Âu-châu, hoặc lấy cái tỉ-lệ *lượng* hay cái tỉ-lệ *phẩm* mà xét, thì có thể cho bên nọ hơn bên kia được. Nếu một cái văn-minh càng sinh-sản của cải được nhanh bao nhiêu càng cho là hoàn-toàn bấy nhiêu, thì Mĩ-châu thực là cái mẫu văn-minh ; nếu trái lại mà nói rằng sự hơn kém chỉ có thể đo lường bằng những việc cao-thượng về trí-thức, thì Âu-châu được phần hơn...

V

Nhưng nói thế thì hoặc-giả có người bác lại rằng : « Không thể dễ do-dự bất-quyết mãi thế được. Trong hai cái tỉ-lệ ấy nên chọn cái nào ? Cái cảnh-tượng trong thế-giới bây giờ là cái cảnh-tượng một bài anh-hùng-ca kỳ-diệu của sự tiến-bộ, hay là một bài bi-kịch sầu-thảm của sự suy-đồi ? Trong hai cái thế-giới ngày nay, Âu-châu với Mĩ-châu, thì cái nào là hơn cái nào, cái nào có thể làm mẫu cho cái nào được ? Không có phép thiết bấy nhiêu cái vấn-đề ra mà lại không giải-quyết, mà nếu ông không thể giải-quyết được, thì thiết tưởng chẳng nên sang du-lịch Mĩ-châu làm gì cho nó mất công, hoặc có sang du-lịch thì nên nghĩ đến cái khác mà đừng nghĩ đến

cái vấn-đề ấy, đến khi giở về cũng đừng nên soạn làm gì một quyển sách dài như thế về sự cạnh-tranh hai thế-giới. » Nhời bài-bác ấy tưởng cũng là thuộc về nhẽ cố-nhiên vậy. Song người ta còn thuộc vào cái tuần văn-minh ngày nay thì chưa chắc đã ra khỏi được cái sự « do-dự bất-quyết » khốn-nạn ấy, vì sự do-dự bất-quyết ấy là cái đại-giá của sự chinh-phục thế-giới của loài người ta cùng sự phát-đạt dữ-dội của Mĩ-châu ngày nay. Muốn chinh-phục thế-giới cùng những của cải của thế-giới thì loài người ta đã phải bỏ hoài mất nhiều những cái tuyệt-phẩm lý-tưởng về đường mĩ-thuật, đạo-đức, tôn-giáo, của ông cha để lại cho ; nhưng có thể bỏ hoài được tất cả những cái lý-tưởng ấy không ? Ta có thể tưởng-tượng được một cái thế-giới chỉ thuần là *lượng* cả, không có mĩ-thuật, không có đạo-đức, không có điều đẹp điều nghĩa gì nữa không ? Thiết cái vấn-đề ra là giải-quyết cái vấn-đề vậy. Nhưng trong cái cuộc chinh-phục thế-giới này, cái lòng kiêu lòng tham của người ta đã lên đến cực-điểm, thì có nhẽ cái thế-giới ngày nay phen này quyết đi đến cùng đường. Ngày nay chưa chắc đã xướng lên được một cái phong-trào về đường tôn-giáo, luân-lý hay là chính-trị, có thế khiến cho mọi hạng người trong xã-hội biết hạn-chế những sự cần dùng, sự xa-xỉ của mình cho vừa phải ; mà cái dân số, sự yếu-cần của mọi hạng người, sự kinh-phí về việc công việc tư còn tăng lên mãi thì cái thế-lực của cái *lượng* còn bành-trương ra khắp mặt địa-cầu ; ta còn phải đem mĩ-thuật luân-lý mà tùy theo vào sự yếu-cần phải chế-tạo ra máy móc càng ngày càng nhanh, khai khẩn thêm rừng ruộng, tìm kiếm thêm những mỏ nọ mỏ kia ; mỗi ngày sự sinh-sản ra của cải lại càng lấy làm cái thước đo của sự tiến-bộ ; mỗi ngày thời-thế lại càng thuận-tiện cho những dân có lĩnh-thổ rộng, đế-quốc to, mỏ sắt mỏ than nhiều ; cái thần lửa rồi lại làm chúa-tể cho thế-giới như đời thượng-cổ mới có lịch-sử ; cái cảnh do-dự bất-quyết trong lòng trong trí ta không biết đến bao giờ là cùng tận. Không có cái triết-học nào, không có cái khoa-học nào là có đủ sức mà đem một cái quan-niệm phân-minh về điều hay điều dở, cái đẹp cái xấu, sự thực, sự hư để thế vào sự do-dự bất-quyết ấy. Phàm những sự hơn kém nhau thuộc về *phẩm* trong sự-vật, rồi sẽ hỗn-tạp trong trí ta. Ta không thể giải nghĩa cho phân minh được sự tiến-bộ, cũng tức như là ta không thể phân biện được rõ ràng cái gì là cái yếu-cần chính-đáng, cái gì là cái thói quen xằng, thế nào là sự tiêu tiền phải chẳng, thế nào là sự lãng-phí. Mỗi năm ta phải đổi cái quan-niệm của ta về sự « thẩm-mĩ », trước cho làm đẹp nay cho làm xấu, nay cho làm xấu mai cho làm đẹp ; ông cha ta ngày xưa không dám xét đến cái nhẽ huyền-bí của sự-vật, nay ta đã thấu suốt được cái nhẽ ấy, nên đến ngày cái khoa-học đã được toàn-thắng cực thịnh rồi, thì tất bây giờ ta phải tự vấn trong bụng rằng cái khoa-học ấy nó là thực hay hư, nó có cho ta biết được cái chân-tướng của sự-vật, hay nó chỉ bầy cho ta những cái ảo-tượng mà thôi ; có phải là ta biết thực hay là ta mơ mộng ! Đó là cái đại vấn-đề nó khiến cho các nhà triết-học ngày nay phải chuyên-tâm chú-ý mà xét. Người ta bây giờ cường mạnh quá, vượt qua cả mọi sự giới-hạn, thì xem như quanh mình cái gì cũng tựa hồ xiêu đổ cả, đến cái thế-giới này cũng không chắc thực hay hư nữa !

VI

Nhưng hoặc-giả lại có người hỏi rằng : nếu cái cảnh-huống ấy không có đường giải-thoát thì lưu-tâm chú-ý đến làm gì ? Như người ta có cái tật không thể chữa được thì làm ngơ đi, không muốn biết đến cái tật ấy nữa. Dù vậy tôi

cũng thiết tưởng rằng không phải là mất công mà bầy tỏ cái cảnh-huống kỳ lạ ấy ra, thực là trong lịch-sử chưa từng có bao giờ ; như trong những nước cũ người cũ ta, ngày nay còn là đại-biểu cái « phẩm-đích-thế-giới », như trong bọn những nhà văn-học, nhà pháp-luật, nhà tôn-giáo, muốn hiểu rõ cái cảnh-huống ấy cũng không phải là một sự vô ích. Trừ ra nghề học thuốc phải có mà chữa khỏi các tật bệnh, trừ những khoa-học có ích cho các công-nghệ, trừ những nghề chơi làm cách tiêu-khiển cho người ta, còn các công việc khác thuộc về trí-thức ngày nay như sai lạc phương-hướng cả. Thử hỏi ngày nay có nhà giáo-sư thành-thực nào, gặp những buổi chán nản ngã lòng, lại không hề tự-vấn trong bụng rằng ở trong một thời-đại chỉ biết lấy cái lòng kiêu-căng, cái lòng tham-dục đem đến cực-điểm, đến bực gần như điên cuồng, mà gọi là sự cường mạnh, trong cái thời-đại như thế mà đem diễn cho người đời những đức-tính của đạo Cơ-đốc, thì còn có bổ-ích gì ? Thử hỏi có nhà lịch-sử khôn khéo nào mà thời hồ lại không có lúc tự nghĩ rằng mình ở trong một thời-đại chỉ biết trông thẳng trước mặt, như cắm đầu mà sô nhầy vào cái tương-lai, hăng như thế, mạnh như thế, thì mình còn cố công kể những việc đời xưa cho người đời nghe làm gì nữa ? Thử hỏi có nhà triết-học nào trông thấy cái thời-thế chỉ biết chăm chút những sự thiết-thực thuộc về đường kinh-tế, lại không có lúc tưởng mình như ở trên một vì hành-tinh nào mới giơi xuống mặt địa-cầu ư ? Lại thử hỏi có nhà mĩ-thuật nào sở nguyện trong bụng không một là lấy kiếm được nhiều tiền, mà cốt là cho đến được một cái tuyệt-phẩm lý-tưởng, lại không từng đến trăm lần rủa thầm cái thời-thế hỗn-độn táp-nham này ư ? Phải, vẫn biết rằng thời-hồ cũng có lúc xem người đời lại có ý hồi cố ; như đột-nhiên thấy nhiều người lưu-tâm chú-ý đến sự cải-lương tôn-giáo, đến cái tương-lai của luân-lý, đến những truyện cũ đời xưa, những vấn-đề về đạo-đức, những vết-tích của các văn-minh cũ đã tàn rồi. Nhưng bất quá là những sự đua vui nhất-thời mà thôi, không đủ khiến cho những nhà mĩ-thuật nhà học-vấn có cái quan-niệm phân-minh rằng mình có một cái công-việc nhất định có ích trong thời buổi bây giờ. Một cái nhẽ vì đấy mà những công việc thuộc về tri-thức ngày nay thiên thành ra những nghề hoặc là kiếm tiền được, hoặc là thuộc về « cục-chế » của nhà-nước, là những công việc ấy ngày nay không thấy cái mục-đích ở mình nữa, phải tìm cái mục-đích ấy ở ngoài, ở sự kiếm tiền kiếm bạc, hay là ở cái ngôi vị trong xã-hội. Trong khi du-lịch, đi qua những nơi đồng-điền vắng vẻ ở hai châu Mĩ, trông thấy ở bên giọc đường hoá xa, hết ngày nọ đến ngày kia, những cây lúa mì cùng cây ca-phê mọc xanh dì cho đến tận tịt mịt giời xanh, trong khi ấy biết mấy mươi lần nhà học sử đời cổ-đại chạnh nghĩ đến những miếng đá hoa nho nhỏ người thợ Hi-lạp ngày xưa chạm khắc chải-chuốt tinh-tế là dường nào, ngày nay thấy bầy trong những nhà cổ-vật-quán ta còn phải nức lòng cảm-phục ! Người Hi-lạp sở-dĩ đến được cái bực tuyệt-phẩm trong mĩ-thuật như thế, chẳng phải là đương vào lúc biết cầm lòng không đi chinh-phục địa-cầu để thu lấy những của cải trên địa-cầu ư ? Mà người đời nay sở-dĩ lấy cái đường hoá-xa mà chiếm-cứ được những khoảng đất tịch mịch mênh mông, chẳng phải là đã đành lòng chịu bỏ những cái tuyệt-phẩm về mĩ-thuật luân-lý của ông cha ta sùng chuộng ngày xưa ư ? Lấy cái tư-tưởng ấy mà xét thì nhà làm sử tựa hồ như hiểu rõ hơn vừa những văn-minh cổ đời xưa, vừa cái thời-đại mới ngày nay. Những văn-minh đời xưa đã đem xa quá cái lòng ham muốn sự tuyệt-phẩm, đến nỗi cái khí-lực mình theo đuổi mãi một cái mục-đích vừa hẹp quá vừa cao quá cũng phải tiêu mòn đi mất, thì những văn-minh ngày nay mê cuồng những sự to, nhanh, nhiều, cái số-mệnh chẳng phải là có ngày sẽ chìm đắm vào một sự giả man mới, thô-bỉ mà tàn-bạo ư ? Muốn cho một dân được sống vui vẻ, làm ăn có lợi, thời phải cho cái *lượng* với cái *phẩm* nó quân-bình nhau, mà sự quân-bình ấy thì nếu những cái tuyệt-phẩm lý-tưởng

về đường mĩ-thuật đạo-đức tôn-giáo có còn đủ thế-lực mà hạn-chế được cái lòng ham muốn của cải, thì sự quân-bình ấy mới có thể có được. Ví những nhà mĩ-thuật, nhà lịch-sử, nhà triết-học, nhà tôn-giáo, nhà văn-học. cùng với bọn thượng-lưu xã-hội hiểu mà cảm biết cái nghĩa-vụ nhớn nhao của mình. trong thời-thế bây giờ là phải cầm giữ trong lòng người những cái đê đã dựng lên để ngữ cái sóng dữ dội quá của sự tiến-bộ ngày nay, ví ai cũng cảm biết như thế, thì biết bao nhiêu những công việc thuộc về trí-thức ngày nay hoặc nhãng bỏ, hoặc khinh rẻ, hoặc biến hẳn thành những nghề nghiệp thường, rồi có ngày hồi-phục lại mà thành những thiên-chức cao-thượng! Mà nếu đã có cái quan-niệm rằng cái nghĩa-vụ ấy trong xã-hội nhớn nhao là nhường nào, thì phàm những công việc thuộc về trí-thức ấy, ngày nay còn đương suy-vi, đến bấy giờ cái thế-lực tất tăng lên biết bao nhiêu! Ta lại thử xét cái vấn-đề về « cổ-điển học-vấn », cái vấn-đề ấy trên tôi đã nói quá, nay tôi lại nói đến nữa, vì trong khi du-lịch Mĩ-châu tôi hằng nghĩ ngợi đến, các ông tất cũng hiểu vì cớ gì; vậy thì cái cổ-điển học-vấn ấy ngày nay có chịu rút lại cho vừa phải những cái hình-thức của mình thuộc về khoa-học, mà hồi-phục lấy cái tính-cách cũ thuộc về mĩ-thuật, về văn-chương, tức là sự học-vấn ấy có biết bồi-dưỡng cho trong trí người ta bao giờ cũng có một cái tuyệt-phẩm lý-tưởng về sự tốt đẹp, có thế thì mới có cái cơ lại thịnh-hành như xưa được. Nhưng ngày nay cũng không có thể giữ lại hẳn cái « cổ-điển chủ-nghĩa » như đời xưa được nữa. Hi-lạp cùng La-mã không thể coi lã cái mô-phạm tối cao, cái mẫu độc-nhất-vô-nhị của sự tốt đẹp nữa. Thời-thế đã thay đổi đi rồi, thế-giới không thể chịu được một cái kỷ-luật về sự « thẩm-mĩ » chật hẹp mà nghiêm ngặt như thế nữa. Nhưng mà Hi-lạp cùng La-mã vẫn phải coi mà vẫn nên coi là một cái mô-phạm cổ nhất, danh-dự nhất trong nhiều cái mô-phạm khác nữa. Những mẫu của Hi-lạp cùng La-mã đã sáng nghĩ ra, cái thế-lực nó trong lịch-sử thế-giới đã to nhớn vô cùng, nó đã từng giúp được bao nhiêu lần, bao nhiêu quốc-dân ra khỏi vòng gia-man, biết lấy sự hạn-chế mà quan-niệm được những điều tuyệt-mĩ, chân-lý, công-nghĩa; bởi thế cái nghĩa-vụ ta ngày nay là phải gìn giữ cho những cái mẫu ấy nó khỏi mòn mỏi mất ở trong trí ta, để khi nào có cần đến nó, nó còn giúp cho ta được việc nữa. Mà muốn giữ cho nó sống bền thì phải đặt ra những trường học dạy cho người ta biết hiểu nó, biết cảm nó. Vì rằng không có cái lý-tưởng nào là tuyệt-đích, là vĩnh-viễn, là tất-yếu cả; cái nào cũng do một sự hạn-chế người ta tự đặt ra, mà bởi thế chỉ có được nhất thời; nó cũng tựa hồ như những cái tia sáng nhỏ, tự cái ánh sáng nhớn vô cùng nó bao bọc ta mà bắn ra vậy. Nếu người ta không biết cố giữ lấy nó thì nó được một chốc nó lại qua đi.... Ngày nay ta cần trọng mà sưu-tập lấy những vết tích đời xưa, nhưng ngày xưa có lắm đời phá tượng đốt sách; cái sự phá-hoại ấy ngày nay cũng có thể tái-hành lại được, tuy không đến nỗi dữ bằng đời xưa mà thôi. Đến ngày thế-giới không còn biết cảm cái đẹp của những tượng Hi-lạp nữa, thì chất đầy những tượng Hi-lạp vào các nhà Cổ-vật-quán mà làm gì? Đến ngày chỉ trừ mấy nhà chuyên-môn còn không ai đọc đến sách cổ nữa thì in lại những sách cổ cho thật kỹ lưỡng đẹp đẽ mà làm gì? Chính là bởi ngày nay ở đất Mĩ-châu to nhớn, cái thần lửa lại sắp làm thần chúa-tể của loài người ta như về đời thượng-cổ mới có lịch-sử, chính là bởi thế mà vì cái phép quân-bình thì ở Âu-châu cùng ở Mĩ-châu tất phải có một bọn ít người cao-thượng kính trọng mà thờ những vị thần văn-nghệ, khiến cho trong cái đám xôn xao những tiếng máy móc om sòm cả thế-giới còn có một bọn người ấy biết cảm thú cái tiếng đàn êm-ái trong câu thơ ông VIRGILE.

PH. Q *dịch.*

Trang

KHOA-HỌC BÌNH-LUẬN

TÀU NGẦM TÀU LẶN

Cuộc chiến-tranh bên Âu-châu ngày nay thực đã phát-hiện ra nhiều sự mới lạ. Cái mới lạ hơn nhất là sự dùng tàu ngầm cùng tàu bay vậy. Cái lối đào hầm-hố để tương-trì nhau, dùng trọng-pháo để phá thành-quách, tuy ngày xưa không có ghê-gớm dữ-dội như bây giờ, nhưng các trận đời trước cũng đã từng biết. Duy có tàu ngầm với tàu bay là mới xuất-hiện ra nơi chiến-trường ở trên cạn cùng ở dưới nước lần này là lần thứ nhất. Hai thứ máy mới ấy thực là cái đặc-sắc của trận này. Các nhà làm sử đời sau muốn lấy cái khí-giới mà phân-biệt trận này với các trận trước, tất gọi trận này là « trận thứ nhất của tàu ngầm cùng tàu bay » vậy. Lần này ta hãy bàn riêng về cái máy lội dưới bể, lần sau ta sẽ nói đến cái máy bay trên không. Vả cuộc chiến-tranh hiện bây giờ đương vào cái thời-kỳ dùng tàu ngầm rất dữ. Nước Đức từ đầu năm nay lập mưu đánh lừa các nước đồng-minh cùng các nước trung-lập, ngỏ nhời điều-đình về việc giảng-hòa, lại dọa rằng từ nay sẽ đánh toàn bằng tàu ngầm, bất cứ thương-thuyền hay chiến-thuyền, của địch-quốc hay của trung-lập, hễ gặp trên mặt bể thời đánh đắm không tha. Nhời nói ngông thay ! Nhưng xem thế thì biết rằng lúc này thực là buổi thịnh-thời của tàu ngầm vậy. Bởi vậy chúng tôi lược-dịch trong các sách tây để tóm nhặt lấy những điều yếu-cần về cái lịch-sử, sự chế-tạo, cái nhiệm-vụ, sự hiệu-lực của các thứ tàu ngầm tàu lặn, cho người nước ta biết đại-khái cái tính-cách của một giống cá bể mới, cá phun lửa phun chết, nuốt hàng nghìn con người, nghìn triệu bạc, thực là giống cá riêng của cái đời « siêu văn-minh » này vậy. (1)

I

Xưa nay người ta vẫn hay ham-mê những cái mình không có, muốn chiếm-đoạt lấy những cái năng-lực mà tạo-vật không cho mình : như muốn bay lên trên không như con chim, lội xuống dưới nước như con cá. Bởi cái lòng ham-mê những sự không biết ấy mới sinh ra tìm-tòi cái cách để vượt không bằng tàu bay, vượt bể bằng tàu ngầm vậy.

Có một điều lạ nên nhận, là hai cái nghề bay nghề lội ấy thực là đồng thời với nhau. Cái tàu ngầm xuất-hiện ra trước nhất là cái tàu ngầm của người nước Mĩ tên là Bushnell, chế năm 1775. Quả khinh-khí-cầu thả lên cao trước nhất là quả khinh-khí-cầu của người Pháp tên là Pilâtre de Rozier cùng hầu-tước d'Arlandes năm 1784. Hai việc thực là cách nhau không mấy tí.

Được mười-lăm hai-mươi năm nay, tàu ngầm mới đem ứng-dụng ra thực-tế ; cũng vào khoảng bấy giờ thì cái lối « tự-do khinh-khí-cầu » mới thực là bắt đầu có hiệu-lực. Xem như thế thì biết hai nghề thực là đi ngang nhau vậy.

---

(1) Trong bài này chúng tôi thường lược theo sách : *Sous-marins et submersibles* (Tàu ngầm và tàu lặn) của ông LAUBEUF (Paris, 1915). Ông nguyên làm chức kỹ-sư trong thủy-quân nước Pháp. Chính ông đã nghĩ chế ra cái lối tàu ngầm bây giờ. Các nước, nhất là nước Đức, đều bắt chước mà theo kiểu của ông cả. Mấy cái hình trong bài này cũng vẽ theo trong sách ấy.

Nay ta hãy kể qua lịch-sử nghề tầu ngầm, xem từ xưa đến nay đã tiến-bộ ra làm sao.

Cứ trong sách chép thì về thế-kỷ thứ 17 (năm 1624) đã có một người nước Hà-lan tên là VAN DREBBEL chế ra một cái tầu đi ngầm dưới nước. Sách nói cả rằng tầu ấy có chạy dưới sông *Tamise*, mà vua nước Anh JACQUES thứ II có xuống tầu ấy đi thử. Cái đó vị tất đã là thực. Sau còn nhiều người nữa nghĩ ra những kiểu tầu đi ngầm, nhưng không được mấy cái thành. Năm 1774 người nước Anh tên là DAY đi thử một chiếc tầu ngầm bị chìm dưới bể, ở PLYMOUTH. Đó là người đứng đầu tên trong cái sổ những người bị hại về nghề tầu ngầm vậy.

Nhưng cứ thực thì tị-tổ nghề tầu ngầm là người Mĩ BUSHNELL. Hồi trận Độc-lập nước Mĩ, ông BUSHNELL chế ra năm 1775 một cái tầu ngầm đặt tên là tầu *Con rùa*.

Cái tầu ngầm ấy có một chân-vịt ở đằng trước, một bánh-lái ở đằng sau, hai chỗ chứa nước ở trong đựng đầy nước, để cho cái sức chuyển nước [1] với cái sức nặng của tầu ngang nhau thì tầu mới chìm xuống dưới nước được. Có một cái ống-thụt để khi nào muốn nổi lên mặt nước thì thụt nước trong hai chỗ chứa ấy ra. Lại có một cái chân-vịt thứ nhì nữa, trụ thẳng để chuyển cho cái tầu chìm xuống dưới nước. Hai cái chân-vịt cùng bằng tay người vận-động cả. Cái tầu ngầm ấy không phải là một cái máy làm thử đâu ; chế ra là để chủ dùng về việc binh vậy. Muốn vào đánh chiếc chiến-thuyền nào thì người thủy-thủ ngồi trong tầu phải đưa tầu xuống dưới cái chiến-thuyền ấy, rồi đâm một cái khoan vào trong vỏ chiến-thuyền ; ở cái khoan ấy có buộc một cái giây deo một hòm thuốc dạn, có cái máy như máy đồng-hồ, vặn ra thời trong năm phút truyền lửa vào thuốc dạn, bắn vào trong chiến-thuyền mà nổ tan ra vậy. — Ấy đại-khái cái tầu ngầm thứ nhất của ông BUSHNELL như thế. Cái tầu ấy nhỏ lắm, hình hơi như hình quả trứng, chỉ đủ chỗ cho một người ngồi thôi, nhưng trong có đủ cả các cơ-quan cần-dùng : máy chuyển-động, máy thăng-bằng, máy chìm, lại thêm cái thủy-lôi nữa, tuy còn đơn-sơ lắm, nhưng cũng có thể gọi là một cái thủy-lôi được. Tầu *Con rùa* của ông BUSHNELL ấy chế ra giữa lúc trận Độc-lập nước Mĩ. Người Mĩ muốn thử dùng để đánh những chiến-thuyền của nước Anh, nhưng thí-nghiệm mấy lần không có công-hiệu gì bèn bỏ.

Sau ông BUSHNELL, lại có một người Mĩ nữa tên là FULTON cũng chế ra một cái tầu ngầm đặt hiệu là *Nautilus*. Ông FULTON chính là người nghĩ ra trước nhất cái tầu chạy bằng hơi nước. Hai lần ông sang hiến công cho nước Pháp để chế tầu ngầm, nhưng không đắc-dụng. Năm 1804 ông sang nước Anh, nước Anh cũng không muốn dùng tầu ngầm của ông, nhưng thưởng cho ông 37 vạn 5 nghìn phật-lăng. Từ bấy giờ không thấy ông làm tầu ngầm nữa. Xem thế thì biết nước Anh cho ông cái thưởng to như thế cũng là để ông đừng chế cái lối máy mới ấy mà đem bán cho nước khác thì có thể hại đến thủy-quân của mình vậy.

Năm 1851 có người Đức tên là BAUER chế thử một cái tầu ngầm đặt hiệu là *Brandtaucher*. Thí-nghiệm nhiều lần không được thành-hiệu lắm, sang hiến công cho nước Anh nước Nga cũng không đắt, đến năm 1875 nghèo khổ mà chết. Ông BAUER có nói mấy câu về tầu ngầm đối với những chiến-hạm nhỡn, thực là tiên-tri cái hiệu-lực của tầu ngầm trong thế-kỷ ta vậy. Nói rằng : « Những chiến-hạm

---

1 Tầu đặt xuống nước thì đầy nước đi mà đứng, một phần nước phải chuyển đi để lấy chỗ cho tầu. Thế gọi là cái « sức chuyển nước » của tầu.

nhớn cùng những thiết-hạm các hạng, muốn cải-lương thế nào trong cách chế-tạo, rồi từ nay giở đi cũng là phải mỗi ngày một bỏ dần đi mà thôi. Cái tầu ngầm nhỏ với cái thiết-hạm nhớn đánh nhau, cái thiết-hạm tất phải thua, thế-kỷ sau này sẽ thấy kết-cục sự cạnh-tranh hai lối tầu ấy... Các lối thiết-hạm cùng các lối tầu nhớn ngày nay cũng tức như là cái xe đám-ma để đem chôn những thủy-quân già-cỗi vậy.» — Nói thế thì cũng là quá đáng, nhưng thực là biết trước mà khéo đoán trong thế-kỷ này cái lối tầu ngầm sẽ thịnh-hành hơn các lối tầu khác. Sự chiến-tranh thực đã minh-chứng điều ấy vậy.

Năm 1860-1863, người Pháp tên là Bourgois (bấy giờ làm thủy-quân đại-úy, sau làm đến thủy-quân đại-tướng), cùng với một nhà kỹ-sư tên là Brun chế ra một cái tầu ngầm đặt hiệu là *Le Plongeur* (Anh lặn). Mấy cái lối tầu ngầm nghĩ chế ra từ xưa đến nay đều bé cả. Tầu *Le Plongeur* chế thật to, trường 42 thước rưỡi, khoát 6 thước, sức chuyển nước 453 tấn. Nhưng vì to quá không được vững, khi chìm khi nổi không được đúng mực; đến năm 1865 thì bỏ không thí-nghiệm nữa.

Hồi trận Nam-Bắc chiến-tranh ở nước Mĩ, có nhiều người Mĩ nghĩ ra mấy lối tầu ngầm để dùng về việc binh. Nhưng chưa được cái nào là trúng cách cả. Có một cái tầu ngầm hiệu *David* của quân phương Nam đánh đắm được một cái chiến thuyền của quân phương Bắc, nhưng chính mình cũng bị đắm theo. Đó là cái chiến-công thứ nhất của tầu ngầm vậy.

Sau đấy còn có một người Nga tên là Drzewiecki chế một lối tầu ngầm nữa chạy bằng điện. Nghề tầu ngầm bắt đầu dùng điện là tự đấy. Thử mấy lần được cả, chính-phủ nước Nga bèn thuê ông Drzewiecki làm 52 chiếc cho nhà-nước. Tuy vậy cái lối tầu ấy còn nhỏ lắm (có 6 thước trường mà thôi), dùng thử thì được, nhưng dùng về việc quân thì e còn sớm quá.

Một người Pháp tên là Goubet bắt trước cái kiểu của nhà chế-tạo Nga mà chế ra một cái tầu ngầm đặt hiệu là tên mình (tầu *Goubet*). Bộ Thủy-quân nước Pháp bắt thử mấy lần không được trúng cách lắm, đến năm 1891 không ưng nhận.

Từ năm 1881 đến năm 1887, một người Thụy-điển tên là Nordenfelt, lại chế ra một lối tầu ngầm nữa, thí-nghiệm mấy lần được cả, lừng-lẫy cả thế-giới. Nhưng xét ra cái lối ấy cũng còn khiếm-khuyết nhiều, như tầu đi ngầm dưới nước chưa được vững-vàng, khi chìm khi nổi không có điều-độ, trong tầu nóng lắm người không ở lâu được.

Sau đấy còn hai nhà chế-tạo tầu ngầm nữa, một người nước Anh tên là Waddington (1885), một người nước Tây-ban-nha tên là Peral. Cái tầu ngầm của người Tây-ban-nha lúc mới chế ra lừng-lẫy cả trong nước. Tầu ấy xem ra cũng khá, nhưng từ đấy không thấy đem ra dùng bao giờ, hồi nước Tây đánh nhau với nước Mĩ cũng không thấy nói đến.

Rồi đến cái tầu ngầm hiệu *Gymnote* của người Pháp tên là Gustave Zédé. Tầu ấy nhỏ : có 20 thước trường, 1 thước 80 khoát. Chế năm 1886, thử năm 1889 ; lội giỏi lắm, đi dọc, đi ngang được cả. Từ đấy cái vấn-đề về sự đi ngầm dưới nước mới giải-quyết được thỏa-đáng vậy. Nhưng cái tầu ấy nhỏ quá. Đến sau chế một cái nhớn hơn, đặt hiệu là *Gustave Zédé* (tên nhà chế-tạo, lúc bấy giờ đã chết), dài 48 thước rưỡi ; thí-nghiệm ra thì lại hỏng không được bằng cái trước.

Bên Mĩ vào khoảng bấy giờ cũng có người tên là Holland chế ra một lối tầu ngầm nhỏ, rồi sau làm mẫu cho nhiều lối tầu mới của nước Mĩ, nước Anh, nước Nga, vân vân.

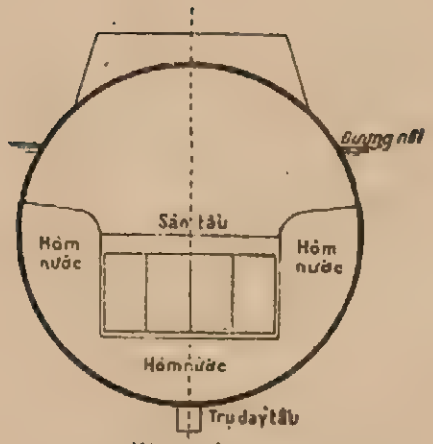

Hình thứ 1

Tầu ngầm lối Mĩ, thả năm 1913

Chẻ ngang hình tròn ; chỉ có một vỏ. — Hòm nước ở trong. — Sức truyền nước : trên mặt 390 tấn, dưới nước 520 tấn. — Sức nổi : 25 phần.

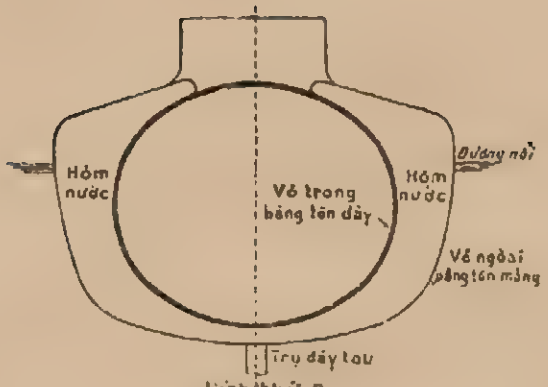

Hình thứ 2.

Tàu lặn kiểu Laubeuf, thả tự năm 1911 đến 1914

Chẻ ngang hình bầu dục — Hai vỏ, một dầy, một mỏng. Sức nổi : 33 phần.

Năm 1896 bộ Thủy-quân nước Pháp có mở một cuộc thi tầu ngầm, để kén chọn lấy cái lối nào là hợp cách hơn. Bấy giờ một nhà kỹ-sư nước Pháp tên là Laubeuf đem ra ứng-thí một cái tầu ngầm đặt hiệu là *Narval*, chế theo một lối mới gọi là lối « tầu lặn » [1], trường 34 thước, khoát 4 thước, sức chuyển nước trên mặt 120 tấn, dưới nước 200 tấn. Cái tầu ấy hợp cách hơn cả, từ năm 1900 cho sáp-nhập vào thủy-quân nước Pháp. Nhiều lối tầu lặn của các nước về sau này cũng bắt chước lối ấy cả.

Từ bấy giờ nước Pháp trước nhất bắt đầu tổ-chức một hạm-đội tầu ngầm. Từ năm 1900 giở lên là cái thời-kỳ thuộc về lịch-sử, từ năm 1900 giở xuống là thời-kỳ thực-hành vậy.

Xem cái lịch-sử nghề tầu ngầm như trên kia thì biết phàm sự chế-tạo mới không phải là một mai mà thành được, phải kể hàng chục năm, hàng thế-kỷ vậy, mà những nhà chế-tạo không những là khổ về những sự khó-khăn trong cái nghề mới của mình, lại khổ vì người đương thời thường không hiểu mình, mà ít khi được người tán-trợ cho mình. Bởi thế mà nhiều nhà đến nửa chừng phải bỏ. Phải có cái nghị-lực, cái kiên-nhẫn rất mạnh mới theo đuổi cho cùng được. Sự tiến-bộ trong thế-giới bất quá cũng là gồm cái nghị-lực, cái kiên-nhẫn của những người đi tiên-phong trong các nghề, những người khai đường mở lối vậy.

II

Cái vấn-đề đem dùng tầu ngầm về việc binh mới thiết ra từ khi phát-minh được cái « tự-động ngư-lôi » (*torpille automobile*) vậy. Vào khoảng năm 1880, các nước Âu-châu chế ra được một cái khí-giới mới gọi là cái « tự-động ngư-lôi », cái khí-giới ấy cực mạnh, vì nó có thể đàm thủng một cái chiến-hạm mà đem thuốc-đạn vào nổ ngay trong ruột tầu, khiến cho tầu mạnh đến thế nào, thiết-giáp dầy đến bao nhiêu, cũng phải đến đắm vậy. Nhưng mà cái cự-li-độ của cái khí-giới ấy ngắn lắm. Muốn dùng nó cho có công-hiệu thì phải đến gần cái mục-đích, cách độ vài trăm thước mới được ; đứng xa thì cái thủy-lôi không bắn tới nó, hoặc tới mà cái sức nó kém đi vậy. Bởi thế mới bắt đầu chế ra một thứ tầu nhẹ, chạy rất nhanh, gọi là ngư-lôi-đĩnh (*torpilleur*), để dùng băn đêm cho khỏi bị trông thấy, khiến cho đến gần được cái chiến-hạm mình muốn đánh, ném ngư-lôi vào, rồi chạy đi thật nhanh. Nhưng cái lối tầu ấy cũng chưa được tiện, vì chỉ dùng được băn đêm, mà băn đêm nữa cũng không khỏi nguy-hiểm.

---

[1] Tầu ngầm (*sous-marin*) với tầu lặn (*submersible*) thực là hai lối khác nhau. Đại-khái thì cái lối tầu ngầm thuần đi ngầm dưới nước, ít đi trên mặt ; lối tầu lặn thì to hơn, muốn đi trên mặt, đi dưới nước cũng dễ cả. Nhưng hai lối còn khác nhau ở cái cách chế, cái sức nổi, cái hình giạng. Cách chế thì ở tầu ngầm cái « hòm đựng nước » (*Water ballasts*) đặt ở trong vỏ, ở tầu lặn thì « hòm đựng nước » to hơn mà đặt ở ngoài vỏ. Bởi thế tầu lặn phải có hai vỏ ; một vỏ trong phải chịu áp-lực của nước thì dầy ; một vỏ ngoài chịu áp-lực ít thì mỏng. Sức nổi thì tầu lặn mạnh hơn tầu ngầm. Tầu thường thì cái sức nổi bằng nửa (50 phần) cái thể-tích cả tầu. Tầu ngầm thì chỉ được 12 hay 13 phần mà thôi, mà tầu lặn thì được đến hơn 40 phần. Bởi thế mà tầu ngầm đi trên mặt nước thấp quá, cũng phải đóng kín mít như đi dưới nước vậy. Tầu lặn thì đi trên mặt nước cao như tầu thường, được nhiều điều tiện hơn. Hình-giạng thì tầu ngầm như hình điếu thuốc lá « si-gà », chúng-chục giữa, thon hai đầu. Tầu lặn thì hình giạng như tầu thường đi trên mặt nước chẳng khác gì hình một cái ngư-lôi-đĩnh (*torpilleur*) vậy. Người ta vẫn thường chê cái lối tầu-lặn không được tiện, là đương đi trên mặt mà truyền ra đi ngầm thì phải đổi cái động-cơ chạy nông (*moteur thermique*) mà dùng cái động-cơ chạy điện (*moteur électrique*), lại phải cho nhiều nước vào giữa hai lần vỏ thì tầu mới mất hết cái sức nổi mà chìm xuống được : làm bấy nhiêu việc thì phải mất nhiều thì giờ, trong lúc ấy thì cái tầu nguy mất. Trước kia thì có cái bất-tiện ấy thực. Như cái tầu lặn kiểu *Narval* mới chế ra phải đến nửa giờ đồng-hồ mới chìm được. Nhưng ngày nay đã tiến-bộ lắm rồi ; tầu lặn kiểu *Pluviôse* của nước Pháp mới chế năm 1905, đương nổi mà truyền ra chìm không đầy 5 phút đồng-hồ, chẳng kém gì tầu ngầm vậy.

vì có đèn chiếu soi thấy thì bị bắn mất. Vậy phải chế ra một thứ tầu khác có thể dùng ban ngày được, lặn xuống dưới cái chiến-hạm mà ném ngư-lôi ngay vào sườn thì mạnh hơn và công-hiệu hơn biết bao nhiêu. Tất phải dùng đến cái lối tầu-ngầm, vì chỉ có cái tầu ngầm là mới hợp cách, mới lợi-dụng cái « tự-động ngư-lôi » đến hết sức, đến cực-điểm được.

Lại giữa vào khoảng lúc bấy giờ cũng mới xuất-hiện ra cái lối máy chứa điện, có thể trữ cái sức điện cho bao giờ dùng cũng được, mà dùng trong một nơi kín không phát nóng, phát hơi độc gì cả. Nhờ có cái động-cơ chạy bằng điện của nhà chế-tạo Gramme, thì cái sức điện ấy biến được ra sức vận-động quanh một cái trụ, trên cái trụ ấy cho quay một cái chân vịt ; thế là cái vấn-đề đã tiệm quyết được vậy. Đã có cái động-lực đủ truyền-vận được một cái tầu thì chỉ còn phải nghĩ cách làm cho nó chìm xuống mà đi ngầm dưới nước được. Trong mười năm, từ năm 1886, các nhà chế-tạo tìm-tòi, nghiên-cứu mãi, đến cái tầu-ngầm hiệu *Gustave Zédé* mới gọi là tiềm-tiệm được.

Đem một cái tầu vỏ bọc kín mít cả mà bỏ chìm xuống dưới nước thì tưởng cũng không lấy gì làm khó lắm, chỉ phải ngăn ở trong tầu lấy những khu riêng để chứa nước, khác nào như những hòm đựng nước có ống thông với ngoài, rồi mở cho nước chảy vào đầy các hòm thì tầu đủ nặng mà chìm xuống vậy. Lúc nào muốn nổi lên mặt, hoặc muốn đứng lửng chừng thì có một cái ống thụt vặn bằng tay người thụt nước trong hòm ra thì tầu đủ nhẹ mà bồng lên. Truyền-vận cái tầu thì đã có cái động-cơ chạy bằng điện; lại còn phải khiến cho cái tầu lúc đi dưới nước cao thấp cho vừa độ, không nghiêng-ngửa mà được thẳng-bằng. Các nhà chế-tạo nghĩ mãi, sau mới chế ra một thứ như cái vây cá động đậy được, đính vào hai bên sườn tầu, tức là những cái bánh lái, nhưng bánh-lái đặt ngang, khiến cái tầu đi ngầm cũng như cái bánh-lái đặt giọc khiến cái tầu đi nổi vậy. Nguyên cái lối vây cá ấy, trước đã dùng cho cái « tự-động ngư-lôi », vì cái « tự-động ngư-lôi » cũng tức là một thứ tầu-ngầm nhỏ đi không có người vậy. Nhưng đem cái lối ấy ra mà ứng-dụng vào cái tầu-ngầm thực to hơn nhiều, thì cũng khó-khăn lắm. Phải chế đến mấy đôi bánh lái như thế — thường thì ba đôi, hai đôi hai đầu, một đôi ở giữa — thì mới đủ khiến cho cái tầu đi dưới nước cao thấp vừa độ mà không nghiêng chúi về một đầu nào.

Cái võ-trang của tầu ngầm là cái « tự-động ngư-lôi » vậy. Vì tầu ngầm chế ra mà dùng về việc binh cũng chỉ cốt là để lợi-dụng cái khí-giới mạnh ấy. Phóng cái ngư-lôi ấy ra thì hoặc bằng một cái ống đặt tự trong tầu, trong ống có không-khí ép, lúc mở ra thì không-khí rãn ra mà bắn mạnh cái ngư-lôi ra ngoài, hoặc bằng những máy có « lò-so » đặt ở ngoài vỏ tầu.

Nhưng cái tầu ngầm kín mít cả mà đi dưới nước thì biết đường nào mà đi ? Vậy muốn cho trông được ngoài mà ngoài không trông được mình, bèn đặt một cái ống thông tự trong tầu ra ngoài vỏ mà cao lên trên mặt nước, trong ống ấy sếp những kính ba góc thế nào cho phản-chiếu được cái hình-tượng ở ngoài vào trong tầu ; cái ống kính ấy gọi là « châu-thị-kính » (*périscope*, cái kính chiếu quanh). Cái ống ấy tức là cái mắt của tầu ngầm vậy. Nếu bị bắn vỡ thì cai tầu thành như người mù, không biết đường nào mà đi nữa, thật là nguy-hiểm to. Nên các chiến-hạm đi bể thường phải nhìn kỹ trên mặt nước, hễ thấy cái ống kính ấy thập thò lên thì cố bắn cho vỡ. Những cái ống-kính trên mặt bể thì khác nào như cái kim trong chậu nước, mà cái kim nó cứ động đậy luôn, không dừng im một chỗ ; súng nào mà bắn cho trúng, bắn cho vỡ được. Nên đánh mù được cái tầu ngầm cũng không phải là một việc dễ vậy !

Đại-khái cái tầu ngầm như thế là thành thân vậy. Nếu chưa đủ dùng để đánh thế công, cũng đủ dùng để giữ thế thủ được. Nhưng còn phải một điều chưa tiện, là những cái máy chứa điện ở trong tầu làm bằng những mảnh chì đầm trong nước lưu-toan (*acide sulfurique*), thời nặng quá. Cái lối máy ấy thì thực là tiện để trử điện cho được nhiều mà có thể dùng được ngay. Nhưng mà cùng bấy nhiêu điện mà cái trọng-lượng của nó lại to quá. Như trong tầu ngầm hiệu *Gustave Zédé* có một bộ máy chứa điện thật to, để gần chật khắp cả tầu ; bởi thế mà tầu đi chậm không thể đi luôn được một ngày, đi cực nhanh không thể đi hơn được ba giờ đồng-hồ. Lại khi nào cái điện chứa trong máy dùng hết thì phải đến gần nhà máy nào mà lấy điện mới vào : bởi thế tầu ngầm không thể đi xa các cửa bể căn-cứ được.

Vậy muốn cho tầu ngầm dùng về thế công được, tất phải tăng thêm cái độ đường nó lên, khiến cho có thể đi xa ra ngoài bể mà bắt gặp được những chiến-thuyền mình muốn hại. Ông Laubeuf ở nước Pháp, ông Holland ở nước Mĩ, hai người cùng một lúc bèn nghĩ ra đặt thêm vào cái trụ chân-vịt, ngoài cái động-cơ chạy điện để đi ngầm dưới nước, một cái động-cơ chạy nóng nữa để đi nổi trên mặt. Ông Laubeuf thì dùng một cái máy hơi nước có nồi nước đốt bằng dầu-hỏa ; ông Holland thì dùng cái động-cơ chạy bằng tinh-dầu (*gazoline*), nhẹ hơn nhưng không được cần-chắc bằng, vì cái tinh-dầu hay có bốc hơi cháy lên mà sinh hỏa-hoạn được. Nhưng hai đằng đều là tiện-lợi cả, mà tăng thêm cái trường-hợp của tầu ngầm ra được nhiều lắm ; vì từ nay có thể đem vào trong tầu đủ đồ « nhiên-liệu » (là đồ dùng để đốt, như dầu hỏa, tinh dầu, v.v.) để đi bể luôn trong mấy ngày được. Mà từ nay cái tầu ngầm được quyền độc-lập tự-trị, không phải tùy thuộc vào cửa bể hoặc nhà máy nào, vì cái động-cơ chạy điện có thể dùng làm « máy sinh điện » (*générateur*), nhờ cái động-cơ chạy nóng mà truyền sang cái máy chứa để thay cái điện cũ đã dùng hết. Cái bộ máy chứa cũng có thể giảm đi được, không hại gì, cho nó bớt nặng, vì trong tầu đã có cách thay điện lấy được, thì chỉ nên chứa cho đủ dùng mà thôi. Phàm những tầu ngầm của nước Pháp cùng các nước khác chế tự bấy giờ đều theo một phép ấy cả.

Sự tiến-bộ ấy đã là to, nhưng xét trong cách sáng-nghĩ cái lối tầu ngầm của ông Laubeuf còn có một cái ưu-điểm nữa. Phàm tầu ngầm dùng thế công trong một cái trường-hợp to rộng phải có thể đi bể được lâu mà gồm đủ tư-cách như những tầu đi trên mặt nước cùng to bằng thế ; lại phải có thể người ở được, khiến cho thuyền-viên lợi-dụng được cái trường-hợp của mình cho đến kỳ cùng vậy. Những tầu ngầm chế ra lúc mới đầu, khi đi trên mặt nước, cái sức nổi nó kém lắm, không được đến hơn 5 phân (1 trăm phần 5 phần) cái thể-tích cả tầu. Ông Laubeuf bèn tăng thêm được lên đến 30 phân, khiến cho cái thân tầu nổi cao lên trên mặt nước, đi bể được thêm tiện-lợi hơn nhiều. Ông lại nghĩ ra cái cách đặt hòm chứa nước ra ngoài cái vỏ dầy, khiến cho cái hình tầu ở trong vẫn là hình cái thoi (hay là hình điếu sì-gà), vì cái hình ấy đã nghiệm ra chịu được áp-lực của nước mạnh hơn các hình khác, mà cái hình vỏ ở ngoài thì giống như hình các tầu đi trên mặt nước. Nhân thế mà trong tầu lại được thêm giộng ra, ở dễ chịu hơn. Cái lối ấy là cái lối « tầu lặn » vậy. Cái tên tầu lặn, nay không thường dùng nữa mà gọi chung cả là « tầu ngầm », nhưng cái kiểu tầu lặn thì thực là thông dụng. Nói rút lại thì cái lối « tầu lặn » là chủ một cái mục-đích như thế này : làm lấy một cái kiểu phóng-ngư-lôi vừa gồm đủ tư-cách cái tầu thường đi trên mặt bể,

mà lại vừa có cái năng-lực lặn xuống nước mà đi ngầm được, để vào công-kích mà không bị người ta trông thấy. (Xem nhời chua trên kia về hai lối tầu ngầm, tầu lặn).

Hết thảy những tầu ngầm chế ở nước Pháp từ năm 1904, cùng phần nhiều những tầu ngầm mới chế của các nước khác, đều là thuộc về kiểu tầu lặn cả. Xưa khi mới phát-minh ra cái lối tầu lặn, trong thủy-quân-giới các nước nghị-luận về cái vấn-đề sức-nổi của tầu ngầm nhiều lắm, mỗi người bàn một khác, không giống ý-kiến nhau. Từ bấy đến nay kinh-nghiệm đã sác-chứng rằng tầu ngầm phải có cái sức-nổi mạnh thì mới có thể đem dùng ra công-thế được. Về cái phương-diện ấy thì các lối tầu ngầm thông-dụng ngày nay không khác nhau mấy ti. Đến những cái tư-cách khác cần cho việc binh thì các lối tầu ngầm cũng đại-đồng tiểu-dị như nhau cả : như cái tốc-độ, cái trường-hợp trên mặt bể, cái tốc-độ, cái trường hợp trong khi lặn, đại-để cao thấp giộng hẹp cũng không hơn kém nhau là bao nhiêu. Dần dần, các thủy-quân chưa được bằng lòng, lại còn thi nhau mà muốn tăng-tiến phát-đạt những cái tư-cách ấy lên ; nhưng muốn tăng-tiến phát-đạt một cái nào mà vẫn giữ cái sức truyền nước cũ, thì những cái khác tất phải giảm kém đi, muốn tăng-tiến phát-đạt cả bấy nhiêu cái thì thế-tất phải tăng đến cái khung-khổ mà chế những tầu ngầm mỗi ngày một to lên vậy. Bởi thế như ở nước Pháp thoạt-tiên tầu hiệu *Narval* mới có 150 tấn, năm 1901 tầu *Aigrette* tăng lên 230 tấn, năm 1904 tầu *Circé* 250 tấn, năm 1905 tầu *Pluviôse* 400 tấn, năm 1907 tầu *Archimède* 600 tấn, năm 1911 tầu *Gustave-Zédé* lối mới 800 tấn ; gần đây nghe nói còn có cái đến nghìn tấn cùng hơn một nghìn tấn. Các nước khác đại-để cũng tuần-tự mà tăng-gia như thế. Tầu ngầm cũng không tránh khỏi cái lệ thường của các chiến-hạm cùng thương-thuyền ngày nay, là mỗi ngày phải nhớn thêm mãi lên, không biết đến đâu là cùng vậy. Dâu dầu cũng vậy, hoặc là để tiện dùng về việc binh, hoặc là vì nhẽ khác, các nước đều thi nhau mà phát-đạt các lối tầu bể cho cực hoàn-toàn, nhất là phát-đạt cái sức đi, cái tốc-độ của tầu vậy. Như tầu *Narval* của ông Laubeuf khi xưa đi mỗi giờ trên mặt được 8 hải-lí, dưới nước được 5 hải-lí. Ngày nay các tầu ngầm đi trên mặt được hơn 20, đi dưới nước được ngót 15 hải-lí vậy. Chắc là chế những tầu to mà nhanh như thế thì kinh-phí phải nhiều hơn, nhưng lợi-dụng các khí-giới cũng lại tốt hơn nhiều.

Cái khí-giới ấy vẫn là cái « tự-động ngư-lôi » (*torpille automobile*). Những tầu ngầm nhớn thường có 6, 7 cái, đặt sẵn để lúc nào phóng ra cũng được. Ngư-lôi chế theo cái kiểu tối-tân thì chạy nhanh được 35 đến 40 hải-lí một giờ trong một khoảng từ 700 đến 800 thước (cái khoảng rộng đến mấy nghìn thước thì cái tốc-độ phải kém đi nhiều, mà phải dùng một cách lấy cữ riêng). Hiện nay thì muốn phóng cho trúng chỉ lại gần cái mục-đích là chắc hơn cả, nhưng nếu cái mục-đích ấy là một cái tầu đương chạy, mà chạy nhanh hơn cái tầu ngầm lội dưới nước, thì đến gần được cũng không dễ : lại còn phải nhằm cho kỹ nữa, lượng cho đúng cái tốc-độ của cái tầu mình đuổi cùng cái phương-hướng nó đi ; bấy nhiêu cái mà đứng trong một cái tầu ngầm trông qua cái ống kính thì cũng khó lắm vậy. Ném một cái ngư-lôi cho có công-hiệu phải cho khéo tay, phải có may rủi mới được. Xưa nay biết bao nhiêu là ngư-lôi ném hỏng !

Nước Đức muốn dùng tầu ngầm để công-kích các thương-thuyền cho dễ, bèn đặt súng đại-bác vào những cái tầu ngầm mới chế. Tầu ngầm vốn không phải là để dùng đến đại-bác, mà thấy đại-bác đột-nhiên xuất-hiện ra ở tầu ngầm như thế, thì thực là một cái hình-trạng mới của cuộc hải-chiến đương bây giờ vậy.

Các thủy-quân thấy thế lấy làm lạ lắm, đồ cho rằng người Đức dùng đại-bác thế là có ý để cho tầu ngầm lại chống-cự với tầu ngầm được. Nước Anh cũng đã bắt chước làm. Hiện nay những tầu ngầm mới chế của Đức có mang một khẩu đại-bác 76 li, lúc nổi thì dương ra, lúc lặn thì thu vào trong vỏ, cùng hai khẩu 37 li để thò ra ngoài. Những súng ấy cũng là những súng nhỏ cả, cái khẩu-kính nó vừa nhỏ, cái số nó vừa ít, không đủ giao-chiến với những tầu phóng ngư-lôi võ-trang tốt hơn, nhưng mà đủ hại những tầu buôn không có cách phòng-bị; nước Đức được thế cũng là mãn-nguyện vậy.

PHẠM QUỲNH.

(Còn nữa kỳ sau).

VĂN-UYỂN

NGỌN GIÓ HỒ-GƯƠM

Ngọn gió Hồ-Gươm có mát chăng, mà chiều nào cũng thấy những khách thừa-lương, lại lại qua qua trên cầu Thê-húc? Kia trên mành trăng thanh, dưới hồ nước đứng, ở giữa cái phiến-hoa-đồ-thị, ngăn hẳn ra một miếng đất thanh-nhàn, khiến cho người sau khi đổ mồ-hôi xót mát, có chỗ mà dạo chơi hóng mát, nghe tiếng chuông bát-nhã, câu kệ từ-bi, thế thì gió Hồ-gươm mát thật!

Mát về cái gì? Mát vì lúc hạ-thiên nóng-nực: mát vì đám rừng người xôn-xao. Vừa mới đó: ở giữa vầng thái-dương hun-đốt, cảnh trần-hiêu, khách xe-ngựa, đua chen nhau trong trường cạnh-tranh-kịch-liệt, cũng đủ làm cho say người. Huống chi là ngoài đường réo giắt những tiếng thết khách, giọng chào người, chị buôn thập-cẩm, chú bán hàng dong, cãi lẫy nhau điều nọ tiếng kia, khiến cho người ta phải long tai mà nhức óc.

May đâu có ngọn gió này, mượn cái không-khí tự-nhiên của hóa-công, mà tám gội cho những người trần-tục, vừa thanh-tao, vừa êm ái, vừa điều-hòa mà mát-mẻ. Khen cho thợ trời cũng lạ thiệt! tô-điểm đủ cả ngũ-quan thập-sắc, mà rút lại thì phải lấy không-khí mà nuôi người.

Ai chẳng biết: trên ngọn non xanh, giữa dòng nước biếc, tiếng reo không-cốc, lá cuốn trường-giang, nêu ở trong cái cảnh-tượng ấy mà ngửa nghiêng trời đất, ngâm nghĩa non sông, thì mới tỏ được cái cảnh-trí thanh-cao, cái thần-tình khoáng-đãng. Nhưng mà non xanh nước biếc, tạo-vật mấy dễ cho người. Thà sẵn đây, trong thành-thị mà hồ-sơn, bồn bể các tía lầu xanh, đèn dáng như sao, xe bay như chớp, mà lại có một cụm nhàn-hoa cổ-thụ, còn in nét mực cựu thời. Gió đâu thập thoáng bên mình, tựa phong-cảnh mới ngâm đình-đài xưa! Thế mới biết lòng hóa-công không hẹp, cái cảnh-thú thanh-phong-minh-nguyệt của kho vô-tận đãi khắp mọi người, không nơi nào là chẳng có, ngăn từng đón gió, ấy là tại người đời.

Người hóng mát trên đình Văn-Xương này biết bao nhiêu là người, người biết bao nhiêu thửa, trước ta, ta không thấy, sau ta, ta không thể đợi, ta cũng chưa biết được ngọn gió thái-cổ và ngọn gió tương-lai ra thế nào, ta chỉ biết rằng trăng thanh nước lặng, ta hãy chơi trăng đạo nước, mà chào mừng cái ngọn gió hiện-thời.

Trong trời đất cũng nhiều hạng gió : ngọn gió cuồng thì cây rung lá cuốn, ngọn gió bấc thì cỏ lạnh hoa tàn. Êm đềm thay ! ngọt ngào thay ! cái ngọn gió này, trong khi chim hót, thuyền ngâm, sen đưa, sóng dợn, cũng đủ khiến cho người nóng nẩy thì mát mẻ tâm lòng, người ngơ ngẩn thì tỉnh tươi giấc mộng. Có kẻ bảo rằng : gió Hồ-Gươm mát là mát vì ngọn gió « Nam-phong » !

NGUYỄN-BÁ-TRÁC

BÀI KÝ NGÀY KỶ-NIỆM QUAN TOÀN-QUYỀN SARRAUT ĐẾN HÀ-NỘI.

Ngày 20 tháng giêng năm Đinh-tị là năm thứ ba mươi tư nhà nước Đại-Pháp sang bảo-hộ nước Nam mà năm thứ ba trận đánh long giời lở đất bên Âu-châu, ở la-ga Hàng-cỏ Hà-nội, mắt chói những cờ tam- sắc, tai điếc những pháo liên-thanh. Kèn thổi giọng quân-ca, súng bồng hàng chữ nhất. Tiếng chào mừng giậy đất, bóng xe ngựa rợp giời. Tầu hoả Hải-phòng lên, Đồng-đăng xuống, Vân-nam về, kẻ quan, người lính, kẻ thân, người hào, kẻ đi học, người đi buôn, kẻ làm ruộng, người làm thợ, đi như nước chảy, đông như đám hội, già từ chín-mươi tuổi sáp xuống, trẻ từ bốn-năm tuổi sáp lên, sang từ những bậc đi ô-tô nhà, hèn từ những hạng gánh hàng-dong bán, vòng trong vòng ngoài, trông bộ ai cũng hết lòng mừng-rỡ, hết lòng cung kính, hết lòng sốt-sáng mà tiếp rước một người. Người ấy là ai? Là người đại-chính-trị-gia, đại-văn-học-gia, đại-hùng-biện-gia, cầm cân nảy mực cho xứ ta, là quan ALBERT SARRAUT, nguyên học-bộ-thượng-thư bên chính-phủ Pháp, nghị-viên bên hạ-nghị-viện Pháp, thái-úy trong trận đánh long giời lở đất bên Âu-châu, ngày trước đã một lần làm Toàn-quyền Đông-dương, chỉ đường tiến-bộ cho ta, mà lần này sẽ giắt ta đi cho đến tới đó. Tôi may mà được dự vào cuộc ra đón ngài, tôi chúc ngài, tôi mừng ngài ; chúc ngài, mừng ngài đã hẳn rồi, mà tôi lại có một bụng riêng chúc xứ ta, mừng xứ ta hơn là chúc ngài, mừng ngài nữa.

Xứ ta là xứ bán-khai, học thì ba quyển sách Tầu, nghe những tên triết-học khoa-học như truyện chiêm-bao ; thợ thì ba món đồ cùn, coi những sở máy sợi máy tơ như trò quỉ-thuật ; đi buôn thì mua đầu chợ bán cuối chợ, biết xuất-cảng nhập-cảng là cái gì ; làm ruộng thì trúng nhờ giời thất nhờ giời, biết cải-lương tiên-chưởng là cái gì. Cổ-ngữ rằng : « Không thấy đô mày làm nên ». Thực thế, không thấy mở mắt cho, thì khác nào đi bể không la-bàn, lênh-đênh chiếc lá giữa dòng, biết đâu là bờ bến ; thế tất phải đến một ngày một lụi, giậy giời lựa-lọc, không thể dung được một giống người ngây-ngô như ta. Vậy mà kiếm thầy phải dễ đâu ! Đương buổi công-lợi chủ-nghĩa thịnh-hành, kẻ thì xướng đế-quốc, người thì bàn tiến-hóa, cá nhớn

nuốt cá bé, đã thành ra công-lệ đời nay. Mày ai có bụng thương người, không thị phú lăng bần, không ỷ nhờn hiếp bé, biết xét kẻ mồ-côi mồ-cút, mà nưng-đỡ cho, gây dựng cho! Bát-ngát năm châu, có chăng là một mẹ nuôi ta, cảnh-tượng mẹ nuôi ta là cây cờ tự-do bình-đẳng đồng-bào Đại-Pháp đây! Muốn coi cái tính-chất của người một nước nào, thì phải xét cái học-thuyết của nước ấy; học-thuyết nước Đại-pháp là duy-tâm mà không phải duy-vật, ái-tha mà không phải ái-kỷ; vì học-thuyết ấy mà nung-đúc ra cái tính cao-thượng, cái bụng nhân-từ, cái tính nghĩa-hiệp: người thay mặt cho lịch-sử nước Đại-pháp là ông Nã-phá-luân, tự xưng là sứ nhà giời đi vãi hoa tự-do; mấy mươi nước Âu-châu, nhờ một tay ông mà nước nào cũng được tự-do, người nào cũng được tự-do: bộ hiến-pháp của ông làm, bây giờ các nước cũng còn mô-phỏng.

Lịch-sử nước nào cao-thượng bằng nước Pháp, nhân-từ bằng nước Pháp, nghĩa-hiệp bằng nước Pháp. Ta còn trẻ thơ, chỉ trông cậy sao cho được thấy nhân-đức; mà may gặp người thấy như thế, thì hạnh-phúc cho ta biết là nhường nào! Tôi viết đến chỗ này mà tôi dừng bút, tôi sảng-sốt, tôi ngẩn-ngơ; nghĩ ta đã có phúc gặp thấy, mà trong ba mươi tư năm giời, ta tiến-bộ sao còn chậm thế? Ờ thôi phải: tôi biết rồi, tôi biết chắc rồi. Thày giỏi cách gì, dạy trẻ cũng phải theo từng bực, ví như tập viết chữ Hán, thì ban đầu phải dạy viết ván, rồi viết tô, rồi viết phỏng, rồi thảo, hành, chiện, lệ, mới được. Khi Đại-pháp mới sang bảo-hộ nước ta, quan Paul Bert xuống xe, thì nhà đại-nghị đã sày, trường cơ-thủy đã lập: phải chăng người mình biết mến thầy ham học, thì dần-dà một ngày một tới, có đâu chậm-lụt đến bây giờ; mà nghiệt, người mình lúc ấy còn mê-mẩn về nghề học vô-dụng, bao nhiêu thông-minh tài-tuấn, chui đầu vào đấy cả, còn lấy ai mà giật-giíu bọn hạ-lưu, thấy nói thấy nghe, đã có ai chịu vào khuôn-phép; coi như học-trò chữ tây hồi trước, cơm cho, áo cho, giấy cho, bút cho, mà phần nhiều người xứ ta, những con nhà giàu sang phải thuê những con nhà hạ tiện đi học thế; khác nào thày mới khai trường, dạy trẻ viết ván, mà trẻ nhất-vị bỏ đi đánh khăng, thì thiên-lôi nào dạy được: đã không chịu học thầy, thành ra chán thầy, nghi thầy, đến nỗi sinh phản-đối cùng thầy, kẻ cần-vương, người cách-mạng, nay điều này mai tiếng kia, làm cho thầy cứ mác lo chỗ ăn chốn ngồi, không thì giờ dư mà khuyên nhủ được. Hỡi ôi! thầy trò hai nước, người Nam với người Pháp, ăn ở cùng nhau chốc gần bốn chục năm, mà trong bọn sĩ-phu, chưa có một người nào dám đến trước mặt các quan bảo-hộ, đem thống-khổ mà tô-cáo với kẻ đỡ đầu mình; chán thầy, nghi thầy như thế, mà nói gì học thầy, mà trông gì tiến-bộ! Gặp thầy thật là có phúc; có phúc mà ta không được hưởng nhờ, là lỗi tại ta, chớ trách thầy sao phải!

Trời sinh người Đại-Pháp, đã để dành cho một công-nghiệp lớn bèn xứ Đông-dương, trời không nỡ lòng đào-thải xứ ta; đã đặt ta lên chốc bụng một bà mẹ nuôi ta, là một nước cao-thượng nhất, nhân-từ nhất, nghĩa-hiệp nhất trong hoàn-cầu; lại run rủi cho có một người thay mặt nước ấy ở xứ Đông-dương, là quan SARRAUT. Ngài sang lần trước, thương lũ trẻ thơ chưa biết mến thầy, tìm phương phủ-úy; nhóm hội-đồng thương-nghị, lập học-đường cao-đẳng, việc phổ-thông giáo-dục, trường hương-sư, trường bách-công, trường học máy, cho đến trường nữ-học, ngài càng chú ý lắm. Phật giảng kệ mà chim còn gõ mõ, tiên chỉ mê mà đá cũng gật đầu; thiên-hạ có một chữ thành, là cảm phục người ta hơn hết. Quả nhiên tự đó, lũ trẻ thơ mới hết nghi thầy, mới khỏi chán thầy, mến thầy bao nhiêu, càng ham học bấy nhiêu. Kẻ lo đồng-bóa, người bàn ỷ-pháp, lại ngập-ngập-hồ sợ thầy bỏ thầy đi, mà ôm chân thầy lại. Lần này ngài sang, nhằm giữa lúc mẹ nuôi ta vì cái chủ-nghĩa cao-thượng, nhân-từ, nghĩa-hiệp của lịch-sử, mà ra đứng tiên-phong trận đánh long giời lở đất bên Âu-châu; lại nhằm giữa lúc ta nhờ thầy vẽ mặt, đã ràng-rạng một đôi câu, trước phần-chấc mà nay cũng quay đầu, trước tao-nhiễu mà nay đều vững bụng, kẻ xuất công, người xuất của, hột muối bỏ bể, gọi là chút tình nghĩa sư sinh. Ngài đứng tòa thượng-thư, ở nơi chiến địa, mắt đã trông thấy máu da vàng của xứ ta, tai đã nghe lọt tiếng tung-hô của xứ ta, trong đám rừng thấy non thịt chết vì chủ-nghĩa cao-thượng, nhân-từ, nghĩa-hiệp của lịch-sử mẹ nuôi ta. Ngài là người cầm cơ-đầu khai-hóa xứ ta, ngài lại phụng cái chủ-nghĩa cao-thượng, nhân-từ, nghĩa-hiệp của lịch-sử mẹ nuôi ta mà sang xứ ta thứ này là hai thứ: thì cái giây thân-ái, ngài đối với xứ ta, xứ ta đối với ngài, sánh lần này với lần trước, càng buộc chặt lại hơn biết là nhường nào! Cho hay cái giây thân-ái ấy tức là cái giây giàng buộc cơ-đồ tiến-bộ của ta. Vậy mà không đáng chúc ư? vậy mà không đáng mừng ư?

Vái cùng trời phù-hộ mẹ nuôi ta, mau-mau giết hết lũ yêu-ma, mà vun lại mầm dân-tộc; vạch trời một tiếng kêu lên rằng: Đại-pháp muôn năm! Quan Toàn-quyền Sarraut muôn năm! Đệ-nhị Đại-pháp-quốc là xứ ta muôn muôn năm!

TUYẾT-HUY

TẠP-TRỞ

HỘI HÀN-LÂM CỦA NƯỚC PHÁP

Nước Pháp là một nước trọng văn-học. Người Pháp xưa nay vẫn ưa những câu văn hay, nhời nói khéo. Cùng là một cái tư-tưởng, mỗi nước diễn ra một khác, nhưng bao giờ cái nhời của nước Pháp vẫn là thanh-thoát hơn, có văn-chương, có lý-thú hơn. Người Hi-lạp ngày xưa, nhất là người thành Nhã-điển (*Athènes*), thậm là hiếu văn-chương, mà cái văn-chương của họ sáng-sủa mát-mẻ như cái khí-giời đất Hi-lạp vậy. Văn-chương nước Pháp ngày nay cũng có cái khí-vị ấy, mà người Pháp thường được gọi là người Nhã-điển đời bây giờ. Thực không phải là quá đáng vậy. Người Pháp lại còn giống người Nhã-điển ngày xưa về cái thói cách phong-nhã nữa, mà cái thói cách phong-nhã ấy cũng tức là một cái kết-quả của sự văn-học trong nước.

Cả thế-giới không nước nào có một hội những nhà văn-sĩ giống như hội Hàn-lâm của Pháp (*Académie francaise*). Hội ấy tức như cái trung-tâm của sự sinh-hoạt trong nước về đường văn-học vậy. Hội có bốn mươi viên, toàn là những bậc tai mắt trong văn-học-giới trong nước, những người đã chước-thuật nhiều, mà có danh-tiếng ai cũng biết. Bốn mươi ông hàn-lâm ấy đã có tên gọi là « bốn mươi ông bất-tử », là có ý chỉ là những người đã làm sách-vở hay, khá lấy lưu-danh được lâu dài. Cái số các ông Hàn-lâm có ít như thế, thì chắc ở ngoài còn nhiều nhà văn-sĩ có tài nữa, nhưng đại-để những người nào đã có chân Hàm-lâm là vào bậc những người chước-danh hơn cả. Vả phàm nhà văn-sĩ trong nước ai ai cũng lấy dấy làm cái nơi cao-trọng hơn nhất, tựa hồ như cái chốn thành-tựu của cái công văn-chương của mình, mà trong bụng ước-ao được vào dấy. Cho nên bao nhiêu những người đại-tài xưa nay sớm trưa cũng là được nhậm ngôi « bất-tử » cả.

Hội Hàn-lâm của nước Pháp sáng lập ra tự năm 1634. Đại tư-giáo Richelieu, làm thượng-thư cho vua Lộ-dịch thứ 13 (Louis xiii), nghe thấy có mấy nhà văn-sĩ thời bấy giờ thường họp nhau ở nhà một người tên là Conrart để bàn văn-chương, đọc sách-vở. Đại tư-giáo bèn nghĩ ra muốn biến cái hội riêng ấy thành một hội công của nhà nước. Bởi thế mới định lập ra hội Hàn-lâm để họp-tập những người có tài văn-chương trong nước.

Hội có bốn mươi viên. Trong số ấy thì cử ra ba người, một ông hội-chủ, một ông trưởng-ấn với một ông « vĩnh-viễn thư-ký », để trông nom việc hội. Ông hội-trưởng cùng ông trưởng-ấn thì bầu ba tháng một ; ông thư-ký thì sung chức ấy suốt đời, nên gọi là « vĩnh-viễn thư-ký » (*secrétaire perpétuel*).

Hội họp mật, thiên-hạ không được vào xem. Duy mỗi năm gọi là « kỳ công-đồng hàng năm » (*séance publique annuelle*) thì thiên-hạ được vào nghe mấy ông Hàn-lâm diễn-thuyết. Thường có bài diễn-thuyết của ông hội-chủ về việc ban-thưởng cho những người có công-đức, cùng bài báo-cáo của ông thư-ký về việc ban-thưởng cho những nhà làm sách hay. Vì Hàn-lâm có hai cái trách-nhiệm nhớn đối với quốc-dân : một là mỗi năm phải tra-xét trong toàn-quốc, bất-cứ đàn ông, đàn bà, người già, người trẻ, nhưng nhất là trong bọn thường dân, lấy những người nào đã

làm nên những việc công-đức nhớn nhao, rồi đem ra ngợi khen trước mặt mọi người mà ban thưởng cho, tức là lấy cái thế-lực của văn-chương mà giúp cho sự đạo-đức trong nước vậy; — hai là sát-hạch những sách của các nhà văn-sĩ đệ lên trình, để ban thưởng cho những quyển nào hay, tức là lấy cái kinh-lịch những bậc lão-thành trong nghề văn-chương mà tưởng-lệ cho những người có tài, chỉ bảo cho những bậc hậu-tiến vậy. (1)

Cái công việc thường của hội Hàn-lâm là phải soạn một bộ «Pháp-văn đại tự-điển», định nghĩa các tiếng rất tinh-tường, để làm cái tiêu-chuẩn chung cho quốc-văn. Việc ấy là một việc to-tát lâu-dài; cứ xem từ xưa đến nay chưa làm xong được một nửa thì biết vậy.

Trong hội vui nhất là ngày tiếp những ông Hàm-lâm mới. Khi nào trong bốn mươi ông bất-tử có ông bất-hạnh mất đi, thì hội công-cử lấy một người vào thay. Người nào muốn được vào thì phải ra ứng bầu. Được bầu rồi thì hội bèn định ngày làm lễ tiếp. Lễ ấy trọng-thể lắm. Thực là lúc danh-dự nhất trong một đời người văn-sĩ, chẳng khác gì như bên ta lúc ông tiến-sĩ mới đỗ về vinh-qui vậy. Không gì vẻ vang bằng được « đứng nói dưới nhà tròn » (nhà tròn tức là cái gian chính-đường trong tòa Hàn-lâm). Ông Hàn-lâm mặc phẩm-phục, đeo gươm, đọc một bài diễn-thuyết để cám ơn hội đã bầu mình cùng tán-dương ông Hàn-lâm cũ mình đến thay. Những bài ấy thường dài lắm, mà phải đặt hay, đọc khéo, phô-diễn được hết cái tài cái hay của ông trước. Đọc đoạn rồi, ông hội-chủ đứng lên đọc một bài diễn-thuyết mừng, vừa khen ông Hàn-lâm cũ, vừa khen ông Hàn-lâm mới. Những nhời khen ấy cũng khéo lắm. Như ông Emile Faguet năm 1910 tiếp ông René Doumic vào thay ông Gaston Boissier, (2) khởi đầu bài diễn-thuyết như thế này:

« Thưa ngài, cụ giáo-sư Tallemant cũng có chân hội ta đây, ngày xưa có tiếng là người diễn-thuyết ở Hàn-lâm giỏi lắm. Bởi thế đến khi cụ de Boze khen cụ Tallemant có câu nói rằng: « Tiên-sinh tả những người chết trong hội ta khéo cho đến nỗi có lúc mong cho thường có dịp luôn để được nghe tiên-sinh nói. » Cụ de Boze nói câu ấy tự nghĩ mình không có quan-hệ vào đấy. Bỉ-nhân đây không dám tự nghĩ như thế; nên không dám khen ngài câu ấy. Chỉ xin nói rằng trong bài diễn-thuyết mới rồi ngài đã tả Boissier tiên-sinh như tiên-sinh ước được tả như thế, nhời bình-dị như nhời văn hi-lạp, nghiêm-trang như nhời văn la-mã, lại thêm cái bụng tốt con nhà Đại-pháp nữa... »

Ông Doumic bấy giờ mới mất phu-nhân. Phu-nhân là một người thông-minh trí-thức. Trong bài diễn-thuyết ông Faguet nói về phu-nhân mấy nhời rất khéo mà rất cảm-động. Nhời rằng:

«... Khi vào học trường Cao-đẳng sư-phạm thì ngài đã định-hôn với một cô con gái con nhà danh-giá... Đến khi ngài tốt-nghiệp ở trường ra thì ngài mới kết-hôn với người tri-kỷ. Phu-nhân thực là một người trí-tuệ thông-minh, sành những điều về tinh-thần, về văn-nghệ, học-thức rộng, tri-giác sâu. Từ bấy cho đến cái đại-nạn mới rồi dau-đớn cho ngài mà buồn-bã cho cả chúng tôi, ngài không từng viết một giòng mà không trình cho phu-nhân đọc trước, không từng nghĩ một quyển sách hay là một bài gì mà không hỏi ý phu-nhân, không từng khởi ra một cái tư-tưởng

(1) Hàn-lâm đã có một cái tư-bản riêng, cùng những tiền của người ta biếu, hoặc nhường, hoặc gửi. Thường có những người giầu có xin với Hàn-lâm đặt ra một cái thưởng riêng mỗi năm là bao nhiêu để thưởng những sách hay hoặc những người có công-đức.

(2) Ông Emile FAGUET cùng ông René DOUMIC là hai nhà phê-bình văn-chương có tiếng. — Ông Gaston BOISSIER là một nhà sử-học có làm nhiều sách về cổ-sử La-mã.

gì mà phu-nhân không được biết, không từng soạn một bài diễn-thuyết nào mà trước khi ra diễn lại không diễn riêng cho phu-nhân nghe đã.

« Trong bấy lâu ngài thật đã được cái hạnh-phúc hoàn-toàn. Ngài được cái hạnh-phúc ấy ở trong chốn gia-đình. Ngài được cái hạnh-phúc ấy vì chính ngài đã mang nó lại ; vì một người nữa cũng cùng mang nó lại với ngài: Ở đời này chỉ có cái hạnh-phúc ấy mới là chắc-chắn. Nay ngài đã phải đọc đến câu tuyệt-ngôn của ông Louis Veuillot: « Ôi ! Chúa tôi, xin người cất cho tôi cái tuyệt-vọng mà để cho tôi cái bi-ai », (1) thì ngài phải so cái sum-hiệp khi xưa với cái vắng-vẻ ngày nay mà còn nên cảm ơn vì đã được bấy nhiêu sự vui thú ngon lành mà trong sạch, cảm ơn vì cái khổ-nạn này nữa, cái khổ ấy nó vào một người như ngài thì lại càng khiến cho kiên-nghị thêm lên, khiến cho thêm yêu mến những nghĩa cao-thượng. »

Những nhời an-ủi khôn-khéo mà thiết-tha như thế thì người nghe cầm lòng sao được. Thực là những nhời tự trong lòng mà ra, tất cảm sâu đến trong lòng. Văn-chương đã đến bực cảm-động ấy thì là văn-chương tuyệt hay vậy. Lại mấy câu kết tả cái khí-tượng riêng của hội Hàn-lâm, cũng khéo lắm. Nhời kết như thế này :

« Thôi, nói rút lại thì xin ngài vui lòng mà vào hội với chúng tôi, chúng tôi đây mong đợi ngài cả. Mời ngài vào trong nhà này là nơi chúng tôi vẫn ước-ao ngài ; ngài không sợ lạ, vì xưa nay tuy ngài chưa ngồi cùng với chúng tôi, nhưng sách vở ngài thay mặt ngài ở đây đã lâu rồi. Ngài vào với chúng tôi rồi ngài sẽ biết rằng cái nhà này cũng dễ chịu, không một là những ngày tiếp khách như ngày hôm nay — cái đó đã cố-nhiên rồi — nhưng ngày bình-thường cũng vậy. Ngài sẽ thấy những tay biện-sĩ sành nghề hùng-biện đến nỗi biết nói dản-dị như người thường, thuộc cả các khóe nói đến nỗi nói truyện không biết cái cầu-kỳ là cái gì. Ngài sẽ thấy những nhà bác-học có tài văn-chương đến nỗi nhà làm văn trông thấy phải ghen mà nói: « Cái người này là người nào, họ viết phấn trắng lên trên bảng đen, mà họ lại biết viết mực đen lên trên giấy trắng giỏi hơn mình? » Ngài sẽ thấy những người lúc thủa trẻ đã vui chơi mà làm qua những chức thượng-thư, rồi từ đấy lưu-tâm về những việc chước-thuật quan-trọng hơn, lấy cái kinh-lịch của mình mà gây được một cái « lạc-quan chủ-nghĩa » để xét đoán việc đời. Ngài sẽ thấy những nhà văn-sĩ làm vẻ-vang cho nước Pháp ta trong thế-giới, những nhà ấy cũng không hẹp gì mà coi bọn « phê-bình » ta vào bực văn-sĩ. Nói rút lại thì cái nhà này dễ chịu lắm. Chúng tôi đãi nhau thường dồi cái nghĩa đồng-liêu làm cái tình bè-bạn, thực như trong triết-học gọi là « dung-hòa hai cái phản-trái » vậy. Cái nhà này có triết-học lắm, ngài ạ. »

Những bài diễn-thuyết như thế thực như văn tây gọi là những « bữa tiệc văn-chương » cho tài, cho trí người ta vậy.

Từ khi có việc chiến-tranh đến giờ, Hàn-lâm không làm lễ tiếp những ông hội-viên mới, muốn để đến ngày chiến-thắng cho lễ được trọng-thể hơn. Nhưng cuộc chiến-tranh diên-man ra mãi, nên năm nay Hàn-lâm đã định bắt đầu làm lễ tiếp những ông mới được bầu. Trong các ông ấy có ba người chước-danh nhất, ai cũng biết, là Lyautey tướng-quân, Boutroux cùng Bergson hai tiên-sinh. Tướng-quân trước làm tổng-đốc Ma-lặc-kha, dầu năm nay sung chức

(1) Mất người yêu là một cái sầu không bao giờ hết được. Cái sầu ấy nên giữ mãi trong lòng, như cái kỷ-niệm trăm năm. Nhưng sầu mà đến thất-vọng thì không gì hại bằng. Đạo Thiên-chúa dạy cho người ta càng khổ lại càng nên hi-vọng, cái hi-vọng là thuốc chữa linh-hồn cho người đời. Câu này là chỉ một cái buồn không bao giờ nguôi được, không những thế mà lại không nên để cho nó nguôi đi, chỉ nên cầu cho khỏi cái thất-vọng mà thôi.

lục-quản tổng-trưởng ; mưu-lược giỏi. văn-chương tài. Hai tiên-sinh thì là hai bực triết-học nhất-nhì trong thế-giới, lại thêm là hai bực văn-sĩ tuyệt-luân. Hàn-lâm sắp đãi thiên-hạ mấy « bữa tiệc văn-chương », như xưa nay chưa từng có nhiều lần.

PHẠM QUỲNH

ĐỘC-THƯ TẠP-KÝ

Trong khi đọc sách, gặp được cái tư-tưởng nào mới lạ, nhời nghị-luận nào sác-đáng, đoạn văn-chương nào kỳ-thú, hoặc nhận được câu nào có ý-vị, chữ nào có tinh-thần, nhời nào nói minh-thiết, thường hay biên chép lấy để ghi nhớ về sau. Tựa hồ như vào chơi cái vườn hoa, lúc ra về hái mấy bông cầm tay, để vừa đi vừa hưởng cái thơm thừa vậy. Nhưng về đến nhà thường bỏ bông hoa héo trên góc bàn mà không nhìn đến nữa. Có khi tình-cờ mở đến tập biên chép cũ, thấy biên đã đầy, mà nhời nọ câu kia hỗn tạp, như cái cánh hoa tàn gập trong tờ giấy, ngửi đến còn hơi phảng-phất cái hương-vị khi xưa. Trông cái hoa khô chạnh nhớ đến cây cũ cảnh xưa, trong lòng có cái cảm-tình vô-hạn. Bởi vậy lục ra lấy ít nhiều câu, không có thứ-tự gì, không có liên-tiếp gì, tả-tơi như cánh hoa tàn, dịch ra đây để cung một phần vào mục « Tạp-trở ».

PH. Q.

Dịch tiếng nước ngoài

Học một tiếng nước ngoài, càng học sâu thì càng thấy không thể nào dịch cho đúng được những nhời thơ văn bằng tiếng nước ấy. Bấy giờ mới biết phàm tiếng nói có cái phần đặc-biệt, cái phần tinh-hoa là không truyền-dịch sang tiếng khác cho đúng được. *Tiếng nói cũng tức như những cái vòng tròn, đem trồng lên nhau thì được, nhưng không có cái vòng nào là bằng cái vòng nào, không cái nào là cùng một trung-tâm, cùng một khẩu-kính như nhau vậy.* (ERWIN ROHDE)

Bản-năng (instinct) *cùng lý-tính* (raison)

« Cái phép thiên-nhiên, cái phép yếu-tất là bao giờ người ta bắt đầu hành-động cũng là theo cái bản-năng trước. Nhưng cái phép thiên-nhiên, cái phép yếu-tất ấy nó cũng khiến cho có ngày người ta suy-nghĩ đến sự hành-động của mình, thấy cái bản-năng có ứng-hợp với cái lý-tính thì bấy giờ mới chịu theo đuổi nữa, không thì thôi. EMILE BOUTROUX)

Cái nghị-lực (énergie)

Cái nghị-lực mới là cái sức mạnh thực. Cái nghị-lực ấy hoặc vốn có trong người, hoặc chung-đúc mới thành. Người ta lúc sắp làm một việc gì thì phải thu-thập cái sức-lực của mình. Nếu làm ngay lập-tức thì chỉ dùng đến cái sức tự-nhiên. Nhưng nếu cứ sắp sửa làm một việc, sẵn sàng để hạ thủ làm mà vẫn chưa làm, thì phải tích thêm sức mãi, cái nhiệt-độ càng tăng thêm lên, khác nào như người đốt máy, đốt mãi, cái hơi nước nóng quá mà không thể phát-tiết ra được thì nó mạnh thêm lên vô cùng vậy. Người nóng-nẩy hăng-hái quá thì có bao nhiêu sức tiêu-dùng đi bấy nhiêu, tuy cường-bạo mà cái nghị-lực không có mấy. Người nào muốn thực mạnh thì phải rè sức mình, không có gập lúc

nào tiêu-dùng lúc ấy, nhưng phải thu-thập chung-đúc lại, đợi đến cái dịp phải hạ thủ làm thì mới phát ra, bấy giờ cái nghị-lực đã càng phải cầm-giữ bao nhiêu càng mạnh thêm lên bấy nhiêu. Bởi thế mà lắm người vốn yếu mà có cái nghị-lực mạnh hơn là người vốn mạnh. (Dr F. FRÉBAULT).

Cái xấu dễ truyền nhiễm

Không cái gì dễ truyền nhiễm bằng cái xấu. Cái xấu nó phát-hiện ra trong một xã-hội còn thuần-phác, thì cái cảm-lực nó còn mạnh hơn nhiều là cái thuần-phác trong một xã-hội đã phóng-túng, vì những xã-hội phóng-túng lừa-hồ như đã cạn hết cái thú thuần-phác rồi, mà những xã-hội thuần-phác thì mới được biết cái phóng-túng tưởng như một cái sướng xưa nay chưa được hưởng bao giờ. Vậy thì không có nhẽ rằng những xã-hội còn thuần-phác cảm-hóa được những xã-hội đã phóng-túng, khiến cho lại phục-hồi được cái thuần-phác cũ, nhưng chắc rằng những sự hoài-nghi, sự dâm-dục, sự bại-hoại của những xã-hội đã phóng-túng tất dần-dần tiêm-nhiễm vào mà làm hư-hại những xã-hội còn thuần-phác, tự mình chưa biết những cái ác-vị ấy. Cái ác-vị ấy rồi từ đấy thành cái món dứng đầu trong sự chao-đổi hai xã-hội với nhau. Tài-sản di-dịch đi, học-thuyết suy-tàn đi, duy có cái tật xấu là vẫn còn lại. Ham cái tài-sản thì phải là người doanh-nghiệp, mê sự học-vấn thì phải là người tư-tưởng; say-đắm những thói ô-dâm, thì chỉ làm người là đủ. Bởi thế cho nên các chủng-tộc càng thâm-nhập nhau lắm thì càng mất cái bản-tính thuần-phác đi, mà gây thành một cái vốn chung những thói ô-uế học-tập ở khắp mọi nơi. (ETIENNE LAMY).

Làm văn cùng làm thơ

Cái phép làm thơ cũng chẳng khác gì phép làm văn. Người làm văn hay tất phải đã đọc sách thâm thì xét đạo mới minh, dùng tài mới rộng, quan sự-biến mới tường, hiểu nhân-tình mới suốt. Bấy giờ mới cất bút làm văn, thì cái văn-chương ấy bao-hàm cả sự-vật, thông-quán cả cổ-kim. Phép làm thơ cũng thế mà thôi. Tôi chưa từng thấy người nào có đọc sách mà không làm thơ được; tôi chưa từng thấy người nào không đọc sách mà làm thơ được. Người đời không cầu cái thơ ở trong sự đọc sách, mà cầu cái thơ ở thơ, thì cái thơ ấy hay sao được? (Ông ĐÁI CÁT-PHU nhà Thanh).

Người có chí hay không gặp thời

Tôi thường tự than cái thế-đạo thật là tệ, không muốn cho người có chí sống ở đời. Vì có một tơ-hao không giống với thế-tục, thì tất phải chịu một tơ-hao khốn-triết. Càng không giống với thế-tục nhiều bao nhiêu thì lại càng phải chịu khốn-triết bấy nhiêu. Đến như những kẻ cực hôn-dung thì cái sung-sướng cũng được cực phần sung-sướng. Vì có một tơ-hao hôn-dung thì cũng được hưởng một tơ-hao hạnh-phúc. Cái đạo giời biến đổi như thế; không sao giải được vậy. (ĐÁI CÁT-PHU).

THỜI-ĐÀM

VIỆC NHỚN THẾ-GIỚI

Việc chiến-tranh. — Bản báo sáng-lập ra là mong để phụng-sự một cái lý-tưởng công-nghĩa, công-hòa, nhân-đạo. Vậy bản-báo vẫn từng ước-ao rằng có nhẽ tập thứ nhất này xuất-bản được vừa gặp dịp mà hoan-nghênh cuộc hòa-bình trong thế-giới. Sự chiến-tranh diên-man đến nay đã ngót ba năm, Âu-châu bị tắm máu gội lửa cũng đã nhiều; tự đầu năm nay quân Pháp-Anh đánh luôn được mấy trận đại-thắng, tưởng cái bi-kịch đã sắp đến ngày kết-liễu.

Nhưng đảng Đức-Áo tuy đã quẹ mà còn đủ sức hấp-hối được ít lâu nữa. Chắc mình rằng không thể tránh được cái số-mệnh sau cùng, chắc rằng quân Đồng-minh tất cố đánh cho được mới thôi, nên bọn Đức-Áo chỉ còn hết sức tìm cách để lùi lại được ít lâu cái kỳ-hạn tất đến ấy. Hiện nay không ai là người có tài dự-đoán được đến ngày nào tháng nào là giải-quyết cái cuộc kinh-thiên động-địa này. Nhưng bọn ta hằng ngày được nghe được biết những thủ-đoạn oanh-liệt của nhà quân Pháp cùng các quân Đồng-minh, đã từng nhiều phen cảm-mộ trong lòng; vậy có thể hi-vọng được rằng cái công-phu nhớn-nhao ấy sẽ sắp đến ngày kết-quả, cuộc đại-chiến sẽ sắp đến ngày toàn-thắng, mà giống Điêu-đương kiêu-căng tàn-bạo đã phạm với nhân-loại nhiều tội cực-ác cũng sắp đến ngày tiệt hết trên mặt đất vậy.

Xét cái đại-thế cuộc chiến-tranh ở khắp các mặt quân từ đầu năm đến giờ thì đủ biết rằng phần đắc-lợi là ở bên Đồng-minh.

Ngày 17 tháng 3, hai quân Pháp-Anh hiệp-lực công-kích rất mạnh, quân Đức nhiều đến hai triệu người phải bắt đầu tháo-lui trong suốt giọc quân từ *Arras* đến *Soissons*. Quân Đức rút quân về đến 40 cây-lô-mét, nhờ đấy mà hơn 200 đô-thị cùng thôn-lạc nước Pháp đã phải chịu cường-quyền quấn giã-man hơn hai năm giời, bấy giờ mới được giải-thoát.

Sự thoái-khước của quân Đức vừa là một sự đắc-thắng của cái nghị-lực quân Pháp-Anh, lại vừa là một dịp thịnh-hành cho cái lối giã-man giống Nhật-nhĩ-man nữa. Quân Đức không đủ chiến-lực mà đối lại, bèn dùng hết cách để đi đến đâu triệt-hạ phá-hoại đến đấy.

Ta cũng vẫn biết rằng trong khi hành-chiến không sao tránh khỏi những sự phá-hoại được. Như một quân bị thua phải bỏ chạy một địa-hạt nào thì thế tất là phải phá-hoại cả những cái gì là cái quân địch đến sau mình có thể lợi-dụng làm cách tự-thủ, làm nơi căn-cứ, hoặc làm kế đuổi đánh mình. Nhưng phàm những người cùng vật không can-thiệp gì đến việc hành-chiến, không quan-hệ gì đến sự dùng-binh, thì chẳng nên kiêng-nể, ru? Xét ra quân Đức trong khi thoái-khước, đối với những người những vật ấy một cách tối giã-man, tối độc-ác.

Nhà cửa bị đốt phá, người, dân bị khu-trục như đàn trâu, đàn ngựa. Có lắm nơi đô-thị bị triệt-hạ không còn một tí gì trên mặt đất: hiện nay cầm cái địa-đồ trên tay không nhận biết được thành *Bapaume* vào nơi nào nữa. Trong nhà bị tàn phá, có đồ gì mang được thì bị cướp đem về Đức cả. Cây

cối ở trong vườn, ở bên đường, cũng bị trặt ngang sẻ giọc cả. Dưới mình những người bị trọng-thương đặt trái-phá cùng thuốc súng để người Pháp có đến cứu thì bị hại. Nói rút lại thì sự tàn-phá thực « hoàn toàn », cái độc-ác đến cực-điểm mà sự gian-hiểm thực vô-chừng, đến nỗi quân tiền-vệ Pháp-Anh đi đến đâu phải đem hóa-học chuyên-môn đến xét trước xem trong nước uống có thuốc độc không !

Tự tháng tư quân Đức đem bớt quân mặt Nga về nhiều lắm, tổ-chúc một cái chiến-tuyến rất mạnh, cố-ý chống cự lại, lại sếp-đặt sẵn để phòng khi phải lùi về. Nhưng quân Pháp quân Anh đánh được liền mấy trận, đâm thủng được cái chiến-tuyến ấy, khiến cho quân Đức có cái trận-địa nào tốt nhất dần dần mất hết (trận *Vimy* ngày 10 tháng tư, trận *Craonne* ngày 16 tháng tư, trận *Messines* ngày 7 tháng 6). Quân Đức ở mặt Pháp bị hại nhiều cho đến nỗi ở bên Đức đã từng gọi đất Pháp là cái mộ-địa chung của quân-đội Đức vậy. Hiện nay quân Đức vẫn cứ rút dần ở đất Pháp về. Muốn tưởng-tượng được cái số quân bị hại của Đức thì xem ngay hồi quân Pháp-Anh đánh công-thế mới rồi có trong khoảng mấy ngày mà bắt được hơn tám vạn tù-binh Đức còn mạnh khỏe, là đủ biết vậy.

Về mặt Ý thì từ ngày 9 đến ngày 12 tháng 2, quân Áo đánh ở phía đông *Goritzia* mấy trận rất dữ, song cũng không thể truyền được cái trận-địa của quân Ý. Sau mấy trận ấy được một độ bình-tĩnh, quân Ý nhân kinh-doanh một cái đại công-thế, đến 18 tháng 5 thì khởi-hành, đánh lấy được cả cao-nguyên *Carso* cho đến tận miền phụ-cận thành *Trieste*. Trong ba ngày quân Ý bắt được 2 vạn 4 nghìn tù-binh mạnh khỏe. Quân Áo đánh phản-kích ở đất *Trentin*, kết-cục đến ngày 22 tháng 5 lại phải một trận đại-bại nữa, khiến cho quân Ý lại chiếm được thêm đất. Sau đến ngày 3 tháng 6 quân Áo lại cố công-kích một lần cùng nữa để mong cướp lại cao-nguyên *Carso*. Trận đánh cực-lực, hai bên áp-chiến nhau rất dữ, đến sau quân Áo cũng bị sô về. Thành ra kết-quả trận phản-kích ấy cũng chỉ lại là thêm hại cho quân-địch mà thôi.

Ở *Macédoine* quân Đồng-minh vẫn chỉ đứng ngăn cho nước Hi-lạp cùng đảng Đức-Áo không giao-thông với nhau được. Từ ngày 11 đến ngày 26 tháng 3 miền phụ-cận thành *Monastir* đã khai-khoáng cả để cho tỉnh-thành khỏi phải quân Bảo phóng-pháo vào. Quân Bảo cứ cách ít lâu lại tìm đường vào công-kích, nhưng lần nào cũng bị đuổi hại nhiều. Trong mùa hè năm nay về mặt quân ấy xét ra quân Đồng-minh cũng không rắp đánh trận nào quyết-chiến. Vì cái tình-thế nước Hi-lạp vẫn còn ám-muội lắm, nên Đồng-minh trong cách sử-trí vẫn phải giữ cẩn-thận.

Ở Tiểu-Á-tế-á thì quân Anh ngày 11 tháng 3 được một cái chiến-tích rất hiển-hách, là lấy được thành *Bagdad* của Thổ. Thành *Bagdad* là một nơi đô-thị nhớn nhất trong đế-quốc Thổ-nhĩ-kỳ. Thành *Bagdad* thất-thủ vừa là một cái hại nhớn cho người Thổ về đường thực-tế mà lại vừa là một cái hại to cho người Đức về đường thanh-thế nữa. Nước Đức vốn có cái mưu nhớn muốn dùng con đường thiết-lộ tự Trung-Âu đến Ba-tư-loan (Golfe Persique) để khuếch-trương thế-lực sang Á-châu, nay cái mưu ấy đã đến ngày đổ-địa vậy.

Sự quân Anh lấy được thành *Bagdad* là kết-quả của cái công-thế khởi đầu tự tháng hai, quân Anh cùng quân Ấn-độ đã tiến được hơn ba trăm cây-lô-mét, đuổi quân Thổ chạy tán-loạn.

Sau khi lấy được thành *Bagdad* thì quân Anh chia làm hai đạo, theo đuổi quân Thổ, đi ngược giòng sông *Tigre* về phía bắc. Đến cuối tháng ba thì hai đạo ấy đã lên được khỏi *Bagdad* một trăm

cây-lô-mét về phía bắc, được ít lâu thì kết-liên được với quân Nga cùng lúc bấy giờ cũng đương đuổi quân Thổ đã sang chiếm đất Ba-tư. Từ dấy đến nay cái tình-thế chưa thay đổi. Quân Nga cùng quân Anh đã chinh-phục chiếm-cứ được những đất rộng như thế thì trước phải kinh-doanh xong đã, rồi mới lại tiến lên được nữa. Nhưng mà cái thế-lực Thổ-nhĩ-kỳ ở Tiểu Á-tế-á trước đã bị dân A-lạp-bá tuyên-bố độc-lập, nay lại bị thất-thủ thành *Bagdad*, thực đã đến ngày bại-hoại to vậy.

Ở địa-giới Ai-cập (Egypte) thì quân Anh cùng quân Úc-châu đã làm lùi được đường chiến-tuyến của quân Thổ; hiện nay mấy đạo quân Anh chiếm-cứ thành *Gaza* chỉ chực đến mùa mát là tràn sang sâm-nhập đất *Palestine*.

Ở mặt quân Nga thì khí-hậu rét quá nên trong ba tháng đầu năm nay từ bắc chí nam các việc chiến-dịch phải đình lại; lại thêm việc cách-mệnh Nga mới rồi cùng những việc quân Đức mưu bàn hòa riêng, nên sự chiến-tranh về mặt ấy đã bị ngăn-trở nhiều. Song độ tháng hai quân Nga cũng có khởi đánh công-thế mạnh về mặt tây thành *Riga*, nhưng không thể đánh tiếp theo được mãi.

Những việc chiến-dịch hơi có quan-trọng thì thuộc cả về mặt nam, ở nơi địa-giới Hung-gia-lợi với Lỗ-mã-ni. Quân của tướng Nga Letchitski khởi-hành công-thế tự tháng giêng vẫn từ-từ tiến lên, chực qua ải-đạo *Bargo* mà vào đồng-bằng đất Hung-gia-lợi.

Như thế thì đất Hung-gia-lợi có cái nguy phải sâm-nhập đến nơi; đến ngày quân Lỗ tới ải-đạo *Bargo* thì địa-thế không có gì hiểm-trở nữa, có thể tiến thẳng vào đến trung-tâm đất Hung-gia-lợi.

Ở mặt quân Lỗ, sự « chiến-tranh vận-động » nay cũng đã đổi ra « chiến-tranh hầm-hố » rồi. Cái tình-thế ở đấy về cuối năm 1916 cũng như tình-thế ở mặt quân Nga trong năm 1915.

Quân Đức-Áo nhờ có pháo-binh tốt nên đánh lối chiến-tranh vận-động dễ được thắng lợi, chiếm-cứ được nhiều đất; nhưng đến khi không tiến lên được nữa thì hai bên đào hầm-hố mà tương-trì nhau, càng ngày càng thêm cách phòng-bị, thì sự chiến-tranh diên-man ra không biết đến bao giờ là cùng. Cuối tháng giêng thì hàng quân Lỗ đứng theo đường sông *Sereth*, hữu-dực tựa vào quân của tướng Nga Letchistki sắp sâm-nhập vào đất Hung-gia-lợi. Quân Đức mấy lần vào công-kích lưỡng-dực quân Lỗ mà hỏng cả. Các quân-đội nước Lỗ nay đã khôi-phục lại, chỉ còn đợi nước Nga bao giờ xong việc nội-biến thì cùng khởi-hành công-thế vậy.

Nói rút lại thì kể cho đến đầu tháng 7 tây này cái tình-thế việc quân về đường lục-chiến đại-khái như thế này: ở mặt Pháp thì quân Đức đã bị thua còn cố chết giữ lấy những nơi trận-địa rất kiên-cố, lại nhờ có việc cách-mệnh Nga mới rồi, quân Nga không thể đánh được riết, nên quân Đức còn có cớ chống-cự được ít lâu nữa.

∴

Việc hải-chiến. – Ngày 1 tháng 2, nước Đức công-bố nhời tuyên-cáo như sau này, cả thế-giới lấy làm kinh-ngạc. Nhời rằng:

« Tự ngày 1 tháng 2, nước Đức sẽ dùng đủ mọi binh-kế mà ngăn-cấm sự giao-dịch trên mặt bể trong mấy nơi hải-phận liệt ra sau này, ở quanh nước Anh, nước Pháp, nước Ý, cùng trong đông-bộ Địa-trung-hải ».

Kế đến liệt tên các phần bể ấy thì ra gồm hết cả các bể Âu-châu. Rồi nói riêng đến nước Mĩ rằng:

« Các thương-thuyền nước Mĩ chở khách theo lệ thường thì cứ việc đi lại không phải ngại gì, miễn là phải tuân theo mấy điều như sau này: *a*) những tầu ấy phải lấy cửa *Falmouth*

làm nơi đỗ tầu ở Âu-châu ; *b)* những tầu ấy phải mang dấu hiệu riêng như sau này, mà dấu-hiệu ấy chỉ cho phép riêng tầu nước Mĩ được mang mà thôi: vỏ tầu cũng thân tầu phải bôi giọc trắng và đỏ, từng miếng to ba thước một, v. v. ».

Nước Đức mong đợi ở sự vây bể nhiều cái kết-quả quá-đáng. Đành rằng trên đất không thể đánh được, bèn phao-ngôn lên rằng sẽ triệt-đoạn các đường giao-thông trên mặt bể của Đồng-minh, khiến cho nước Anh phải chết đói, thì Đồng-minh tất phải xin hòa.

Cứ thực ra thì nhời tuyên-cáo của Đức ngày 1 tháng 2 cũng chẳng thay đổi gì cái tình-thế từ đầu khi chiến-tranh, vì từ năm 1915, tầu ngầm Đức vẫn đã đánh đắm không cảnh-cáo những thương-thuyền vừa của chiến-quốc vừa của trung-lập. Chỉ có khác rằng từ nay dở đi số tầu ngầm của Đức nhiều hơn cũng đánh dữ hơn trước mà thôi.

Bên Đồng-minh nhất là nước Anh cũng cứ bình-tâm mà nhận cái lối hải-chiến vô-hạn bằng tầu ngầm ấy.

Xét ra từ bấy đến nay tầu ngầm của Đức tuy cũng có làm hại được ít nhiều mà vẫn là chưa tới được mục-đích.

Như trong tháng 2 số tầu của Đồng-minh bị hại cả thảy là 281 chiếc, trọng-lực tổng cộng là 50 vạn tấn, tháng ba 225 chiếc, trọng-lực 40 vạn 2 nghìn tấn. Mấy tháng sau mỗi tháng một bớt đi, vì các thủy-quân Đồng-minh đã thiết kế để khu-trục tầu ngầm Đức, hiện nay số đã giảm bớt đi nhiều.

Cái lối chiến-tranh tầu ngầm thực là giả-man mà ngu-xuẩn, chỉ làm hại những kẻ vô-cô, nước trung-lập : thực ích-lợi cho việc hành-chiến thì không có tí nào. Cứ xét như thế này thì đủ biết : trong tháng giêng tây các nước Đồng-minh chở ra *Salonique* 12 vạn quân, trong số ấy tầu ngầm Đức chỉ đánh đắm được có 115 người. Chính-phủ Đông-dương cũng tải sang Pháp hơn 6 vạn người An-nam, vừa công-binh vừa chiến-binh, không hề bị tầu ngầm Đức đánh đắm hoặc ngăn-trở mất chuyến nào.

Như thế thì hải-quyền vẫn là thuộc về hải-quân Đồng-minh, rõ vậy. Những tầu bị tầu ngầm Đức hại thường là những tầu đánh cá cùng những thương-thuyền chở những người thường-dân, đàn bà, con trẻ.

Vả cũng phải biết rằng Đồng-minh tuy có mất nhiều tầu vì tầu ngầm cũng không lấy gì làm hại cho lắm, vì vẫn được tiện-lợi hoặc muốn chế thêm hoặc muốn mua thêm cũng được, để đền vào những số thương-thuyền bị hại. Như tự khi khởi-chiến đến đầu năm 1917 hải-quân Pháp bị hại mất cả thảy là 60 vạn tấn, nhưng trong khoảng ấy lại chế thêm hoặc mua thêm 68 vạn tấn khác, cùng đương chế gần xong 15 vạn tấn nữa, điền vào cái số bị hại còn dư nhiều. Nói rút lại thì cái vấn-đề là chỉ phải xét xem sự vận-động của tầu ngầm Đức có ngăn-trở được việc cung-cấp lương-thực của nước Anh cùng sự vận-tải quân Anh sang lục-địa không. Nay xét ra vấn-đề ấy thực là thuộc về tiêu-cực vậy. Số tầu ngầm Đức mỗi ngày một giảm đi, mà sự vận-tải trên mặt bể của nước Anh sang Mĩ-châu, cùng sang lục-địa Âu-châu lại càng ngày càng tăng-tiến lên vậy.

Đồng-minh đành phải chịu mất ít nhiều thương-thuyền, chịu biên trong sổ lợi-hại của thủy-quân một khoản nặng-nề, song việc cung-cấp lương-thực tuy có đắt hơn xưa nhưng vẫn được vững-bền, khiến cho người dân cùng quân lính vẫn được đủ đồ ăn dùng làm việc.

Muốn xét kết-quả một việc hành-động nhớn, bao giờ cũng phải so sánh cái lợi với cái hại nó thế nào. Như thế thì người Đức tuy được tự-do hành-động, nhưng phải mua cái tự-do ấy đắt biết chừng nào, vì phải mua bằng

sự chiến-tranh với nước Mĩ cùng phần nhiều các nước trung-lập ở Nam Mĩ vậy. Mà cái lợi thứ nhất cho Đồng-minh là nhân thế có thể lợi-dụng được những chiếc tầu nhớn của Đức từ khi khai-chiến trốn ở các cửa bể Mĩ-châu rất nhiều.

.˙.

Việc ngoại-giao chính-trị. — Ngày 4 tháng 2 Mĩ hợp-chúng-quốc tuyệt-giao với nước Đức. Sự đó xem ra dư-luận nước Đức lấy làm kinh-ngạc lắm, không ngờ rằng phải một miếng điếng như thế.

Sự tuyệt-giao ấy là cái giả-nhời tất-nhiên cho nhời tuyên-cáo Đức ngày 1 tháng 2 về việc dùng tầu ngầm, ta mới thuật lại trên kia.

Tổng-thống Uy-nhĩ-đôn (Wilson) nước Mĩ tuy hiếu sự hòa-bình, cũng không thể cầm lòng được nữa : tự 2 năm nay nước Đức phạm quốc-thể nước Mĩ đã mấy mươi lần, nay lại tuyên-cáo rằng từ giờ muốn làm gì thì làm, muốn dùng khí-giới gì cũng được, không kiêng nể gì ai, chỉ vụ lợi cho mình. Ngày 4 tháng 5 năm 1916 sau việc đánh đắm tầu *Sussex*, Hoa-thịnh-đốn gửi tờ kháng-nghị, nước Đức đã trịnh-trọng đoan rằng từ đấy không dám đánh đắm chiếc tầu nào mà không cảnh-cáo, không bảo-tồn cho sinh-mệnh người, thế mà đến nay nước Đức đã bội nhời ước được ngay, dám quyết rằng hễ gặp chiếc tầu nào trong mấy cái bể quanh Âu-châu, tự Bắc-hải đến Địa-trung-hải, là đánh đắm hết không tha !

Trước khi bỏ đất Mĩ, đại-sứ Đức là bá-tước Bernstorff còn muốn yêu-hãnh một lần sau cùng nữa, dụ-hoặc dư-luận nước Mĩ để mong dồi được sự quyết-định của chính-phủ Mĩ. Ngày 10 tháng 2 bèn thông-tin cho các báo rằng nước Đức vẫn còn nhờ Công-sứ Thụy-sĩ thương-thuyết với chính-phủ Hoa-thịnh-đốn. Công-sứ Thụy-sĩ từ khi Mĩ tuyệt-giao với Đức vẫn giữ hộ quyền-lợi Đức ở đất Mĩ, có đến ngỏ nhời với ngoại-giao tổng-trưởng Mĩ rằng muốn thương-thuyết cho Đức, chỉ trừ một khoản nước Đức định vây nước Anh thì trong khi thương-thuyết xin đừng thay đổi mà thôi. Ngoại-tướng Mĩ bèn xin ông Công-sứ mang giấy lại. Giấy mang lại rồi thì chính-phủ Mĩ gửi cái giả-nhời sau này, thực là đoạn nốt cái đường yêu-hãnh ấy nữa. Nhời rằng : « Chính-phủ Mĩ vì nước Đức phản-bội nhời ước ngày 4 tháng 5 năm 1916 mới tuyệt-giao với Đức. Vậy thì hễ Đức có tái-ước lại như cũ mà đoan rằng quyết-ý tuân theo nhời ước, thì Mĩ chính-phủ mới chịu thương-thuyết cùng. »

Đương lúc bấy giờ thì tổng-thống Mĩ còn chưa muốn khởi-sự chiến-tranh với Đức, nhưng cốt là Đức đừng có thực-hành nhời tuyên-cáo về tầu ngầm đối với Mĩ. Ngờ đâu cách đấy mấy ngày tầu *Laconia* bị đánh đắm, có người Mĩ ở trong bị hại, lại kế liền phát-giác được việc nước Đức vận-động ở Mặc-tây-kha (Mexique) để xui nước ấy khai-chiến với nước Mĩ. Đến thế thì quá vậy, không sao đừng được nữa.

Ngày 5 tháng 4 tổng-thống Uy-nhĩ-đốn bèn hạ chiến-thư cho nước Đức.

Bên Pháp được tin nước Mĩ vị tự-do, vị nhân-quyền vào cuộc đại-chiến lấy làm vui-vẻ cổ-võ vô-cùng. Cả thế-giới cũng biết rằng người nước Pháp vẫn có cảm-tình riêng với tổ-quốc ông Hoa-thịnh-đốn. Cái cảm-tình ấy nước Mĩ cũng lại giả lại nước Pháp bội phần, cứ xem từ khi khởi chiến nước Mĩ giúp nước Pháp được bao nhiêu công việc thì biết. Cái cảm-tình hai nước ấy là căn nguyên tự năm 1777, nước Pháp giúp tiền giúp binh cho đảng khởi-nghĩa độc-lập bên Mĩ vậy.

Đông-dương ta đã để riêng ngày 14 tháng 4 để hoan-nghênh cái tin nhớn nhao ấy. Báo *Nam-Phong* kỳ sau sẽ dịch mấy bài diễn-thuyết rất hay của quan Toàn-quyền SARRAUT cùng quan Học-chính RUSSIER đã đọc tại Hà-nội về dịp ấy.

Những sự kết-quả của việc khai-chiến nước Mĩ với nước Đức thực không biết đâu mà kể. Trước hết nhân việc đó mà các đân-quốc khác bên Mĩ-châu cũng đua nhau mà theo gương nước đàn anh. Đến dân-quốc trẻ tuổi bên Á-đông ta là nước Tàu trông thấy cái phong-trào ấy cũng không thể đứng yên được, ngày 14 tháng 3, tổng-thống LÊ NGUYÊN-HỒNG cũng tuyên-bố tuyệt-giao với nước Đức.

Nhưng nước Mĩ can-thiệp vào cuộc chiến-tranh được ích-lợi nhất là về đường thực-tế, đường quân-sự, vì nước Mĩ có thể giúp Đồng-minh được nhiều cách : giúp tiền, giúp đồ lương-thực, đồ dụng-cụ, giúp tầu-bè, giúp quân-lính. v. v.

Nhân nước Mĩ mời, chính-phủ Trung-hoa đã bước một bước thứ nhất mà gửi cho công-sứ Đức ở Bắc-kinh một tờ kháng-nghị rất nghiêm-trang đối với nhời tuyên-cáo về sự chiến-tranh bằng tầu ngầm của Đức ngày 1 tháng 2, lại nói thêm rằng thảng-hoặc nhời kháng-nghị ấy mà không có hiệu-nghiệm thì Trung-hoa chính-phủ sẽ phải tuyệt-giao với Đức.

Mãi đến ngày 11 tháng 3, Đức-sứ mới đáp lại tờ kháng-nghị ấy, nhời rất kiêu-căng khinh người, khiến cho nước Tàu không thể không tuyệt-giao được.

Các báo Tàu bình-phẩm về cái vấn-đề Tàu với Đức ấy gây lên mấy cái phong-trào dư-luận hoặc vị hoặc phản việc tuyệt-giao với Đức.

Ông LƯƠNG KHẢI-SIÊU đứng đầu đảng tiến-bộ thì cổ-võ cho nước Tàu tuyệt-giao với Đức cùng vào cuộc khai-chiến ngay lập-tức. Đảng quốc-dân có ông TÔN DẬT-TIÊN đứng đầu thì lại phản-đối lại. Chính-phủ đứng giữa còn ngần ngại chưa dám vội theo đảng nào. Vả chính-phủ cũng còn đương bị nghị-viện phản-đối vì việc nội-chính. Nhất là đảng quốc-dân cố ý kháng-cự ông ĐOÀN KỲ-THỤY làm bình-bộ tổng-trưởng, kiêm nội-các tổng-lý. Ông ĐOÀN thì có ý muốn nhập cuộc đánh Đức, đảng quốc-dân thì ghét cái chính-sách riêng của ông ĐOÀN, nên chỉ phản-đối sự nhập-cuộc là cố-ý phá-đổ tòa Nội-các của ông ĐOÀN mà thôi. Lại thêm ông tổng-thống LÊ NGUYÊN-HỒNG với ông thủ-tướng ĐOÀN cũng không được như ý với nhau nữa. Song dù vậy mà ông ĐOÀN cũng khéo khiến cho Nghị-viện khả-quyết việc tuyệt-giao với Đức xong ngay từ ngày 14 tháng 3. Mấy nơi tô-giới Đức ở Thiên-tân cùng Hán-khẩu ngày hôm sau bị truyền thuộc về quyền hành-chính nước Tàu, những thương-thuyền Đức ở các nơi cửa bể cũng bị biên-tịch.

Nhưng ông ĐOÀN KỲ-THỤY bản-tâm là muốn cho nước Tàu nhập-cuộc với các đại-quốc trong thế-giới để mong được hưởng quyền-lợi về sau, vậy quyết ý xin khai-chiến với Đức. Chẳng may cái tình-thế trong nước về việc nội-chính càng ngày càng bối-rối, ông thủ-tướng cùng nghị-viện mỗi ngày một trái ý nhau. Đến tháng năm thì cái tình-thế đại-khái như thế này : ở nghị-viện thì đảng quốc-dân cố-ý phản-đối muốn dùng đủ cách để phá-đổ ông ĐOÀN ; ở ngoại-vụ bộ thì một viên ngoại tướng già yếu không làm được việc gì, nhất-thiết ủy cả người con tính tham-lam vô-độ ; ở bộ tài-chính thì viên tổng-trưởng cùng viên phó tổng-trưởng bị bắt về việc hối-lộ ; ở bộ giao-thông cũng có việc hối lộ như thế, mà viên tổng-trưởng bị bắt thì lại là bạn với ông thủ-tướng ĐOÀN ; gia-dĩ lại thêm người Đức ở Tàu vận-động

để truyền-bá những tin tức sằng, phao-ngôn lên rằng nước Nga có ý muốn hòa riêng.

Song tuy trong chính-giới rối loạn như thế, nhưng vẫn còn bọn quân-đảng giữ được thế-lực mạnh từ lần Cách-mệnh thứ nhất.

Ở các hàng tỉnh thì mỗi tỉnh cũng tựa hồ như có một ông vua nhỏ tranh lẫn nhau, làm loạn nước, mỗi người có một quân-đội riêng nuôi bằng tiền hàng tỉnh.

Trong các tướng có quyền-thế ấy thì Trương Huân là hiển-hách hơn cả, vì có quân-đội rất chỉnh-đốn và có kỉ-luật hơn nhất. Trương Huân đóng quân ngay gần kinh-đô, trên đường thiết-lộ tự Thiên-tân đến Bắc-kinh nên rất là có thế-lực, làm-thời có thể làm nguy cho chính-phủ được.

Ông Đoàn Kỳ-Thụy thì cũng theo một chính-sách như Viên Thế-Khải ngày xưa mà muốn thống-nhất cả các quân-đội trong nước, để giữ quyền chi-phối trong tay. Tuy các nước Đồng-minh cũng không mong nước Tàu nhập cuộc có thể thực-lực giúp gì được cho việc chiến-dịch, nhưng sự khai-chiến với Đức cũng là một cái cơ-hội hay cho ông Đoàn để tổ-chức lại cả các quân-đội trong nước theo một thể-chế nhất-định cùng đặt cả vào quyền một chính-phủ trung-ương ở Bắc-kinh. Ông Đoàn cũng biết rằng tuy nghị-viện đã khả-quyết việc tuyệt-giao với Đức, nhưng nếu những viên đốc-quân các tỉnh không giúp sức cho chính-phủ thì sự đó cũng chẳng có ích-lợi gì, mà bọn đốc-quân lại có thể nhân đấy mà tạ sự gây loạn được. Vậy trước nhất phải dò xem bọn ấy có ý muốn giúp không đã. Bèn xướng ra hội-nghị các đốc-quân ở Bắc-kinh ngày 25 tháng 4, viên thì thân đến hội, viên thì cho người đến thay mặt. Hội-nghị quyết bàn nên khai-chiến với Đức.

Vậy thì việc đó chỉ còn đợi nghị-viện khả-quyết nữa là xong vậy. Ngày 10 tháng 5 nghị-viện họp để xét; giữa lúc bấy giờ thì người dân đến vận-động cho sự khai-chiến ở ngay cạnh nơi nghị-hội, sự vận-động đó thực là không phải lúc, khiến cho bọn nghị-viên ngờ rằng chính-phủ dùng cách đó để ép mình phải quyết-nghị việc chiến-tranh.

Thủ-tướng Đoàn Kỳ-Thụy đến sau không thể thắng đoạt được đảng phản-đối ở nghị-viện. Cái nghị-án về việc khai-chiến cũng hỏng. Thành ra bị thua bọn phản-đối mình mà tổng-thống Lê Nguyên-Hồng thì nghe nhời những bọn tả hữu cùng đảng quốc-dân thấy thủ-tướng gặp bước nguy-cơ như thế xem ra lại có ý bằng lòng. Thủ-tướng thì muốn giải-tán nghị-viện ngay lập-tức, tổng-thống không để cho kịp làm, ngày 13 tháng 5 hạ-lệnh cách chức. Ngoại-giao-bộ tổng-trưởng Ngô Đình-Phương lên thay làm thủ-tướng.

Cái chính-biến ấy khiến cho tức khắc bọn đốc-quân trong 11, 12 tỉnh phía bắc, toàn là bạn cùng thủ-túc Đoàn Kỳ-Thụy cả, khởi lên kháng-cự.

Trương Huân bắt tổng-thống Lê Nguyên-Hồng giải nghị-viện lập tức, cùng khởi-phục lại tòa nội-các Đoàn Kỳ-Thụy. Trung-gian bọn đốc-quân đặt một lâm-thời chính-phủ ở Thiên-tân.

Đó là căn-nguyên cái việc nội-loạn mới đương nổi lên ở nước Tầu hiện bây giờ. Nam Bắc tranh nhau, Bắc thì là đảng các viên đốc-quân, Nam có 6 tỉnh thì về đảng nghị-viện cùng tổng-thống Lê Nguyên-Hồng. Nghe tin 6 tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Quí-châu, Vân-nam, Hồ-nam, Tứ-xuyên, đã tuyên-cáo độc-lập, sắp sửa đề-binh lên đánh Bắc.

Mới tin hôm 1 tháng 7 tây này, Trương Huân cùng Khang Hữu-Vi đã ép Lê Nguyên-Hồng phải từ chức. Vua Tuyên-Thống lại lên làm vua, gọi là

Quốc-trưởng. Xuống chiếu phong Lê Nguyên-Hồng tước thượng-công đại nguyên-súy; Trương Huân tổng-đốc Trực-lệ và làm thống-tướng cả các tỉnh phía Bắc; phó tổng-thống Phùng Quốc-Chương tổng-đốc Lưỡng-giang; đại-tướng Lục Vinh-Đình tổng-đốc Lưỡng-Quảng. Ở Bắc-kinh có quân-đội của Trương Huân đàn-áp đã yên cả. Lê Nguyên-Hồng nói chẳng thà chết chứ không chịu để cho các tỉnh phía Nam họp lại, lập đảng nọ đảng kia. Cứ vậy may còn mong được khỏi lưu-huyết chăng. (1)

Ta đã thuật lại khi dài những việc nhớn trong thế-giới sảy ra từ đầu năm nay để các nhà đọc báo được đủ tài-liệu mà xét cái đại-thế việc chính-trị trong vạn-quốc hiện bây giờ.

Về việc chiến-tranh thì các nước đồng-minh đã chịu khổ chịu khó trăm nghìn phần mới phá-hoại dần dần được cái võ-lực của giống Nhật-nhĩ-man. Về đường ngoại-giao thì nước Đức hiện nay thực là đứng cô-độc trong thế-giới. Chỉ còn có giao-thiệp với mấy nước trung-lập nhỏ ở láng-riềng dễ bắt nạt, như nước Hòa-lan, nước Thụy-sĩ, nước Thụy-điển.

Cả thế-giới bây giờ nóng lòng sốt ruột, mong cho cái trận thiên sầu vạn thảm này chóng đến ngày kết-liễu, mà ước cho những kẻ gây ra trận ấy là đức-hoàng cùng bọn quân-chủ Đức sẽ sắp đến ngày ra chịu tội với thiên hạ, với giời đất vậy. Hiện nay đã có cái triệu-chứng rằng người dân Đức bị bọn cường-quyền mê hoặc đã lâu, nay đương hi-vọng muốn đạp đổ cái ách nước Phổ. Gương nước Nga vừa mới phá-đổ được cái chuyên-chế chính-thể cùng tuyên-lập dân-chủ thực đã kích-động bọn dân Đức dân Áo nhiều lắm.

Hiện-nay ta chưa thể thuật lại được những việc sảy ra ở bên Nga, vì những việc ấy chưa được biết tường lắm. Đại quốc bạn với nước Pháp thực là phú ư cái duy-tâm-tinh-thần, hiện mới trải qua một buổi rất khó-khăn, còn đương khởi-phục lại vừa về đường chính-trị, về đường hành-chính cùng về đường quân-sự nữa. Những sự vận-động của bọn âm-mưu Đức cố ý làm cho bối dối cái tình-thế trong nước Nga để gây lên nội-loạn thì xét ra không thành công cả, chỉ đủ khiến cho hết thảy dân Nga đồng-tâm hiệp-lực mà kết lại thành một khối bền chặt không lay đổ được; những nhà lĩnh-tụ trong đảng quốc-dân cùng trong lâm-thời-chính-phủ đã trịnh-trọng tuyên-cáo rằng không bao giờ ký-ước riêng với nước Đức, mà sẽ hết sức theo đuổi sự chiến-tranh cho đến ngày toàn-thắng, có thế thì cuộc hòa-bình mới được vững-vàng, nghĩa dân-chủ mới được thịnh hành trong khắp cả Âu-châu vậy.

Ở bên Á-đông thì nước Nhật-bản nhờ được những lợi-quyền riêng về việc chiến-tranh mà cái tài-sản trong nước đã tăng-tiến lên rất nhanh, vậy cố bảo-tồn cho cuộc hòa-bình ở bên này. Nước Nhật-bản đảm-nhận việc tuần phòng trên mặt bể. Chỉ có việc nội-loạn bên Tầu là cái khuyết-điểm to trong tình-thế cõi Á-đông; các nhà thực có bụng với nước Tầu cũng vì những việc đó mà lo thay cho nước ấy, tự nghĩ rằng không biết cái dân-quốc trẻ tuổi kia cứ rối-loạn hỗn-độn mãi như thế thì đến sau kết cục ra làm sao vậy.

* * *

Việc trong nước. — Đồng-bào ta trong tai còn văng-vẳng những nhời diễn-thuyết hùng-hồn của quan Toàn-

(1) Việc Tầu mỗi ngày một biến-đổi, bây giờ chưa biết rõ tình-hình ra làm sao. Đây là thuật đến đầu tháng 7 tây, còn việc về sau, thì kỳ sau mới có thể nói tường được.

quyền SARRAUT đã đọc gần khắp mọi nơi. Bọn ta đã được biết đại-khái cái chính-sách của ngài : là muốn cực-lực phát-đạt cuộc kinh-tế trong cõi Đông-dương, để cho người dân được thêm giầu-có, mà có thể giúp cho mẫu-quốc được thành công.

Mấy tháng đầu quan Toàn-quyền ở đây chỉ chủ nghiên-cứu những kế-hoạch để thi-hành cái chương-trình ấy. Như sát hạch lại các ngạch thuế thương-chính, sáng lập ra một đội thương-thuyền nhỏ, tưởng-lệ cho thương-nghiệp công-nghệ trong xứ, đó là mấy việc chính trong sự kinh-tế vận-động của quan Toàn-quyền, có nhẽ đến mùa đông sau này thì sẽ bắt đầu thấy kết-quả.

Quan Toàn-quyền SARRAUT muốn thực hành cái câu : « có tài-chính tốt thì chính-trị mới hay được ». Mà quả-nhiên như vậy. Không có tiền thì làm thế nào mà kinh-doanh được những việc nhớn trong xứ này là xứ mới gọi là tập bước vào đường văn-minh tiến-bộ ngày nay. Vậy thì cái gốc chính-trị của quan Toàn-quyền ta là chủ làm cho dân được thêm giầu-có, mà khéo quản-phân của cải trong nước. Về sau rồi ta sẽ có dịp sét trong báo này những việc mưu-toan nhớn của ngài về đường ấy, những việc ấy nhờ tay ngài quả-quyết sẽ sắp đến ngày thực-hành được.

Quan Toàn-quyền đã chắc cái tiền-đồ xứ này thịnh-vượng thế nào, đã biết những tài-sản trong xứ này phong-phú là chừng nào, thì ngài sẽ rộng mở đường khoan-dung mà khai-hóa cho dân ta, như ngài đã từng công-cáo cho bọn ta biết ; những công-cuộc ngài hứa cho ta ấy sau này sẽ ích lợi cho dân An-nam ta vô cùng vậy.

Ai cũng nhớ những nhời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền đọc tại Nam-định đầu tháng sáu vừa rồi, trong mấy bài diễn-thuyết ấy ngài đã kể qua cái chương-trình về việc học cao-đẳng mà ngài có ý muốn thi-hành nay mai. Hiện nay việc cải-lương sự học là cái vấn-đề quan-trọng nhất, cần-cấp nhất trong xứ ta. Sau này ta sẽ có dịp nhân những việc thực-hành của quan Toàn-quyền mà bàn riêng về cái vấn-đề ấy.

Trong tháng 7 này xứ Bắc-kỳ ta sẽ có một sự cải-cách nhớn, ảnh-hưởng rất là sâu-xa. Hoàng-thượng ta đã tỏ ý cùng với nhà nước bảo-hộ khởi-hành những sự cải-lương có ích cho dân ta, bèn định sắp tuyên-bố một bộ luật mới để bắt đầu thi-hành trong các tòa nam án xứ Bắc-kỳ. Hoàng-thượng tuyên-bố xong thì quan Toàn-quyền sẽ chuẩn-nhận cho phép thực-hành ngay, khiến cho những điều tệ-tập cũ chóng trừ được, cho dân ta được hưởng công-bằng hơn xưa. Trong một số sau bản-báo sẽ bàn kỹ về cách thi-hành luật mới ấy thế nào.

Mùa hạ năm nay quan Toàn-quyền sẽ vào nghỉ trong Nam-kỳ để giải-quyết mấy cái vấn-đề quan-trọng về việc kinh-tế trong nước. Song trước khi vào Nam-kỳ ngài sẽ đi kinh-lược mấy tỉnh phía bắc Trung-kỳ, cùng vào chơi kinh-đô, định khởi-hành lễ chính-trung ở trong ấy. Nhân thể ở Huế ngài sẽ cùng Hoàng-thượng điều-đình mọi việc về sự cải-lương pháp luật ở xứ Bắc-kỳ.

TIỂU-THUYẾT

BỘ TIỂU-THUYẾT « CÁI VINH CÁI NHỤC CỦA NHÀ QUÂN »

Trong xã-hội có một hạng người khi vẻ vang thì cực vẻ vang, mà lúc khổ-nhục, thì thậm khổ-nhục, gặp những buổi quốc-gia nguy-biến thì cầm tính-mệnh một dân ở trong tay, ở vào thời trong nước thái-bình thì không ai hề đoái-hoài đến. Hạng người ấy là ai ? Hạng người ấy là bọn nhà quân vậy. Ai đã từng trải qua cái cảnh cực vinh cực nhục ấy, mới được biết hết mùi bùi ngọt chua cay. Nhưng mà cái bùi ngọt thì ít có, mà vị chua cay là cái vị thường của con nhà vác súng deo gươm ! Tả được cái cảnh vinh nhục ấy, không những là cái vinh-hoa nồng-nàn những buổi thành đổ nước nghiêng, mà lại nhất là cái nhẫn-nhục thầm-đạm những ngày thái-bình vô-sự, để biểu-dương cái nghĩa cao-thượng nó ngụ không những là ở trong cái cảnh vinh-hoa kia mà lại nhất là ở trong cái lòng nhẫn-nhục này, các nhà văn-sĩ từ xưa đến nay, mấy người đã làm trọn được cái công-trình ấy ? Vì không phải là có tài văn-chương mà đủ làm được, tất dã phải thân bước vào cái cảnh ấy, sống ở trong cái cảnh ấy, mà không bị cái khí-vị khi nhạt khi nồng trong cảnh ấy nó mờ-ám mất cái nhỡn-lực của mình, tựa hồ như đứng trong bọn nhà quân mà mình vừa là chủ vừa là khách ; phải có thế thì mới thuộc được cái tâm-lý một bọn người xưa nay kẻ chê cũng lắm, người khen cũng nhiều. De Vigny *tiên-sinh thực đã gồm đủ tư-cách ấy, lại thêm cái tài văn-chương cao-nhã, nên sách « Cái vinh cái nhục* [1] *của nhà quân »* (Grandeur et servitude militaires) *của tiên-sinh đã lưu-danh trong văn-học nước Pháp như một bức tranh truyền-thần của cái tâm-hồn thân-thể bọn quân-gia vậy.*

Sách này gồm mấy truyện nhỏ của tiên-sinh hoặc đã từng-trải, hoặc được nghe biết, cái phần sự thực với phần tưởng-tượng cũng ngang nhau. Chia ra làm hai mục : mục « Nhục » cùng mục « Vinh », để cho biết cái vinh với cái nhục ở đây cùng cao-thượng bằng nhau, mà cả cái thân-thể của con nhà quân cũng chỉ tóm lại trong một chữ : là chữ nghĩa-vụ *vậy.*

Ôi ! cái Nghĩa-vụ là một cái sức thiêng-liêng, nó khiến cho người ta đã đem lòng vào thờ nó thì không còn biết phân-biệt nhục-vinh gì nữa, chỉ biết chỉ dâu đi đấy mà thôi. Bởi-thế mà cái lòng thờ nghĩa-vụ ấy, lắm lúc nó đưa người ta vào những cảnh-ngộ rất bi-thảm, như trong mấy truyện sau này.

Ngày nay một nửa phần trong nhân-loại đương làm hi-sinh cho cái thần chí-nghiêm là thần nghĩa-vụ ấy, tưởng không sách gì đọc hợp thời bằng sách « Cái vinh cái nhục của nhà quân » này. Người mình có thể nhân đấy mà hiểu được cái tâm-hồn những người chiến-sĩ đương xông-pha ở nơi chiến-trường Âu-châu, cùng cái cách họ thờ cái Nghĩa-vụ nhiệt-thành thâm-thiết là chừng nào.

Bởi thế dịch sách này ra quốc-văn.

Ph. Q.

---

(1) Nhục đây nghĩa-là nhẫn-nhục, không phải là đê-nhục.

Bộ tiểu-thuyết Cái vinh cái nhục của nhà quân *có ba truyện, đề là:* 1° Truyện cái dấu đỏ (*Le cachet rouge*) ; 2° Một đêm ở trại Vincennes (*La veillée de Vincennes*) ; 3° Truyện cái gậy song (*La canne de jonc*) ; *không kể một thiên tổng-luận ở trên đầu. Bắt đầu dịch* Truyện cái dấu đỏ *sau này.* (1)

TRUYỆN CÁI DẤU ĐỎ

(Thảm-tình tiểu-thuyết)

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Một ngày tình-cờ gặp-gỡ trên đường nhớn...

Con đường nhớn đi qua đất Á-nhĩ-đóa cùng đất Phật-lan-đức-lôi, dặm thẳm mà cảnh buồn. Đường chạy thẳng một mạch, không có cây-cối, không có hào-rãnh, bốn bề đồng-điền bát-ngát, mùa nào cũng đầy một thứ bùn vàng. Hồi tháng ba năm 1815, tôi có đi qua con đường ấy, tình-cờ được một sự gặp-gỡ, từ bấy đến nay vẫn không quên.

Tôi đi một mình, cỡi ngựa, áo khoác ngoài trắng, áo mặc trong đỏ, mũ đội đen, cắp súng ngắn, đeo gươm dài ; đi đã bốn ngày bốn đêm mà giời vẫn mưa như chút. Tôi còn nhớ bấy giờ tuổi đương thanh-niên, vừa đi vừa hát, lấy làm khoái-chí lắm.

Những anh em bạn tôi thì đi trước theo vua Lộ-dịch thập-bát, họ cũng đi một con đường ấy ; trông tịt-mịt về phía Bắc còn thấy phất-phơ áo trắng áo đỏ ; lại tịt-mịt về phía Nam thì chốc-chốc thấy nhấp-nhô ngọn cờ ba sắc trên đầu kích của bọn khinh-kỵ-binh Nã-phá-luân cho đi đàn-áp chúng tôi từng bước một. Con ngựa tôi mất một cái móng sắt, cho nên phải đi chậm về sau. Nhưng nó trai-trẻ mạnh-khỏe, tôi bèn cho nó đi kịp đội tôi, phóng chạy nước đại. Tôi đề tay vào thắt lưng thấy nạm những vàng ; vỏ gươm chạm vào chân dăng, tiếng kêu loảng-xoảng. Trong mình lấy làm tự-cao lắm, thập-phần hoan-hỉ.

Giời thì vẫn mưa mà tôi thì cứ hát, song chỉ có mình nghe mình, ngoài tiếng mình chỉ có tiếng mưa cùng tiếng chân ngựa lõm-bõm dưới bùn, nghĩ cũng chán, không hát nữa. Bỗng trên đường không có lát nữa, đi thũng chân xuống, phải đi bước một. Đôi ủng to của tôi bề ngoài chát đầy bùn vàng như đất sét, bên trong thì đựng đầy những nước mưa. Tôi nhìn lại cái ngù vàng mới mẻ của tôi, khác nào như cái hạnh-phúc, cái khoái-lạc của tôi vậy ; nước mưa vào nó đứng dựng cả lên, trông thấy mà buồn.

Con ngựa tôi vừa đi vừa cúi đầu xuống ; tôi cũng cúi đầu xuống ngẫm-nghĩ, bấy giờ mới tự hỏi mình là một rằng mình đi thế này là đi đâu. Té ra chẳng biết đi đâu cả ; nhưng mà cũng chẳng bận lòng nghĩ-ngợi lâu-dài làm gì ; chắc rằng cái đội ta ở đâu là

---

(1) ALFRED DE VIGNY tiên-sinh sinh năm 1797, mất năm 1863, là một nhà đại văn-hào nước Pháp trong thế-kỷ thứ 19. Tiên-sinh làm thơ, làm tiểu-thuyết, làm diễn-kịch. Những sách lưu-truyền nhất là : *Poèmes antiques et modernes* (Thơ cổ thơ kim) ; *Grandeur et servitude militaires* (Cái vinh cái nhục của nhà quân) ; *Les Destinées* (Thơ vận-mệnh) ; *Chatterton* (diễn-kịch). *Cinq-mars* (tiểu-thuyết). Trong bấy nhiêu sách tiên-sinh thường than cái cảnh khổ những người có tài mà không được biết, than cái vô-tình của tạo-vật, của người đời, lại khuyên nên lấy cái lòng can-đảm nhẫn-nhục mà đối lại. Tư-tưởng thực là cao-thượng vô-cùng. Tiên-sinh thường có câu thơ : *J'aime la majesté des souffrances humaines* (Tôi ưa cái khí-tượng nhớn-nhao những sự đau-khổ của người ta). Câu thơ ấy thực là biểu-hiện cái tư-tưởng của tiên-sinh vậy.

nghĩa-vụ ta ở đấy vậy. Bấy giờ thấy trong bụng cực là bình-tĩnh khoan-khoái, bèn cảm-tạ cái nghĩa cao-thâm gọi tên là cái nghĩa-vụ ấy, mà muốn giải xem nó thế nào. Bình-sinh mình đã từng được trông gần mà thấy nào con trẻ tóc-xanh, nào người già đầu-bạc, đều vui-vẻ mà gánh-vác những sự khó-nhọc phi-thường, đã từng thấy bao nhiêu người ăn sung ở sướng mà biết nhẹ lòng coi thường cái đời sung-sướng ấy, lại thấy về phần mình cũng được dự vào cái lạc-thú kỳ-diệu của người đã biết tin sâu trong bụng rằng phàm cái nợ Danh-dự là không cái nào trốn được ; thấy thế tôi mới hiểu rằng cái lòng Vong-kỷ chẳng qua cũng là một sự dễ-dàng thường-có mà thôi.

Tôi tự hỏi trong bụng rằng cái lòng Vong-kỷ ấy nó có phải là cùng sinh với ta không ; tự hỏi rằng người ta thường có cái tính cần phải vâng-theo ở ngoài, cần phải đem cái lòng tự-chủ của mình mà đặt vào tay người khác coi như một vật nặng vật phiền, là làm sao ; tự hỏi rằng bởi đâu hễ chút được cái gánh nặng ấy thì trong bụng thấy có cái sướng thầm ; mà làm sao cái lòng tự-cao tự-đại của người ta không từng thấy phản-đối lại bao giờ. Tôi thường thấy ở đâu cái lòng vong-kỷ ấy nó cũng như một cái thần-lực buộc các quốc-dân lại thành từng đoàn-thể cường-mạnh ; nhưng tôi chưa từng trông thấy đâu có cái lòng quên-bỏ những việc riêng, nhời riêng, tình riêng, ý riêng, hoàn-toàn kịch-liệt bằng trong bọn quân-gia vậy. Đâu đâu tôi cũng thấy người ta tìm cách để cưỡng-mệnh, mà đem thực-hành cái cách ấy, vì phàm ở đâu cũng thấy người dân có cái tính phục-tòng « sáng-suốt mà khôn-ngoan », biết suy-xét, biết lượng đến đâu là có thể thôi được. Thậm chí đến người đàn-bà hà kẻ nhu-thuận mà có khi bắt làm điều sằng cũng không chịu vâng theo, pháp-luật cũng bênh-vực cho. Duy có cái tính phục-tòng của bọn nhà quân, vừa « thụ-động », vừa « chủ-động », nhận được mệnh-lệnh, thi-hành mệnh-lệnh, cứ nhắm mắt mà đập như thần Vận-mệnh đời cổ-xưa, thì chưa dễ đã thường thấy có ! Tôi ngẫm-nghĩ cái lòng vong-kỷ của người quân-nhân ấy, xét hết mọi sự kết-quả xa gần, mới biết rằng cái lòng vong-kỷ ấy thật là vô-hồi vô-hạn, có khi khiến nên những công việc ghê-thảm.

Tôi vừa để cho ngựa đi vừa nghĩ riêng như thế, mắt nhìn giờ vào đồng-hồ, lại trông con đường cứ chạy thẳng-băng mãi, không có một cái cây, không có một cái nhà nào, cắt đôi cánh-đồng cho đến tận tít-mịt chân giời, tựa hồ như một cái vạch vàng nhớn trên một tấm vải thâm. Có khi cái vạch nước hòa với đất bùn chung quanh, mặt giời thường thảm-đạm nhưng hễ hơi có ánh sáng lên một tí thì trông thấy cái cảnh-tượng tiêu-điều ấy lấp-loáng lên, tưởng như mình đứng giữa một cái bể bùn, theo một dòng chảy những đất lầy bùn lội.

Xét kỹ trên con đường vạch vàng ấy thì nhận thấy cách ước chừng chia tư một phần dặm có một cái nét chấm đen đương đi. Thấy thế lấy làm vui, vì chắc rằng có người nào đi đấy. Nhìn không dời mắt nữa, bèn trông ra cái chấm đen ấy cũng đi như tôi về phía thành Lí-lặc, mà xem đi chệch chạc không ngay-ngắn thì biết rằng đi đã mệt. Tôi bước rảo lên, tiến dần đến cái vật ấy, thấy nó đã hơi dài-dài ra một tí, mắt nhìn đã to-to. Đất chỗ ấy rắn hơn, tôi lại cho ngựa tế lên, thì nhận ra hình một cái xe nhỏ đen-đen. Bấy giờ trong bụng đói, mong được một cái xe nhà hàng để mua ăn, bèn dùng con ngựa như một chiếc thuyền, hết sức bơi chèo cho đến cái đảo hạnh-phúc kia, mà « thuyền-ngựa » thì đi giữa một cái bể có lúc ngập đến bụng.

Đến cách một trăm bước thì mới phân-biệt được rõ-ràng là một cái xe nhỏ bằng gỗ trắng, có ba cái khoanh tròn làm khung với một miếng vải sơn đen che trên, tựa hồ như một cái chòng nhỏ cho trẻ con nằm mà đặt trên hai bánh xe. Bánh xe thì bết bùn đến tận giữa trục bánh ; có một con la con kéo xe, một người đi đất cầm cương giắt, xem ra nặng-nhọc lắm. Tôi đi gần vào người ấy, nhìn kỹ xem.

Người chạc năm mươi tuổi, râu bạc, mạnh-khỏe cao-nhớn, lưng gù-gù như thể những viên tướng bộ-binh già, thủa trước đã từng đeo bao. Xem quân-phục thì là một người tướng bộ-binh thật, ngoài mặc một cái áo tơi mùi lam ngắn và cũ, nhác trông ở trong thấy đeo cái ngù một viên trung-tá. Mặt nghiêm-khắc mà nhân-từ, trong bọn nhà quân thường có lắm người như thế. Viên ấy liếc mắt nhìn tôi, lông mày to và đen, rồi rút phắt trong xe ra một cái súng, nạp đạn vào, chạy sang bên kia con lừa, hình như lấy con lừa làm cái tường ngăn. Tôi trông thấy cái hiệu mũ trắng của hắn thì tôi lại chìa cái tay áo đỏ của tôi ra. Bấy giờ hắn mới cất súng vào trong xe mà nói rằng :

« À ! Thế thì không phải, tôi lại tưởng ông là cái bọn chó sói nó đuổi theo bọn ta sau này. Uống với tôi cốc rượu ? »

Tôi đi gần lại mà đáp : — Xin vâng. Đã 24 giờ nay tôi chưa được uống. »

Hắn ta đeo trên cổ một cái sọ dừa, trạm đẹp lắm, sửa như hình cái nậm rượu, có cái vòi bằng bạc, xem ra có ý trân-trọng mà hơi tự-cao. Hắn đưa cái nậm sọ dừa ấy cho tôi, trong ấy có một thứ rượu vang trắng xấu, tôi uống một ít lấy làm thú lắm, rồi đưa lại giả hắn.

Hắn vừa uống vừa nói: « Xin chúc-thọ cho vua ta ! Vua đã thưởng cho tôi đệ tứ-đẳng Bắc-đẩu bội-tinh, tôi nên tiễn vua ra đến địa-giới là phải [1]. Còn về sau, tôi chỉ trông cậy vào cái ngù này mà kiếm ăn, thì tôi lại về đội-quân của tôi, cái nghĩa-vụ phải thế. »

Hắn ta nói thế hình như nói riêng một mình rồi lại giắt con la con đi, nói rằng không nên đứng lâu cho mất thì giờ. Tôi cũng nghĩ như hắn, cho nên cũng lại bắt đầu đi, cách hắn ta vài bước. Tôi vẫn cứ nhìn mà không hỏi gì, vì tôi vốn không có cái thói thóc-mách hay nói, là cái thói thường trong bọn nhà quân.

Hai người cứ đi thế đến ước chia tư một phần dặm, không nói gì cả. Bấy giờ hắn ta đứng dừng lại để cho con la con nghỉ, con la ấy trông thảm lắm ; tôi cũng đứng dừng lại, cố vắt nước ở hai chiếc ủng ra, khác nào như hai cái thùng nước rầm chân vào trong.

Hắn ta nói : Hai ủng ông đã muốn dính vào chân rồi đấy.

Tôi nói : — Đã bốn đêm nay tôi không bỏ ra.

Hắn lại nói, giọng hơi khàn-khàn : — Thôi, tám ngày nữa thì không còn nhớ đến những nông-nỗi này nữa. Thời buổi này mà đi một mình cũng là hay. Ông có biết tôi mang cái gì trong xe này không ?

Tôi nói : — Không.

Hắn ta nói : — Tôi có một người đàn-bà trong xe này.

Tôi nói một câu : « Thế à ! » không ra bộ ngạc-nhiên lắm, rồi cứ đi thủng-thẳng bước một. Hắn ta đi sau tôi.

Hắn ta lại nói : — Cái xe tôi này tôi mua không mất mấy tí, cả con la này cũng thế. Đường đi giải thật, mà tôi chỉ có thế cũng đủ.

---

(1) Vua Lộ-dịch thập-bát bấy giờ bị Nã-phá-luân đuổi chạy chốn sang Tỉ-lợi-thì.

Tôi mời hắn hễ có mệt thì lấy ngựa tôi mà đi. Hắn ta xem ra có ý sợ tôi cười cái người trong xe của hắn, song mà nhời tôi nói rất là bình-dị nghiêm-trang, hắn ta lấy làm hởi dạ ngay, đến gần chân đăng, đập vào đầu gối tôi mà nói rằng :

— Tôi xem ông tuy thuộc vào bọn Áo-đỏ nhưng cũng có bụng tốt vậy.

Bọn Áo-đỏ đây tức là bốn đội quân-quan Áo-đỏ chúng tôi. Tôi nghe hắn ta nói đến tên Áo-đỏ ấy, giọng hơi chua cay, mới biết rằng bọn mình ăn-mặc sa-sỉ, phẩm tước lại cao, khiến cho trong bọn nhà quân người ta thường ghen-ghét.

Hắn ta lại nói thêm rằng : — Tuy vậy tôi cũng không phiền ông làm gì, là vì tôi không biết đi ngựa, mà vốn nghề cũng không phải đi đến ngựa.

Tôi nói : — Tôi tưởng những bực tướng-tá như ngài tất phải đi ngựa, chứ ?

Hắn ta nói : — Phải, độ một năm một lần, khi duyệt-binh, mà khi ấy nữa cũng chỉ đi con ngựa thuê mà thôi. Như tôi thì tôi vẫn vốn là chân thủy-quân, sau mới vào bộ-binh. Thế cho nên tôi không biết cỡi ngựa.

Hắn ta đi độ hai mươi bước, chốc-chốc lại trông nghiêng lại tôi, hình như đợi có hỏi gì không ; song tôi không hỏi gì cả thì hắn ta lại nói :

— Ông này ra cũng không hay có tính thóc-mách thật. Tôi nói thế tưởng ông lấy làm lạ thì phải.

Tôi nói : — Tôi cũng không lấy gì làm lạ mấy.

Hắn ta nói : — Phải, tôi thử kể truyện tôi đầu đuôi làm sao mà bỏ nghề đi bề, bấy giờ xem ông có lấy làm lạ không.

Tôi nói : — Phải đấy, ngài kể đi. Ngài nói truyện cho nó ấm người, tôi nghe truyện cũng quên được nước vào lưng, chẳng suốt đến gót chân.

Viên trung-tá ta bấy giờ mới sắp-sửa một cách trịnh-trọng để kể truyện, sắc mặt hứng-hở. Sửa ngay-ngắn lại cái mũ bọc vải sơn ở trên đầu, đưa vai lên một cái ; cái lối đưa vai ấy ai đã có làm qua trong bộ-binh thì mới có thể hình-dung được, nó là cái lối của người lính bộ-binh nâng cái bao đeo ở trên vai cho nó cao lên và bớt nặng đi, tức cũng là một cái thói quen lúc làm lính, đến khi làm quan nó thành cái tích. Vậy viên trung-tá đưa vai thế xong rồi lại còn uống một ít rượu trong sọ dừa, đá chân vào bụng con la để giục nó đi, rồi mới bắt đầu kể truyện.

PHẠM QUỲNH dịch

(Chương thứ nhì in kỳ sau)